



VINAMILK

Vinamilk
Vươn Cao
Việt Nam

2012

Báo cáo thường niên



MỤC LỤC

- 04 | LỊCH TÀI CHÍNH NĂM 2012
- 06 | TÓM TẮT KẾT QUẢ 5 NĂM HOẠT ĐỘNG
- 08 | TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- 10 | THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

- 12 | BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
- 16 | BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
 - Tình hình tài chính
 - Hệ thống phân phối
 - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
 - Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản
 - Phát triển vùng nguyên liệu
 - Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
 - Kế hoạch phát triển trong tương lai
 - Các giải thưởng, danh hiệu đạt trong năm

- 34 | DANH MỤC SẢN PHẨM
- 42 | GIỚI THIỆU CÔNG TY
 - Giới thiệu Công ty
 - Cơ cấu tổ chức Công ty
 - Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
 - Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị
 - Giới thiệu Ban Điều Hành
 - Giới thiệu Ban Kiểm Soát

- 66 | BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
 - Báo cáo quản trị
 - Báo cáo quản lý rủi ro
- 84 | BỘ QUI TẮC ỨNG XỬ
- 86 | BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 96 | HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
- 100 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CHÚ TRỌNG KHOA HỌC,
NUÔI DƯỠNG TRÍ TUỆ**

LỊCH TÀI CHÍNH NĂM 2012

Các công bố Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

| | Chưa soát xét | Đã kiểm toán |
|----------|---------------|--------------|
| • Quý 1: | 25/04/2012 | 07/05/2012 |
| • Quý 2: | 20/07/2012 | 01/08/2012 |
| • Quý 3: | 22/10/2012 | 06/11/2012 |
| • Cả năm | 22/01/2013 | 04/03/2013 |

Trả cổ tức:

Công ty đã thanh toán cổ tức cho cổ đông trong năm như sau:

| | Đợt cuối của cổ tức năm 2011 | Đợt 1 của cổ tức năm 2012 |
|--------------------------|------------------------------|---------------------------|
| • Cổ tức/ 1 cổ phiếu | 2.000 đồng | 2.000 đồng |
| • Ngày đăng ký cuối cùng | 10/04/2012 | 23/08/2012 |
| • Ngày thanh toán cổ tức | 25/04/2012 | 06/09/2012 |

Phát hành cổ phiếu:

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23/10/2012, Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng : 21/12/2012
- Tỷ lệ phát hành : 2:1 (nghĩa là cổ đông đang sở hữu 02 cổ phiếu hiện hữu sẽ nhận được 01 cổ phiếu phát hành thêm)
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 277.841.042
- Ngày niêm yết có hiệu lực : 23/01/2013
- Ngày chính thức giao dịch : 25/01/2013

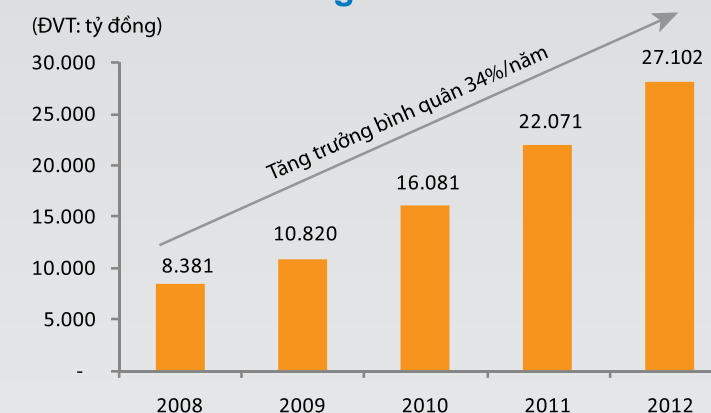
Họp Đại hội đồng cổ đông:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã được tổ chức ngày 23/03/2012.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được dự kiến tổ chức ngày 26/04/2013.

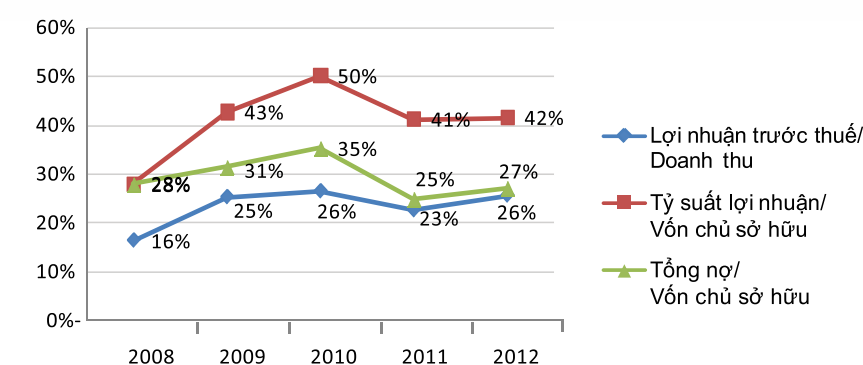
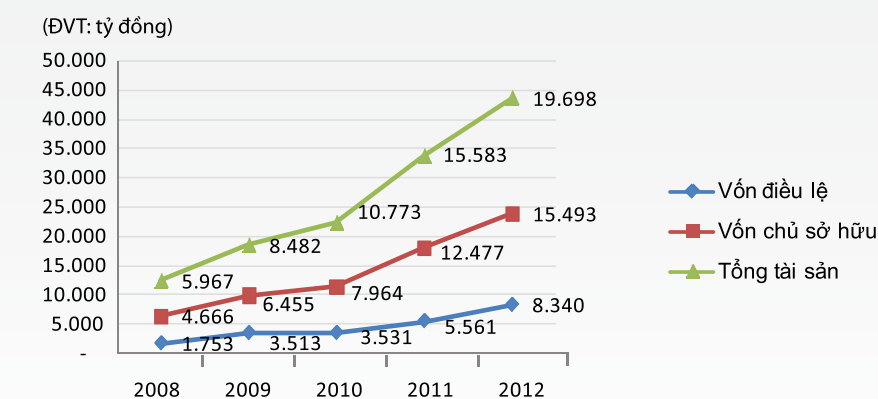
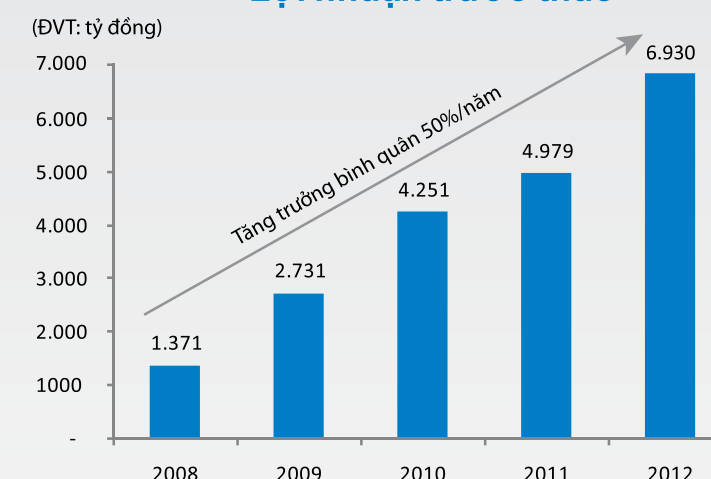
TÓM TẮT KẾT QUẢ 05 NĂM HOẠT ĐỘNG

| Năm kết thúc 31/12 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | Tăng trưởng bình quân |
|---------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|-----------------------|
| Báo cáo Lãi lỗ (tỷ đồng) | | | | | | |
| Tổng doanh thu | 8.381 | 10.820 | 16.081 | 22.071 | 27.102 | 34% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.371 | 2.731 | 4.251 | 4.979 | 6.930 | 50% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.249 | 2.376 | 3.616 | 4.218 | 5.819 | 47% |
| Cổ tức (đồng/ 1 cổ phiếu) | | | | | | |
| Thu nhập cơ bản | 3.563 | 6.769 | 6.834 | 5.145 | 6.981 | |
| Trả cổ tức trong năm | 3.900 | 2.000 | 5.000 | 3.000 | 4.000 | |
| Bảng Cân Đối Kế Toán (tỷ đồng) | | | | | | |
| Vốn điều lệ | 1.753 | 3.513 | 3.531 | 5.561 | 8.340 | 48% |
| Vốn chủ sở hữu | 4.666 | 6.455 | 7.964 | 12.477 | 15.493 | 35% |
| Tổng tài sản | 5.967 | 8.482 | 10.773 | 15.583 | 19.698 | 35% |
| Nợ vay dài hạn | 22 | 12 | - | - | - | |
| Giá trị tài sản thuần/1 cổ phiếu | 26.619 | 18.378 | 22.556 | 22.437 | 18.577 | |
| Chỉ số tài chính | | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 16% | 25% | 26% | 23% | 26% | |
| Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu | 28% | 43% | 50% | 41% | 42% | |
| Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu | 28% | 31% | 35% | 25% | 27% | |

Tổng doanh thu



Lợi nhuận trước thuế



TÂM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

VINAMILK
VINAMILK
VINAMILK

TÂM NHÌN

“Trở thành biểu tượng niềm tin số một Việt Nam về sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe phục vụ cuộc sống con người”

SỨ MỆNH

“Vinamilk cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng tốt nhất, chất lượng nhất bằng chính sự trân trọng, tình yêu và trách nhiệm của mình với cuộc sống con người và xã hội”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

CHÍNH TRỰC >

1

Tôn trọng bản thân, tôn trọng đồng nghiệp. Tôn trọng Công ty, tôn trọng đối tác. Hợp tác trong sự tôn trọng.

TÔN TRỌNG >

2

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

CÔNG BẰNG >

3

Tuân thủ luật pháp, Bộ Quy tắc Ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

TUÂN THỦ >

4

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.

ĐẠO ĐỨC >

5

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2012 là một năm nhiều biến động trong điều kiện kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, sức mua chưa phục hồi, ở Việt Nam là tình hình khó khăn trên thị trường tài chính, sự tồn tại của các doanh nghiệp, và Vinamilk cũng không là ngoại lệ, khó khăn phải đối mặt cũng không ít. Tuy nhiên năm qua, Vinamilk đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao phó về cả doanh thu lẫn lợi nhuận, vị thế và danh tiếng Vinamilk được khẳng định trên thương trường.

Kết thúc năm 2012, Vinamilk đạt tổng doanh thu là 27.012 tỷ đồng (đạt 102% chỉ tiêu 2012 và tăng 23% so với năm 2011); tổng lợi nhuận trước thuế là 6.930 tỷ đồng (đạt 123% chỉ tiêu 2012 và tăng 39% so với năm 2011). Giá trị vốn hóa của Vinamilk là 73.350 tỷ đồng (tương đương 3,52 tỷ USD và tăng 52,6% so với năm 2011).

Với mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh mục tiêu tài chính nêu trên, Vinamilk luôn chú trọng tới sự phát triển trên các phương diện khác. Đầu tiên, đối với nhân viên, Vinamilk đã xây dựng một môi trường làm việc tốt với điều kiện làm việc an toàn, chuyên nghiệp, công sức và nỗ lực của nhân viên được đáp lại bằng chế độ thu nhập hợp lý. Ngoài ra, nhân viên được chăm sóc sức khỏe, chế độ làm việc đảm bảo được lợi ích và quyền lợi của nhân viên. Đối với xã hội – cộng đồng, Vinamilk làm tròn trách nhiệm đối với đất nước thông qua việc đóng Thuế vào ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, Vinamilk đã chia sẻ trách nhiệm với xã hội qua những hoạt động xã hội thiết thực. Về mặt Khách hàng Vinamilk đã nỗ lực trong việc đảm bảo sự đa dạng của sản phẩm với chất lượng tốt nhất để đáp lại sự tin yêu của Khách hàng. Và một điều không thể không nhắc đến, là sự hợp tác bền vững, lâu dài trên tinh thần hài hòa lợi ích với các đối tác.

Bước sang năm 2013 với tình hình kinh tế chung vẫn còn những biến động và khó khăn, với sứ mệnh đưa vị thế của Vinamilk tiếp tục khẳng định tầm vóc quốc tế với sự phát triển bền vững, Vinamilk cũng đã chuẩn bị chu đáo, toàn diện trên các mặt chiến lược, cơ sở hạ tầng, quản trị doanh nghiệp... Tuy nhiên, điều đó có thành công hay không vẫn phụ thuộc vào những điều tiên quyết sau đây:

- Sự tin yêu và tín nhiệm lâu dài của Khách hàng
- Sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho Vinamilk.
- Sự cam kết, ý chí, nỗ lực và sáng tạo không ngừng của toàn bộ tập thể nhân viên Vinamilk.
- Sự hợp tác bền vững trên cơ sở tôn trọng, bình đẳng và hài hòa lợi ích của các đối tác.

Một lần nữa, thay mặt Vinamilk, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý Cổ đông, đối tác trong thời gian qua. Tôi tin rằng với sự hợp tác, nỗ lực cao nhất của tất cả chúng ta, Vinamilk sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu trong năm 2013 và vị thế của Vinamilk nhất định sẽ vươn lên một cách mạnh mẽ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Mai Kiều Liên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kiểm Tổng Giám đốc



*Kiểm soát
chặt chẽ, nâng cao
tính minh bạch và
gia tăng giá trị
doanh nghiệp*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO GỬI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kính thưa quý vị cổ đông của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Sự thành công của Vinamilk càng trở nên ấn tượng hơn nữa trong bối cảnh năm 2012 là một năm vô cùng khó khăn thách thức không chỉ đối với các doanh nghiệp Việt Nam mà còn là một năm đầy bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn thế giới.

Từ bề phóng vững chắc năm 2011, Vinamilk đã tiếp tục có một năm hoạt động kinh doanh hết sức thành công. Ngoài những kết quả khả quan về sản xuất kinh doanh, trong năm vừa qua, Vinamilk vẫn tiếp tục duy trì và củng cố hình ảnh doanh nghiệp, hướng tới việc đề cao văn hóa trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, đóng góp đáng kể vào ngân sách thuế của Nhà nước.

Sự thành công của Vinamilk càng trở nên ấn tượng hơn nữa trong bối cảnh năm 2012 là một năm vô cùng khó khăn thách thức không chỉ đối với các doanh nghiệp Việt Nam mà còn là một năm đầy bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn thế giới. Trong điều kiện kinh tế vĩ mô nhiều bất ổn như vậy, hệ thống quản trị rủi ro, kiểm tra giám sát của Vinamilk cần phải liên tục phát triển và hoàn thiện hơn nữa để hỗ trợ Công ty đạt được những mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát (BKS) bao gồm 3 thành viên độc lập, với tư cách là đại diện cổ đông và được sự hỗ trợ của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BĐH), tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến

ngợi thực hiện những thay đổi cần thiết tại Vinamilk để góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2012, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với Kiểm toán nội bộ (KTNB) và tích cực chủ động phối hợp, trao đổi trong các cuộc họp chính thức với HĐQT, BĐH, Kiểm toán độc lập, và sử dụng các dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp nhằm hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Giám sát các hoạt động của HĐQT và BĐH;
- Giám sát hoạt động Công ty thông qua KTNB;
- Theo dõi tình hình tài chính của Công ty;
- Hỗ trợ Vinamilk hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp ("ERM"); và
- Đề xuất và trình đại hội đồng cổ đông (ĐHCĐ) phê chuẩn Kiểm toán độc lập (KTĐL) cho năm tài chính 2013.

Giám sát các hoạt động của HĐQT và BĐH

BKS nhận thấy HĐQT và BĐH Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình và hoàn toàn tuân thủ đúng theo các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật. BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Vinamilk và đóng

góp ý kiến với HĐQT và BĐH trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại đại hội tháng 3 năm 2012. Các phương án kinh doanh, dự án đầu tư cơ bản, cơ hội đầu tư, và tăng vốn được thảo luận thấu đáo theo hướng có lợi và phù hợp nhất với chiến lược phát triển của Vinamilk.

Giám sát hoạt động Công ty thông qua KTNB

Sau hai năm hoạt động, phòng KTNB đã khẳng định được vai trò và hiệu quả của hoạt động kiểm toán, giành được sự tin cậy và đánh giá cao từ BĐH, đóng góp tích cực vào việc hoàn thiện hệ thống quản lý của Công ty. Các thủ tục, quy trình kiểm toán được phòng KTNB triển khai, dưới sự chỉ đạo của BKS, hoàn toàn phù hợp thông lệ kiểm toán quốc tế. Quy trình này bao gồm việc tìm hiểu, thực địa tại các phòng ban, đơn vị, kiểm tra các hồ sơ tài liệu trong giai đoạn được kiểm toán, trao đổi và phỏng vấn các vị trí quản lý các cấp để đảm bảo việc kiểm toán được toàn diện và chi tiết.

Trong năm 2012, phòng KTNB đã tiến hành 8 đợt kiểm toán đối với các quy trình quản lý kinh doanh chính của Công ty bao gồm: quy trình quản lý hoạt động marketing; quy trình quản lý dự án đầu tư nội bộ; quy trình quản lý phòng khám đa khoa An Khang; quy trình quản lý tiền, hàng hóa, tài sản cố định hữu hình; quy trình quản lý trang trại bò sữa; quy trình quản lý Xí nghiệp kho vận; quy trình quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất và quy trình quản lý thu mua sữa tươi. Đối với mỗi đợt kiểm toán, phòng KTNB đều có các kiến nghị cụ thể, rõ ràng và được sự đồng thuận của các phòng ban liên quan được kiểm toán, BKS và Tổng Giám đốc.

Kết quả các đợt kiểm toán nội bộ cho thấy không có rủi ro đáng kể trong hệ thống quy trình quản lý của Vinamilk cũng như việc tuân thủ của các đơn vị và cá nhân liên quan. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của KTNB cũng được các khối, đơn vị trong Công ty triển khai đầy đủ.

BKS cũng đã sử dụng tư vấn độc lập để đánh giá chất lượng của hoạt động KTNB và được xác nhận rằng KTNB đã tuân thủ các thủ tục, quy trình kiểm toán, bảo đảm chất lượng và tính độc lập cần thiết. Thông

qua các kiến nghị của một đơn vị tư vấn độc lập, BKS cũng đã đặt ra lộ trình hoàn thiện hóa hoạt động KTNB trong vòng 3 năm tới trong khuôn khổ của việc xây dựng hoạt động quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) của Vinamilk.

Theo dõi tình hình tài chính của Công ty năm 2012

Cùng với đại diện của Ủy ban Kiểm toán thuộc HĐQT, BKS họp định kỳ với Kiểm toán Độc lập của Vinamilk (Công ty TNHH PwC cho năm 2012) để trao đổi về phạm vi kiểm toán vào đầu năm và kết quả kiểm toán và các vấn đề được nêu trong thư quản lý. BKS cũng tiến hành phân tích báo cáo tài chính soát xét hàng quý.

Theo các báo cáo định kỳ và số liệu phân tích do BĐH trình bày tại các cuộc họp HĐQT, báo cáo soát xét hàng quý và báo cáo kiểm toán cả năm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, BKS nhận thấy tình hình tài chính của Vinamilk tiếp tục ở trạng thái lành mạnh:

- Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao; và
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk đều đạt và vượt các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ phê duyệt vào đầu năm 2012.

Hỗ trợ Vinamilk hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM)

Trong năm 2012, BKS đã sử dụng dịch vụ tư vấn quản lý rủi ro của KPMG để hỗ trợ Vinamilk rà soát tổng thể hệ thống ERM đang vận hành. Kết quả rà soát đã cung cấp cho BĐH và BKS một cái nhìn tổng quan về hệ thống hiện tại và đặt ra lộ trình để tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống hướng tới một hệ thống ERM tiêu chuẩn quốc tế. BKS đánh giá cao quyết tâm của BĐH trong việc phê duyệt một kế hoạch cụ thể với từng bước công việc chi tiết để xây dựng và phát huy vai trò của ERM như một công cụ chiến lược hỗ trợ BĐH trong việc ra quyết định và quản trị điều hành doanh nghiệp.

Thông qua sự giới thiệu của BKS, Vinamilk đã đồng ý để trở thành doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên tham gia vào Hiệp hội quản trị doanh nghiệp châu Á (ACGA). Đây tiếp tục là một minh chứng rõ ràng cho những nỗ lực và mục tiêu nâng tầm quản trị doanh nghiệp của BĐH Công ty. Việc gia nhập ACGA sẽ mang lại cho Công ty cơ hội tiếp cận với các mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến trên thế giới, đồng thời nâng cao hình ảnh của Công ty ở tầm khu vực và quốc tế. Đại diện BKS đã cùng với đại diện Vinamilk tham dự Hội nghị thường niên của ACGA tổ chức tại Bangkok vào tháng 11/2012, thảo luận về các xu hướng và vấn đề quản trị doanh nghiệp nổi bật trong khu vực và tại Việt Nam. Các nội dung này chắc chắn sẽ hữu ích cho Vinamilk trong quá trình xây dựng văn hóa quản trị doanh nghiệp, hội nhập khu vực và quốc tế.

Đề xuất và trình ĐHĐCĐ phê chuẩn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2013

BKS đã trực tiếp tổ chức xét chọn đơn vị kiểm toán độc lập của Vinamilk cho năm tài chính 2013. Quy trình tổ chức xét chọn của BKS được tiến hành hoàn toàn khách quan, độc lập với BĐH và có sự tham gia của tất cả các thành viên BKS. Các tiêu chí đánh giá xét chọn được thiết lập rõ ràng, chi tiết, nhằm đảm bảo quá trình xét chọn công bằng và chính xác. Sau khi đánh giá, BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2013 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

II. THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2012-2016

Theo Quy chế Công ty, một phần ba số thành viên BKS sẽ được bầu lại tại ĐHCĐ hàng năm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Anh Tuấn, Thành viên BKS, đã có nguyện vọng từ nhiệm khỏi BKS vì lí do cá nhân nên chúng tôi xin trình ĐHĐCĐ phê duyệt và bầu bổ sung thành viên mới thay thế cho thành viên từ nhiệm này.

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Với các kết quả từ năm 2012, BKS tin tưởng rằng các hoạt động quản lý rủi ro, kiểm tra và kiểm soát đã đem lại cho HĐQT, BĐH và các phòng ban trong Công ty thêm những thông tin quan trọng về thực trạng của hệ thống và những việc cần làm để tiếp tục hoàn thiện bộ máy của Vinamilk, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phục vụ cho tăng trưởng và khả năng tận dụng cơ hội thị trường trong dài hạn.

Năm 2013, phòng KTNB sẽ tập trung vào việc phát triển đội ngũ, bảo đảm duy trì chất lượng công tác kiểm toán, mở rộng hơn nữa quy trình và phạm vi kiểm toán và tái kiểm toán cũng như các hoạt động theo dõi hậu kiểm toán trong các bộ phận trọng yếu của Vinamilk.

Việc hoàn thiện hệ thống ERM sẽ là một trọng tâm và mục tiêu quan trọng trong giai đoạn 2013-2015. Một hệ thống ERM hoàn thiện và vận hành hiệu quả sẽ là cầu nối cần thiết thúc đẩy sự gắn kết toàn diện giữa hoạt động của BKS và KTNB với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục cùng sát cánh đưa hoạt động của Vinamilk ngày càng lớn mạnh và chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ các quý vị Cổ đông đã dành cho BKS trong năm 2012 và trong thời gian sắp tới.

Trân trọng,

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Ban Kiểm Soát



Nguyễn Trung Kiên
Trưởng ban



Duy trì khả năng tài chính vững mạnh và chú trọng chiến lược phát triển bền vững

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Tình hình tài chính
- Hệ thống phân phối
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản
 - Phát triển vùng nguyên liệu
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
 - Kế hoạch phát triển trong tương lai
 - Các giải thưởng, danh hiệu đạt trong năm

1. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty luôn được duy trì vững mạnh. Mặc dù trong năm đã chi một số tiền 3.111 tỷ đồng, lớn nhất từ trước tới nay cho đầu tư, mua sắm tài sản cố định, và thanh toán cổ tức cho cổ đông đợt cuối của năm 2011 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 với tổng số tiền là 2.223 tỷ đồng (4.000 đồng/ 1 cổ phiếu), nhưng dòng tiền vẫn duy trì ở mức cao. Các chỉ số tài chính rất tốt và đã được duy trì qua nhiều năm nay.

Các số liệu tài chính cơ bản như sau:

| (tỷ đồng) | 2012 | 2011 | % tăng/ (giảm) |
|-------------------------------------|--------|--------|----------------|
| Tổng tài sản | 19.698 | 15.583 | 26% |
| Tổng doanh thu | 27.102 | 22.071 | 23% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 6.630 | 4.751 | 40% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.930 | 4.979 | 39% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.819 | 4.218 | 38% |
| Lợi nhuận phân phối cho cổ đông (*) | 5.241 | 3.802 | 38% |
| Cổ tức thanh toán trong năm | 2.223 | 741 | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 42% | 20% | |

(*): Trích 10% lợi nhuận sau thuế vào quỹ phúc lợi, khen thưởng (xem thuyết minh số 2.19 của Báo cáo tài chính hợp nhất, trang 120 để biết thêm chi tiết)

Cổ tức được Công ty thanh toán 02 đợt cho cổ đông như sau:

| | Đợt cuối của cổ tức năm 2011 | Đợt 1 của cổ tức năm 2012 |
|------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Cổ tức/ 1 cổ phiếu | 2.000 đồng | 2.000 đồng |
| Ngày đăng ký cuối cùng | 10/04/2012 | 23/08/2012 |
| Ngày thanh toán cổ tức | 25/04/2012 | 06/09/2012 |

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 như sau:

| (tỷ đồng) | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2012 | % thực hiện |
|----------------------|----------------|---------------|-------------|
| Tổng doanh thu | 27.102 | 26.480 | 102% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.930 | 5.625 | 123% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.819 | 4.690 | 124% |

Nhìn chung, mặc dù tình hình thị trường còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Vinamilk đã có một năm tăng trưởng tốt, đạt được các chỉ tiêu đặt ra từ đầu năm. Trong đó, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt tốt hơn nhiều so với doanh thu là kết quả của việc thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ, tăng tính hiệu quả các chương trình tiếp thị, bán hàng.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| | 2012 | 2011 | % tăng/ (giảm) |
|--|---------|-------|----------------|
| i. Các hệ số về khả năng thanh toán | | | |
| • Hệ số khả năng thanh toán tổng quát | 4,7 | 5,0 | (0,3) |
| • Hệ số khả năng thanh khoản ngắn hạn | 2,7 | 3,2 | (0,5) |
| • Hệ số khả năng thanh toán nhanh | 1,8 | 2,1 | (0,3) |
| • Hệ số khả năng thanh toán lãi vay | 2.311,0 | 356,6 | 1.954,4 |
| ii. Hệ số cơ cấu tài chính | | | |
| • Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | 21% | 20% | |
| • Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | 27% | 25% | |
| iii. Hệ số hiệu quả hoạt động | | | |
| • Số vòng quay hàng tồn kho | 5,2 | 5,3 | (0,1) |
| • Số vòng quay các khoản phải thu | 12,0 | 13,1 | (1,1) |
| • Số vòng quay vốn lưu động | 2,6 | 2,8 | (0,2) |
| • Số vòng quay tổng tài sản | 1,5 | 1,6 | (0,1) |
| iv. Các hệ số sinh lời | | | |
| • Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | 21,9% | 19,5% | 2,4% |
| • Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | 33,0% | 32,0% | 1,0% |
| • Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu | 41,6% | 41,3% | 0,3% |

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty tiếp tục được duy trì vững mạnh. Các chỉ số về khả năng thanh toán giảm nhẹ so với năm 2011 do giải ngân đầu tư các dự án. Các chỉ số tài chính còn lại đều tốt hơn so với năm 2011.

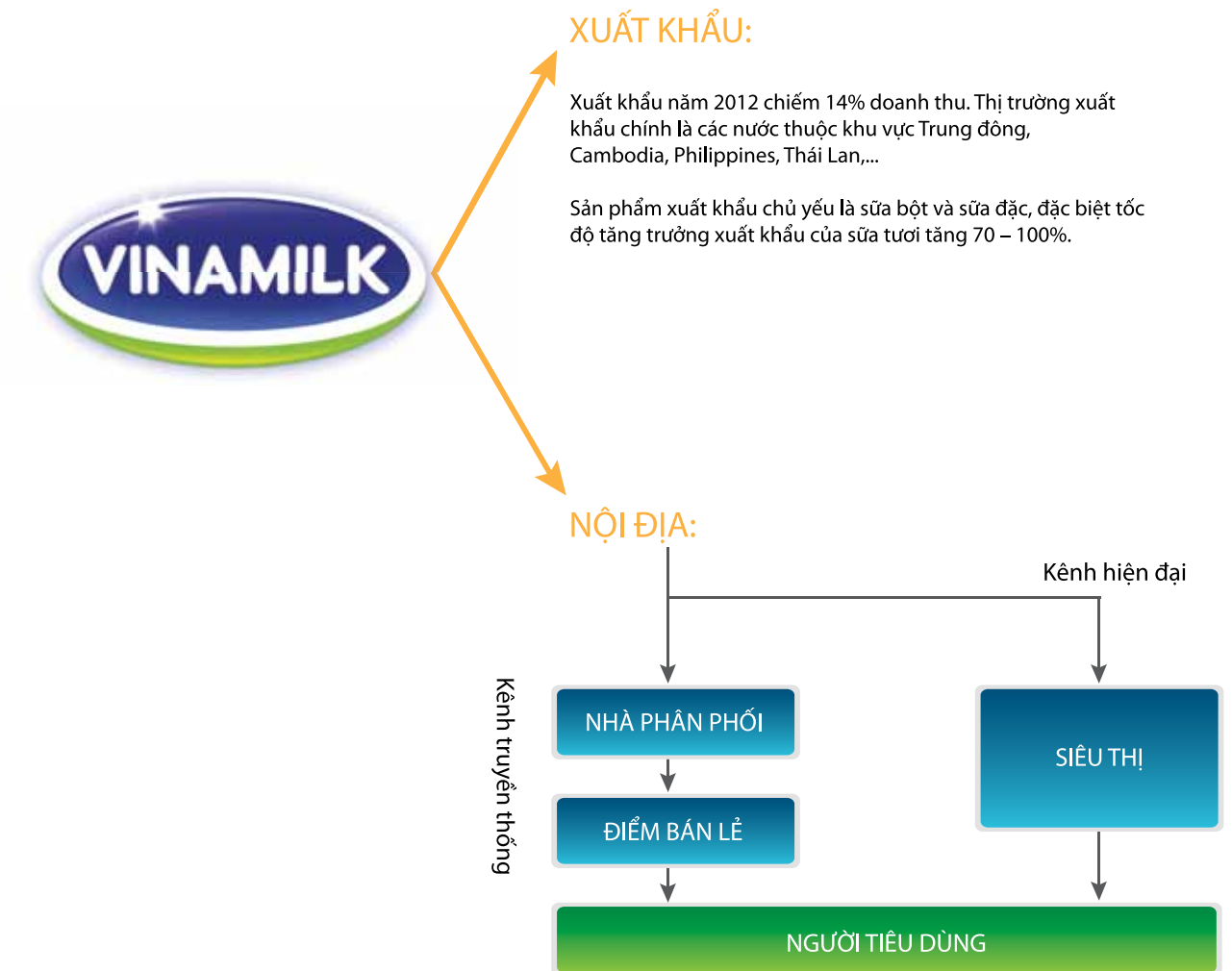
Về nợ vay ngân hàng: Công ty hoạt động chủ yếu từ nguồn vốn tự có, không có nợ vay ngân hàng.

2. Hệ thống phân phối

Hệ thống phân phối của Công ty tiếp tục được củng cố và không ngừng phát triển nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn của Công ty.

Mô hình hệ thống phân phối như sau:

- Đối với kênh phân phối hiện đại thì Vinamilk bán hàng trực tiếp đến các siêu thị trên toàn quốc.
- Đối với kênh phân phối truyền thống: Vinamilk thiết lập hệ thống gồm 250 nhà phân phối độc quyền trên toàn quốc. Các Nhà phân phối này sẽ giao hàng đến các điểm bán lẻ trong phạm vi phân phối của họ. Tại thời điểm 31/12/2012, Vinamilk đã bao phủ được hơn 200.000 điểm bán lẻ, tăng hơn 22.000 điểm so với cuối năm 2011.



N ă m
2012 là năm
bắt đầu thực hiện
chiến lược tham gia
phân khúc cao cấp
bằng nhiều sản phẩm
mới tiên phong đi
đầu

3. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm – “NHỮNG ĐẤU ẤN TRONG NĂM 2012”

Trong năm 2012, Vinamilk tiếp tục lớn mạnh về doanh số, sản lượng cũng như trình độ sản xuất và chủng loại sản phẩm.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, bên cạnh việc đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Vinamilk tiếp tục chú trọng phát triển các dòng sản phẩm mới giúp cải thiện và tăng cường sức khỏe con người, chăm sóc sắc đẹp, có lợi cho sự phát triển thể chất và trí tuệ của cộng đồng.

Năm 2012 đánh dấu những thành công nhất định của Vinamilk trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Vinamilk đã tung ra thị trường hàng loạt sản phẩm mới thuộc nhiều nhóm ngành hàng khác nhau như : dòng sữa tươi tiệt trùng tách béo Vinamilk 100%, sữa chua Probeauty bổ sung collagen, sữa chua Susu bổ sung chất xơ hòa tan và lợi khuẩn probiotic, kem vani, nước chanh muối Icy, sữa đậu nành Gold Soy, sữa công thức Dielac Optimum cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, sản phẩm dinh dưỡng Sure Prevent cho người lớn tuổi và người bệnh mới phục hồi, ...

Nổi bật nhất trong các sản phẩm mới tiêu biểu của Vinamilk năm 2012 là sữa đậu nành Gold Soy, sữa chua Probeauty và sữa công thức Dielac Optimum với những thành công bước đầu ấn tượng, được người tiêu dùng ủng hộ và đánh giá cao.

Tuy vừa ra mắt trên thị trường không bao lâu nhưng sữa đậu nành giàu đạm GoldSoy của Vinamilk được sản xuất từ 100% hạt đậu nành không biến đổi gen đã chiếm trọn lòng tin của người tiêu dùng nói chung và chị em phụ nữ nói riêng.

Hiện nay, người tiêu dùng có xu hướng chỉ lựa chọn những sản phẩm thuần thiên nhiên vì những gì đến từ thiên nhiên luôn được xem là tốt nhất. Giống như tất cả các sản phẩm khác của Vinamilk luôn sử dụng nguồn nguyên liệu chất lượng nhất từ thiên nhiên, sữa đậu nành giàu đạm GoldSoy được làm từ 100% hạt đậu nành không biến đổi gen đã mang đến sự an tâm tuyệt đối cho người tiêu dùng, nhất là khi vấn đề “Thực phẩm biến đổi gen có gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người không?” vẫn còn đang gây ra nhiều tranh luận.

Bên cạnh đó, sữa đậu nành chứa một lượng lớn chất dinh dưỡng lý tưởng với đầy đủ protein, 8 loại axit amin, kẽm và các vitamin A, E, B12... nên rất tốt cho sức khỏe và còn có tác dụng làm đẹp, làm giảm cholesterol trong máu, đẩy nhanh quá trình chuyển hóa và trao đổi chất trong cơ thể, giúp phái đẹp duy trì được



Máy đóng gói sữa chua Probeauty
Nhà máy Sữa Tiên Sơn



Sữa chua Probeauty trên dây chuyền sản xuất –
Nhà máy Sữa Tiên Sơn

vóc dáng mảnh mai, thon gọn. Đặc biệt hơn, sữa đậu nành giàu đạm GoldSoy còn được bổ sung canxi và vitamin D có tác dụng ngăn ngừa loãng xương, giúp xương chắc khỏe.

Cùng thuộc nhóm các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp, sữa chua ăn cao cấp Probeauty bổ sung collagen là một đột phá mới trong việc nghiên cứu sản phẩm của Vinamilk.

Collagen chiếm đến 70% cấu trúc da, tạo nên sự đàn hồi và co giãn tự nhiên của làn da. Từ 20 tuổi trở đi, mỗi năm da mất đi 1% lượng Collagen do lão hóa, stress và ô nhiễm môi trường. Với quá trình suy giảm sản xuất Collagen tự nhiên của cơ thể, làn da phụ nữ sau tuổi 25 trở nên kém săn chắc, mịn màng, dần dần chùng nhão và hình thành nếp nhăn. Vì vậy, bổ sung dần dần Collagen cho da từ sau 20 tuổi sẽ giúp phụ nữ đẩy lùi dấu vết thời gian, duy trì được nét trẻ trung và mịn màng cho làn da.

Những năm gần đây, trào lưu chăm sóc sức khỏe và làm đẹp da một cách tự nhiên bằng collagen đang rất phổ biến trên toàn thế giới và tại Việt Nam. Trong đó, xu hướng chăm sóc da từ bên trong bằng các thực phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên giàu Collagen - một loại protein thiết yếu để nuôi dưỡng và trẻ hoá làn da - được nhiều phụ nữ hiện đại ưa chuộng.

Thấu hiểu nhu cầu duy trì nét thanh xuân của phụ nữ hiện đại, Vinamilk đã đưa ra bí quyết dưỡng da tự nhiên với sữa chua ăn Vinamilk Probeauty. Trong mỗi hộp Probeauty chứa hàm lượng 1.350 mg Collagen được bổ sung theo khuyến nghị của Viện Nghiên cứu collagen Quốc tế, cùng với Vitamin C và chiết xuất chống oxy hóa từ 2 loại trái cây lựu và việt quất. Dùng 2 hộp sữa chua ăn Vinamilk Probeauty mỗi ngày sẽ cung cấp những dưỡng chất cần thiết cho một làn da săn chắc và căng mịn.

Ở ngành hàng sữa bột và bột dinh dưỡng, sự ra đời của dòng sản phẩm sữa công thức Dielac Optimum đánh dấu một thành công mới trong hoạt động hợp tác nghiên cứu sản phẩm của R&D Vinamilk với các đối tác Châu Âu.

Dielac Optimum với công thức Opti-Digest hỗ trợ hệ tiêu hóa của trẻ, là nền tảng cho việc hấp thu tối đa dưỡng chất và tăng khả năng miễn dịch cho trẻ từ 0 – 3 tuổi, giúp trẻ tăng



trưởng và phát triển toàn diện. Sản phẩm có chứa đạm whey giàu alpha lactalbumin – một loại đạm dễ tiêu hóa và hấp thu, cung cấp lượng axit amin thiết yếu cao, cân đối, giúp trẻ ngủ ngon và phát triển não bộ. Bên cạnh đó, sản phẩm được bổ sung các vitamin, khoáng chất, chất xơ hòa tan và lợi khuẩn probiotic, giúp trẻ tăng cường sức đề kháng và khả năng hấp thu các dưỡng chất, phòng ngừa các bệnh liên quan đến đường tiêu hóa.

Trong năm 2013, Vinamilk sẽ tiếp tục hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm với nhiều chủng loại và hương vị nhằm thỏa mãn thị hiếu của nhiều đối tượng người tiêu dùng.

Với phương châm luôn đi đầu trong việc phát triển sản phẩm và công nghệ để đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng với giá cả phải chăng và chi phí tối ưu, Vinamilk luôn tự tin góp phần đem lại sức khỏe cho cộng đồng bằng các sản phẩm an toàn, đa dạng và có chất lượng cao.

4. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản

Tình hình giải ngân các dự án theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012 như sau:

| (tỷ đồng) | Tổng vốn đầu tư | Thực hiện 2012 | Ngân sách 2012 | % giải ngân |
|--|-----------------|----------------|----------------|-------------|
| Dự án nhà máy Sữa Việt Nam | 2.349 | 1.267 | 1.651 | 77% |
| Dự án nhà máy Sữa Dielac II | 1.906 | 869 | 958 | 91% |
| Dự án nhà máy Sữa Đà Nẵng | 421 | 158 | 176 | 90% |
| Văn phòng chi nhánh, kho bãi | 598 | 18 | 233 | 8% |
| Đầu tư chiều sâu các nhà máy, chuỗi cung ứng, kinh doanh, IT | 2.642 | 539 | 689 | 78% |
| CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM | 7.916 | 2.850 | 3.707 | 77% |
| CTY TNHH MTV LAM SƠN | 253 | 57 | 181 | 31% |
| CTY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM | 2.006 | 204 | 646 | 32% |
| CÔNG TY TNHH MTV BÐS QUỐC TẾ | 100 | - | 2 | 0% |
| Tổng cộng | 10.275 | 3.111 | 4.536 | 69% |

Nhìn chung, các dự án lớn và quan trọng đều được Công ty tập trung nguồn lực để ưu tiên thực hiện. Trong đó, 2 dự án trọng điểm là nhà máy sữa nước và nhà máy sữa bột tại Bình Dương đảm bảo tốt tiến độ và chất lượng công trình. Ngân sách chưa thực hiện hết năm nay sẽ được chuyển sang tiếp tục giải ngân cho năm 2013.



Quá trình cầu 2 tháp sấy ở độ cao 40.6 mét



Hình toàn cảnh chụp từ xa cơ bản hoàn thành

» Chi tiết tình hình 2 dự án trọng điểm

i. Dự án nhà máy sữa bột Việt Nam

Đây là nhà máy sữa bột thứ 02 của Vinamilk, được khởi công xây dựng vào ngày 01.10.2011 trên diện tích 6 hecta tại Khu Công Nghiệp Việt nam – Singapore I, Bình Dương.

Hiện nay nhà máy đã cơ bản hoàn thành công tác xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị và đang hoàn tất các hạng mục phụ để chuẩn bị chạy thử vào tháng 1/2013. Nhà máy này sử dụng máy móc thiết bị và công nghệ từ Châu Âu, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, tháp sấy là thiết bị công nghệ chính, được xem là trái tim của nhà máy. Tháp sấy của dự án này có 2 cái và có công suất lớn nhất trong khu vực Châu Á. Tháp sấy có đường kính 13,6 mét, cao 32 mét.

Ngày 24/04/2013, nhà máy sẽ chính thức khai trương nhân dịp kỷ niệm 38 năm miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/04/1975 – 30/04/2013.

Một số hình ảnh dự án trong quá trình thi công



Khu Thanh trùng: Đã hoàn thành IO test, GEA triển khai chạy thử/ súc rửa hệ thống bằng nước.



Bồn chứa sữa thanh trùng

ii. Dự án nhà máy sữa Việt Nam

Nhà máy này được khởi công xây dựng vào ngày 01.09.2011 trên diện tích 20 hecta tại Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 3, Bình Dương. Máy móc thiết bị và công nghệ được nhập trực tiếp từ các nhà cung cấp thiết bị hàng đầu Châu Âu. Đặc biệt, nhà máy được trang bị tổng kho thông minh hoàn toàn tự động. Nhà máy đã hoàn tất cơ bản các hạng mục chính xây dựng và lắp đặt thiết bị và đang trong giai đoạn hoàn tất các hạng mục phụ để chuẩn bị chạy thử và đưa vào vận hành quý 2/2013.

Một số hình ảnh trong quá trình thực hiện dự án



Đầu ra thành phẩm đóng gói của các dây chuyền sản xuất sữa nước



Mặt bằng phân xưởng sản xuất trước khi lắp máy móc thiết bị



Kho thông minh đang được thi công

5. Phát triển vùng nguyên liệu

Tình hình thu mua sữa tươi:

Sản lượng sữa thu mua năm 2012 đạt 161.591 tấn, đạt 100,64% so với kế hoạch và tăng 12,24% so với năm 2011. Trong đó, thu mua từ công ty con là Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam cung cấp là: 20.051 tấn.

Tình hình phát triển đàn bò sữa:

Hiện nay, Vinamilk có 05 trang trại bò sữa với tổng đàn là 8.200 con. Quy mô mỗi trang trại từ 2.000 – 3.000 con. Tổng số bò nhập trong năm là 664 con.

Theo kế hoạch năm 2012 – 2016, tổng đàn bò của các trang trại Vinamilk sẽ đạt 25.500 con vào năm 2015 và sẽ tăng lên 28.000 con vào năm 2016. Công ty tiếp tục làm việc với các địa phương để đầu tư xây dựng tiếp 04 trang trại tại Thanh Hóa, Tây Ninh và Hà Tĩnh với tổng mức đầu tư trên 1.500 tỷ đồng.



Bò đi chuyên cơ đã về tới sân bay Tân Sơn Nhất

“Bò đi chuyên cơ”: Đúng 20h05 phút ngày 15.05.2012, chuyến chuyên cơ khổng lồ Boeing 747, mang số hiệu MH 6204 của hãng hàng không Malaysia mang theo 300 con bò sữa (bò tơ và bò mang thai) từ Úc đã đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất an toàn.

Đây là đợt nhập thứ 8 từ Úc, nhập bò chất lượng cao để bổ sung vào tổng đàn bò ở các trang trại bò sữa của Vinamilk. Từ năm 2009 đến nay, Vinamilk đã nhập hơn 4.000 con bò sữa giống HF cao sản từ Úc và New Zealand. Tất cả bò nhập đều có gia phả lý lịch rõ ràng (chứng nhận của Hiệp hội Giống bò sữa Úc/ New Zealand), được các cơ quan thú y Việt Nam và nước ngoài chấp nhận.



Bữa ăn thịnh soạn của các “nàng bò sữa” trước khi vào ca vắt sữa

Tăng cường chất và lượng nguồn sữa bò tươi nguyên liệu

Để có sản phẩm sữa chất lượng cao, đòi hỏi phải có một quy trình liên hoàn khép kín: Chăm nuôi – thức ăn – môi trường – thu hoạch – chế biến sản phẩm..... Một quy trình như thế đã được Vinamilk dày công xây dựng, nhất là kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu và quy trình chế biến sữa. 05 trang trại bò sữa của Vinamilk cùng hàng vạn con bò sữa phát triển trong dân được chăm sóc, nuôi nấng theo đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm nguồn sữa tươi tinh khiết, chất lượng cao. Hàng năm, Vinamilk thu mua tới 60% sản lượng sữa bò của nông dân trong cả nước, với chất lượng sữa tươi ngày càng cao. Công ty vừa tạo việc làm cho nông dân, vừa góp phần xây dựng một ngành chăn nuôi bò sữa Việt Nam phát triển theo hướng ổn định và bền vững.

Thời gian tới, Vinamilk tiếp tục chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng con giống, tăng năng suất và phát triển nhiều mô hình chăn nuôi bò sữa công nghiệp. Hộ nông dân nuôi bò sẽ được tiếp cận và mua giống bò, tinh bò sữa chất lượng cao do Vinamilk nhập khẩu từ các hãng danh tiếng trên thế giới.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:

a. Triển khai hệ thống bán hàng trực tuyến (sale online):

Trong năm 2012, Vinamilk đã ký hợp đồng với nhà cung cấp Viettel để triển khai hệ thống bán hàng trực tuyến trên toàn quốc. Ưu điểm của hệ thống này so với hệ thống bán hàng hiện có như sau:

- Sử dụng máy tính bảng có nhiều tính năng hơn so với máy Palm.
- Thông tin trực tuyến, tức thời, giúp cập nhật doanh số điểm lẻ, nhà phân phối, cửa hàng nhanh chóng. Theo dõi được vị trí nhân viên bán hàng, giám sát nhà phân phối, tuyển bán hàng và các điểm lẻ đang được ghé thăm trong ngày.
- Tăng cường độ chính xác về thông tin điểm lẻ/khách hàng, hoạch định tốt tuyển bán hàng và tăng cường được việc kiểm tra, giám sát nhân viên.
- Giúp kinh doanh các cấp có công cụ và hệ thống quản lý, báo cáo hiệu quả, tăng cường tính chuyên nghiệp, trình độ quản lý và phản ứng nhanh chóng với các biến động của thị trường. Tăng cường việc giám sát, huấn luyện và nhắc nhở nhân viên kịp thời.
- Cấp lãnh đạo Công ty được cập nhật được doanh số của toàn bộ nhà phân phối, cửa hàng ngay lập tức và có được các báo cáo thông minh phân tích tình hình kinh doanh nhanh chóng.
- Phát triển được các chương trình chăm sóc khách hàng, khách hàng thân thiết...v.v

Trong năm 2012, Công ty đã triển khai đến 29 nhà phân phối tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh và dự kiến đến tháng 6/2013 sẽ hoàn tất việc triển khai trên toàn quốc.

b. Ban hành mới Quy chế Quản trị Công ty theo Hướng dẫn và Tiêu chuẩn của IFC.

c. Ban hành Chính sách Trách nhiệm Xã hội doanh nghiệp.

d. Hoàn thiện phương pháp, nội dung và tiêu chuẩn để thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững (Trách nhiệm Xã hội doanh nghiệp) cho năm 2012.

e. Triển khai giai đoạn 1 Hệ thống An ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001.

f. Quản trị rủi ro: Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro ("QTRR") với sự tư vấn của KPMG Việt Nam. Vui lòng xem Báo cáo quản trị rủi ro tại trang 79. Đây là một bước tiến lớn trong việc nâng cao chất lượng quản trị Công ty.

g. Chính sách nhân sự:

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức và quản lý Khối Kinh doanh, Chuỗi Cung ứng để nâng cao hiệu quả các hoạt động bán hàng và phân phối.
- Ban hành Phần Năng lực chuyên môn - Bộ Năng lực chuẩn. Triển khai và ứng dụng vào việc đánh giá nhân viên.
- Ban hành và triển khai áp dụng hệ thống thang lương và thu nhập theo kết quả công việc.
- Qui định chế độ Hỗ trợ điều kiện làm việc mới áp dụng toàn Công ty.

7. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu phát triển trung hạn và dài hạn được Công ty xác định như sau:

Chiến lược tổng thể phát triển dài hạn:

- Tập trung vào ngành kinh doanh chính là sản xuất sữa: tập trung vào 04 ngành hàng chủ lực là sữa nước, sữa đặc, sữa bột và sữa chua ăn.
- Phát triển hơn nữa ngành hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe với các sản phẩm chính như nước ép trái cây, sữa đậu nành, các nước uống truyền thống như trà xanh, nha đam, nước chanh muối,....
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư ra bên ngoài nhằm đảm bảo sự ổn định và an toàn nguồn cung nguyên vật liệu và phát triển thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục củng cố hệ thống phân phối trong nước, mở thêm điểm bán lẻ và nâng cao độ bao phủ phân phối.
- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu.

Định hướng doanh thu – lợi nhuận giai đoạn 2012 – 2016 :

| (Tỷ đồng) | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | CAGR |
|----------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|------|
| Tổng doanh thu | 22.071 | 26.480 | 31.780 | 38.130 | 45.760 | 54.900 | 20% |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.979 | 5.625 | 6.355 | 7.180 | 8.115 | 9.170 | 13% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.218 | 4.690 | 5.230 | 5.720 | 6.180 | 6.870 | 10% |

(Trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012)

Kế hoạch đầu tư tài sản

ĐHĐCĐ thông qua việc đầu tư bổ sung thêm 1.545 tỷ đồng (trong đó có 373 tỷ đồng dự phòng) cho giai đoạn 2012 – 2016, nâng tổng mức đầu tư đến năm 2016 lên 10.275 tỷ đồng. Vốn đầu tư bổ sung được sử dụng như sau:

- Mở rộng nhà máy sữa Lam Sơn (Lamsonmilk – công ty con) để phục vụ cho khu vực Thanh Hóa và các tỉnh lân cận: bổ sung 137 tỷ đồng.
- Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ cho mảng kinh doanh và văn phòng: bổ sung 238 tỷ đồng.
- Đầu tư mở rộng các trang trại hiện tại và xây dựng thêm các trang trại mới, nâng tổng đàn bò do Vinamilk sở hữu từ gần 8.200 con hiện tại lên trên 30.000 con vào năm 2020: bổ sung 1.170 tỷ đồng.

Như vậy, tổng vốn đầu tư đến năm 2016 như sau:

| (Tỷ đồng) | Tổng mức đầu tư đến 2016 | Đã thực hiện các năm trước | Kế hoạch giải ngân 2012 | Giải ngân 2013 - 2016 |
|--|--------------------------|----------------------------|-------------------------|-----------------------|
| TỔNG CỘNG | 10.275 | 2.572 | 4.537 | 3.166 |
| VINAMILK | 7.916 | 2.489 | 3.707 | 1.720 |
| Dự án Nhà máy Sữa Việt Nam | 2.349 | 415 | 1.651 | 283 |
| Dự án nhà máy Sữa Dielac II | 1.906 | 569 | 958 | 379 |
| Dự án nhà máy Sữa Đà Nẵng | 421 | 204 | 176 | 40 |
| Văn phòng chi nhánh, kho bãi | 598 | 75 | 233 | 291 |
| Đầu tư chiều sâu các nhà máy, chuỗi cung ứng, kinh doanh, IT | 2.642 | 1.225 | 689 | 727 |
| LAMSONMILK | 253 | 47 | 181 | 25 |
| BÒ SỮA VIỆT NAM | 2.006 | 36 | 646 | 1.323 |
| BDS QUỐC TẾ (VP Đà Nẵng) | 100 | 0 | 2 | 98 |

(Trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012)

8. Các giải thưởng, danh hiệu đạt trong năm

Trong năm, Công ty đạt được các danh hiệu, bằng khen khác nhau của tổ chức bên ngoài công nhận:

| Stt | Các danh hiệu đạt được | Thời gian | Tổ chức vinh danh |
|-----|---|---------------|---|
| 1 | Thương hiệu quốc gia 2012 | Tháng 1/2013 | Bộ Công thương |
| 2 | Thương hiệu mạnh | Tháng 3/2012 | Thời báo kinh tế Việt Nam |
| 3 | Top 5 Hàng Việt Nam chất lượng cao 2012 | Tháng 3/2012 | Báo Sài Gòn Tiếp Thị |
| 4 | Đạt danh hiệu Sản phẩm "Tin và dùng" | Tháng 11/2012 | Thời báo kinh tế Việt Nam |
| 5 | Danh hiệu dẫn đầu phong trào "Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt Nam năm 2012" | Tháng 11/2012 | UBND Tỉnh Daklak tặng Bằng khen |
| 6 | Thành tích xuất sắc trong Cuộc vận động "Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt" | Tháng 1/2012 | Bằng khen do UBNDTP HCM tặng |
| 7 | Một trong 500 DN tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam | Tháng 3/2012 | Fast 500 |
| 8 | Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam | Tháng 5/2012 | Nhịp cầu Đầu tư |
| 9 | Có nhiều thành tích trong công tác tổ chức "Hội thi nét vẽ xanh" | Tháng 4/2012 | Hội Hàng Việt Nam chất lượng cao |
| 10 | Thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức "Hội thi nét vẽ xanh" | Tháng 6/2012 | UBNDTPHCM tặng Bằng khen |
| 11 | Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012. | Tháng 7/2012 | Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HOSE) và Báo Đầu tư chứng khoán |
| 12 | Bằng khen của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước với thành tích 05 năm liền đạt giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất 2008 – 2012 | Tháng 7/2012 | Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước |
| 13 | Doanh nghiệp có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư tốt nhất năm 2012 tại Việt Nam | Tháng 7/2012 | VietStock Communications |
| 14 | Danh hiệu "Doanh nghiệp xanh" cho 3 nhà máy sữa Trường Thọ, Thống Nhất và Sài Gòn | Tháng 12/2012 | Báo Sài Gòn Giải Phóng & Sở Tài nguyên - Môi trường HCM |



Ngoài các doanh hiệu trên, Bà Mai Kiều Liên (Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc) cũng được vinh danh 04 danh hiệu cao quý sau:

| Stt | Các danh hiệu đạt được | Thời gian | Tổ chức vinh danh |
|-----|---|--------------|--------------------------------------|
| 1 | Một trong 50 Nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á | Tháng 3/2012 | Tạp chí Forbes Asia |
| 2 | Một trong 51 nhà Lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á năm 2012. | Tháng 5/2012 | Tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á |
| 3 | Một trong những CEO xuất sắc nhất Châu Á trong lĩnh vực Quan hệ với nhà đầu tư. | Năm 2012 | Tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á |
| 4 | Một trong 50 Nữ doanh nhân xuất sắc nhất Châu Á (50 Businesswomen In The Mix) (lần 2) | Tháng 3/2013 | Tạp chí Forbes Asia |

NĂNG LƯỢNG **DỒI DÀO**
CHO **CUỘC SỐNG**
TƯƠI ĐẸP



DANH MỤC SẢN PHẨM

Có hơn 200 sản phẩm được chia theo các nhóm hàng chính như sau:

- Sữa bột, Bột ăn dặm & Sản phẩm dinh dưỡng
- Sữa đặc
- Sữa nước
- Sữa chua, Kem, Phô mai
- Sữa đậu nành, Nước ép & Nước giải khát

Một số sản phẩm tiêu biểu từng nhóm hàng

» SỮA BỘT, BỘT ĂN DẶM & SẢN PHẨM DINH DƯỠNG



Dielac Alpha Step 1



Dielac Alpha Step 2



Vinamilk CanxiPro



Vinamilk Diecerna



Dielac Alpha 123



Dielac Alpha 456



Vinamilk Giảm Cân



Vinamilk Sure Prevent dạng nước



Vinamilk Sure Prevent



Dielac Optimum Step 1



Dielac Optimum Step 1



Dielac Optimum 123



Dielac Mama



Ridilac Alpha hộp thiếc



Dielac Pedia 1+



Dielac Pedia 3+



Vinamilk Dinh Dưỡng



Ridilac Alpha hộp giấy

» SỮA ĐẶC



Ông Thọ



Ngôi Sao Phương Nam

» SỮA NƯỚC



Sữa tươi thanh trùng



Sữa tươi tiệt trùng



Sữa tiệt trùng tách béo giàu canxi Flex



Sữa tiệt trùng bổ sung vi chất



Sữa tiệt trùng dạng túi



Sữa chua uống

» SỮA CHUA, KEM & PHÔ MAI



Sữa chua từ sữa bò tươi 100%



Sữa chua Probi



Sữa chua Susu



Kem Vinamilk



Phô mai

» SỮA ĐẬU NÀNH, NƯỚC ÉP & NƯỚC GIẢI KHÁT



Vfresh Smoothie



Sữa đậu nành Goldsoy không đường



Sữa đậu nành Goldsoy có đường



Nước đóng chai ICY



Sữa đậu nành Vfresh có đường



Sữa đậu nành Vfresh ít đường không đường



Vfresh Nước ép trái cây



Vfresh nguyên chất 100%



Vfresh nguyên chất



Vfresh Trà xanh, Nha đam



ICY Chanh muối



Vfresh Trà xanh, Sâm bí đao, Trà Atiso



*Liên tục
phát triển &
hoàn thiện*

GIỚI THIỆU CÔNG TY

>> GIỚI THIỆU CÔNG TY

1976

Tiền thân là Công ty sữa, café Miền Nam, trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp thực phẩm, với 2 đơn vị trực thuộc là Nhà máy sữa Thống Nhất và Nhà máy sữa Trường Thọ.

1992

Xí Nghiệp liên hợp sữa café và bánh kẹo I được chính thức đổi tên thành Công ty sữa Việt Nam và thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1978

Công ty có thêm nhà máy bột Bích Chi, nhà máy bánh Lubico và nhà máy café Biên Hòa. Công ty được chuyển cho Bộ Công nghiệp Thực phẩm quản lý và Công ty được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp sữa café và bánh kẹo I.

1994

Trong chiến lược mở rộng, phát triển và đáp ứng nhu cầu thị trường Miền Bắc Việt Nam, Công ty xây dựng Nhà máy sữa Hà Nội.

Ngày 7/10/1994, công ty thành lập Chi nhánh bán hàng tại Hà Nội, quản lý kinh doanh các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc.

1989

Nhà máy sữa bột Dielac đi vào hoạt động và sản phẩm sữa bột và bột dinh dưỡng trẻ em lần đầu tiên ra mắt tại Việt Nam.

1996

Liên doanh với Công ty cổ phần đông lạnh Quy Nhơn để thành lập Xí nghiệp liên doanh sữa Bình Định. Đưa nhà máy sữa Hà Nội đi vào hoạt động.

1991

Cuộc "cách mạng trắng" khởi đầu hình thành chương trình xây dựng vùng nguyên liệu sữa tươi. Lần đầu tiên giới thiệu sản phẩm sữa UHT và sữa chua tại thị trường Việt Nam.

Tháng 5/1996, công ty thành lập Chi nhánh bán hàng Đà Nẵng, quản lý kinh doanh các tỉnh thuộc khu vực miền Trung.

1998

Để mở rộng và phát triển việc kinh doanh các sản phẩm Vinamilk tại thị trường các tỉnh miền Tây Nam bộ, công ty thành lập chi nhánh bán hàng Cần Thơ.

2001

Khánh thành và đưa nhà máy sữa Cần Thơ tại miền Tây đi vào hoạt động.

2003

Chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào tháng 11 năm 2003 và đổi tên thành Công ty cổ phần sữa Việt Nam cho phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty.

2004

Mua thầu tóm Công ty cổ phần sữa Sài Gòn. Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.590 tỷ đồng.

2005

Mua số cổ phần còn lại của đối tác liên doanh trong Công ty liên doanh sữa Bình Định, đổi tên Công ty Liên doanh Sữa Bình Định thành Nhà máy sữa Bình Định. Khánh thành Nhà máy sữa Nghệ An vào ngày 30 tháng 06 năm 2005.

2006

Vinamilk chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 01 năm 2006.

Tháng 6, khánh thành Phòng khám An Khang tại TP. Hồ Chí Minh chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng, tư vấn nhi khoa và khám sức khỏe tổng quát tất cả các chuyên khoa. Đây là phòng khám đầu tiên tại Việt Nam được quản trị bằng hệ thống thông tin điện tử.

Tháng 11, khởi động chương trình trang trại bò sữa bắt đầu từ việc mua trang trại bò sữa Tuyên Quang với khoảng 1.400 con bò sữa. Trang trại này đi vào hoạt động ngay sau đó.

2007

Mua cổ phần chi phối 55% của Công ty sữa Lam Sơn vào tháng 9 năm 2007, có trụ sở tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần sữa Lam Sơn.

2008

Khánh thành và đưa nhà máy sữa Tiên Sơn tại Hà Nội đi vào hoạt động.

2009

Tháng 9, khánh thành trang trại bò sữa Nghệ An. Đây là trang trại bò sữa hiện đại nhất Việt Nam với qui mô trang trại là 3.000 con bò sữa.

2010

Công ty thực hiện chiến lược đầu tư ra nước ngoài bằng việc liên doanh xây dựng một nhà máy chế biến sữa tại New Zealand với vốn góp 8,475 triệu USD, bằng 19,3% vốn điều lệ.

Nhận chuyển nhượng 100% vốn từ Công ty TNHH F&N Việt Nam và đổi tên thành Nhà máy sữa bột Việt Nam. Đây là dự án xây mới 100% nhà máy sữa bột thứ hai của Công ty.

Mua thầu tóm 100% cổ phần còn lại tại Công ty cổ phần sữa Lam Sơn để trở thành Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn.

Khánh thành và đưa Nhà máy nước giải khát tại Bình Dương đi vào hoạt động.

Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Vinamilk đã được Forbes Asia vinh danh và trao giải thưởng Top 200 doanh nghiệp xuất sắc nhất khu vực châu Á năm 2012. Đây là lần đầu tiên và duy nhất một công ty Việt Nam được Forbes Asia ghi nhận trong danh sách này.

2012

Tháng 6/2012, Nhà máy sữa Đà Nẵng đi vào hoạt động và chính thức sản xuất thương mại.



Công ty TNHH một thành viên bò sữa Việt Nam



CHI TIẾT CÁC CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT

| Stt | Tên Công ty | Ngành nghề kinh doanh chính | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | % Sở hữu |
|-----|--|--|-----------------------|----------|
| 1 | Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam | Chăn nuôi bò sữa | 1.550 | 100 |
| 2 | Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn | Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ sữa và nước giải khát, | 80 | 100 |
| 3 | Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế | Kinh doanh bất động sản (Chưa hoạt động) | 160 | 100 |
| 4 | Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu - Sài Gòn ("AFI") | Sản xuất bột crème dùng cho thực phẩm | 120 | 15 |
| 5 | Công ty TNHH Miraka | Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ sữa | 55 triệu NZD | 19,3 |

Được thành lập ngày 11/07/2007, là công ty con 100% vốn do Vinamilk đầu tư. Công ty này xây dựng các trang trại chăn nuôi bò sữa hạt nhân để cung cấp giống và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ chăn nuôi bò cho nông dân nhằm tạo nguồn cung sữa tươi nguyên liệu chất lượng và ổn định cho nhu cầu của Vinamilk.

Các trang trại đều được đầu tư tốt về con giống, thức ăn đầu vào chất lượng, chuồng trại và công nghệ vắt sữa tiên tiến của Châu Âu để đảm bảo nguồn sữa tươi nguyên liệu có chất lượng tốt nhất. Đây là nguồn sữa nguyên liệu cung cấp để sản xuất dòng sản phẩm sữa tươi nguyên chất 100% cho các nhà máy của công ty mẹ Vinamilk.

Tính đến ngày 31/12/2012, công ty con này đang quản lý 05 trang trại bò sữa, bao gồm trang trại Tuyên Quang, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Định và Lâm Đồng với tổng đàn có 8.200 con (2011: 6.712 con)

Sản lượng sữa tươi nguyên liệu của công ty con này cung cấp cho Vinamilk năm 2012 là 20.051 tấn, tăng 56% so với năm 2011 (2011 là 12.848 tấn)

Vui lòng xem trang 27-29 để biết thông tin nhiều hơn về hoạt động phát triển vùng nguyên liệu

CÔNG NHÂN VẮT SỮA BÒ – NIỀM ĐAM MÊ NGHỀ

Để có những dòng sữa chất lượng dinh dưỡng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm thì ngoài yếu tố giống bò sữa, thức ăn và cách chăm sóc bò,... thì quy trình vắt sữa bò đóng góp một phần quan trọng.

Do đặc thù công việc, công nhân vắt sữa bò tại các trang trại Vinamilk làm việc theo ca. Các ca làm việc luân phiên nhau để sữa được vắt cả ngày Chủ nhật, ngày Lễ và Tết. Các công đoạn vệ sinh, sát trùng phải tuyệt đối tuân thủ nghiêm ngặt theo quy trình nhằm cho ra sản phẩm sữa tươi nguyên liệu có chất lượng tốt nhất và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Do vậy, công nhân làm việc tại tổ vắt sữa được trang trại thường xuyên cho đi kiểm tra sức khỏe định kỳ, và thực hiện các xét nghiệm có liên quan, nhằm đảm bảo họ luôn ở tình trạng sức khỏe tốt nhất.

Công nhân vắt sữa tuân thủ công việc vắt sữa bò theo quy trình sau:

- Bước 1: Vệ sinh bầu vú sạch sẽ
- Bước 2: Vắt tia sữa đầu
- Bước 3: Lau sạch núm vú
- Bước 4: Lắp chụp vú của máy vắt sữa vào bầu vú của con bò
- Bước 5: Xịt/ nhúng sát trùng núm vú sau khi vắt xong.

Tất cả các công đoạn trên yêu cầu công nhân phải thao tác nhẹ nhàng, thân thiện và tạo cảm giác thoải mái cho con bò trong thời gian vắt sữa. Tuyệt đối không sử dụng điện thoại trong lúc làm việc, không nói chuyện lớn, không làm bò đau, giật mình, sợ hãi – vì các điều đó làm giảm tiết Oxytocine.

Các trang trại đều được trang bị hệ thống vắt sữa tự

động thuộc công nghệ tiến tiến của các nước thuộc khối G7 (tiêu chuẩn Châu Âu), tất cả bò vắt sữa đều được gắn chip điện tử để nhận dạng và theo dõi sản lượng mỗi ngày, đồng thời loại bỏ các trường hợp bò bị bệnh trước khi vào dàn vắt. Bò được vắt sữa 02 lần trong ngày: Ca sáng từ 4 giờ đến 8 giờ; ca chiều từ 16 giờ đến 20 giờ.



Công nhân đang thao tác trên dàn vắt sữa hiện đại (60 con bò/lượt, mỗi lượt từ 8 – 10 phút)



Các “nàng” bò háo hức chờ đến lượt vắt sữa của mình



Đàn bò sữa tung tăng trên cánh đồng cỏ xanh mướt tại Trang trại Thanh Hóa

Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn



Công ty hiện có một nhà máy sản xuất sữa đặt tại Khu Công Nghiệp Lễ Môn, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Theo qui hoạch thì nhà máy này sản xuất chủ yếu sữa thanh trùng và sữa chua ăn mang nhãn hiệu Vinamilk phục vụ nhu cầu thị trường tại các vùng lân cận.

Công suất nhà máy đang trong giai đoạn mở rộng với năng lực sản xuất năm lên 49,28 triệu lít sữa tươi và 156 triệu hũ sữa chua ăn.

Các thông tin tài chính cơ bản:

| (Tỷ đồng) | 2012 | 2011 |
|----------------------|------|------|
| Tổng doanh thu | 331 | 284 |
| Lợi nhuận trước thuế | 43 | 61 |
| Lợi nhuận sau thuế | 39 | 61 |
| Tổng tài sản | 220 | 164 |

Công ty TNHH một thành viên đầu tư bất động sản quốc tế



Được thành lập ngày 22/12/2006 nhằm đầu tư vào lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên, theo chiến lược của Vinamilk sẽ tập trung vào lĩnh vực sản xuất chính nên đến nay chưa triển khai dự án bất động sản nào.

Công ty cổ phần nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn (“AFI”)



Được thành lập ngày 07/05/2008. Vốn điều lệ của công ty là 120 tỷ đồng. Trong đó, Vinamilk tham gia góp vốn 18 tỷ đồng, chiếm 15%.

Nhà máy có công suất 11.000 tấn/năm, chuyên sản xuất các nguyên liệu dùng trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Công ty đã đi vào hoạt động và xuất lô hàng thương mại đầu tiên vào tháng 05/2011.

Các thông tin tài chính cơ bản:

| (Tỷ đồng) | 2012 | 2011 |
|----------------------|------|------|
| Tổng doanh thu | 277 | 114 |
| Lợi nhuận trước thuế | 44 | (13) |
| Lợi nhuận sau thuế | 44 | (13) |
| Tổng tài sản | 224 | 212 |

Công ty TNHH Miraka



Vốn điều lệ là 55 triệu NZD, trong đó Vinamilk góp 12,5 triệu NZD (tương đương 19.3%). Đây là dự án đầu tư ra nước ngoài đầu tiên của Vinamilk. Nhà máy chế biến sữa nguyên liệu chất lượng cao có trụ sở đặt trung tâm Đảo Bắc của New Zealand. Nhà máy thu mua sữa tươi từ nông dân tại vùng Taupo và sản xuất các sản phẩm sữa bột cao cấp bán ra thị trường quốc tế.

Nhà máy chế biến bột sữa cao cấp với công suất 32.000 tấn/năm. Nhà máy Miraka được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, công nghệ đạt chuẩn quốc tế, sử

dụng năng lượng hơi nước có thể thu hồi và điện địa nhiệt (điện sản xuất từ nhiệt trong lòng đất).

Tính tự động hóa của dây chuyền sản xuất cũng rất cao, robot máy thay thế nhân lực rất nhiều.

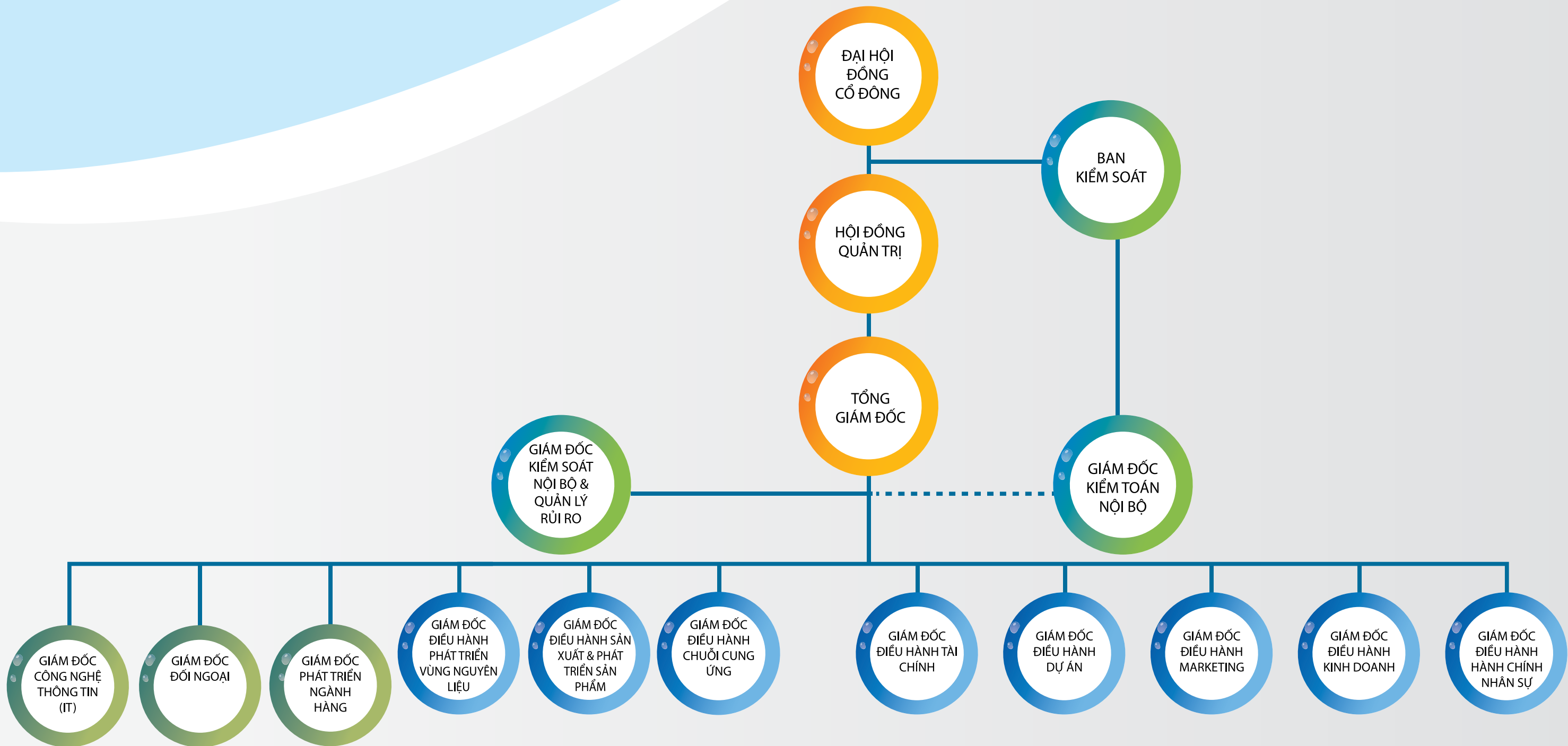
Đây là chiến lược đầu tư đúng đắn cho dài hạn trong việc đảm bảo nguồn cung cấp sữa nguyên liệu chất lượng và ổn định cho Vinamilk.

Miraka đi vào hoạt động tháng 8/2011 và đạt công suất 100% vào tháng 8/2012.

Các thông tin tài chính cơ bản: năm tài chính kết thúc ngày 31/7

| (NZD) | 2012 | 2011 |
|----------------------|-------------|-------------|
| Tổng doanh thu | 125.361.635 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.555.950 | (1.892.902) |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.813.662 | (1.366.624) |
| Tổng tài sản | 97.082.279 | 75.137.435 |

» SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



» GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Mai Kiều Liên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Từ tháng 8/1976 đến tháng 8/1980, Bà là kỹ sư công nghệ phụ trách phân xưởng sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Trường Thọ.
- Từ tháng 9/1980 đến tháng 2/1982, Bà là kỹ sư công nghệ tại phòng Kỹ thuật, Xí Nghiệp liên hiệp sữa - cà phê và bánh kẹo I.
- Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1983, Bà là Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách sản xuất tại Nhà máy sữa Thống Nhất.
- Sau khi hoàn tất khóa đào tạo tại Đại học kỹ sư kinh tế Leningrad tại Liên Bang Xô Viết (nay là nước Nga), năm 1984 Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh tế tại Xí nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê và Bánh Kẹo I.
- Tháng 12/1992, Bà được đề bạt vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty sữa Việt Nam.
- Từ năm 1996 – 2001, Bà là Ủy viên Trung ương Đảng khóa VIII.
- Ngày 14/11/2003, Bà được bầu vào HĐQT và giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty qua ba nhiệm kỳ liên tiếp: 2003 – 2007; 2007 – 2011 và 2012 - 2016.

Bà Liên tốt nghiệp Đại học từ năm 1976 về chế biến thịt và sữa tại Moscow, Nga. Bà cũng tốt nghiệp chứng chỉ quản kinh tế thuộc Đại học Kỹ sư Kinh

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hiện tại là 05 năm từ 2012 đến 2016. Trong năm, HĐQT đã chấp nhận đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ông Pascal De Petrini đại diện cho cổ đông lớn F&N Dairy Investments Pte Ltd từ ngày 04/12/2012. Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức trong năm 2013 sẽ phê chuẩn sự thay đổi này.

tế Leningrad, Nga và chứng chỉ quản lý chính trị của Học viện chính trị Quốc gia, Việt Nam.

- Năm 2001 Bà được Nhà nước trao Huân chương lao động hạng hai.
- Năm 2005 Bà được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Năm 2006 Bà được trao tặng huân chương lao động hạng nhất.
- Tháng 2/2012 Bà được tạp chí Forbes Asia bình chọn 1 trong 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á.
- Tháng 5/2012 Bà được tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn 1 trong 51 nhà lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc nhất châu Á.
- Năm 2012 Bà được tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn là một trong những CEO xuất sắc nhất Châu Á trong lĩnh vực Quan hệ với nhà đầu tư.
- Tháng 03/2013 Bà được tạp chí Forbes Asia bình chọn là một trong 50 Nữ doanh nhân xuất sắc nhất Châu Á (50 Businesswoman in The Mix). Đây là lần thứ 2 bà được vinh danh từ tạp chí Forbes Asia.

Các chức vụ Bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hiệp hội sữa Việt Nam nhiệm kỳ 2010 – 2015
- Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 – 2015 tại Công ty Miraka Limited, New Zealand.



Ông Lê Song Lai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty từ tháng 04/2012. Quá trình công tác của Ông như sau:

- Từ tháng 8/1995 đến tháng 10/1996: Luật sư, Công ty Luật Freshfields, Chi nhánh Hà Nội.
- Từ tháng 10/1996 đến tháng 11/2003: Chuyên viên Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính
- Từ tháng 11/2003 đến tháng 8/2006: Vụ phó Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính
- Từ tháng 8/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Các chức vụ Ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh
- Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
- Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Công ty Cổ phần FPT
- Chủ tịch Hội đồng thành viên (kiêm nhiệm) - Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Trảng Tiền

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật



Ông Lê Anh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân của Đại học Ngân Hàng năm 1991, và sau đó tốt nghiệp cao học Quản trị Kinh Doanh chuyên ngành tài chính doanh nghiệp và ngân hàng quốc tế của trường kinh doanh Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ. Năm 1991, ông bắt đầu làm việc với công ty Peregrine Capital Việt Nam phụ trách về tài chính công ty và mảng đầu tư của các tổ chức tài chính. Trong thời gian đó, ông Minh đã hoàn thành việc tiếp quản lần đầu tiên tại Việt Nam một ngân hàng thương mại địa phương (NH Đại Nam) và tái cơ cấu thành công một năm sau đó. Ông là Phó Tổng Giám đốc ngân hàng Đại Nam từ năm 1994-1996, phụ trách bộ phận Phát triển kinh doanh và tín dụng. Sau đó, Ông làm Giám đốc Tài chính 4 năm cho tập đoàn Coca Cola chuyên trách về Đông Dương. Ông gia nhập công ty Dragon Capital Group Limited vào năm 2002 với chức danh Phó Tổng Giám Đốc và chịu trách nhiệm chính các hoạt động Tài chính công ty của Tập đoàn. Bên cạnh hoạt động tài chính doanh nghiệp, Ông hiện đang là thành viên của nhiều Hội Đồng Đầu Tư của các quỹ đầu tư và công ty chứng khoán.



Ông Pascal De Petrini

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty từ ngày 04/12/2012. Từ năm 1984 đến năm 2011, Ông Pascal De Petrini làm việc cho Tập đoàn Danone của Pháp. Chức vụ cuối cùng của Ông tại tập đoàn Danone là Phó Chủ tịch của Danone Baby Nutrition Asia Pacific (Singapore) từ năm 2007 đến 2011. Từ năm 2011 đến nay, Ông là Giám đốc Điều hành phụ trách các hoạt động kinh doanh thực phẩm và giải khát của F&N Group Ltd, Singapore.

Ông Pascal De Petrini tốt nghiệp Thạc sỹ từ trường Mines De Nancy, Pháp năm 1981 và Thạc sỹ Khoa học Quản lý từ ESSSEC, Pháp năm 1983.



Bà Ngô Thị Thu Trang

THÀNH VIÊN HĐQT - GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TÀI CHÍNH

Là Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính từ tháng 3/2005. Bà gia nhập Công ty từ năm 1985 với vị trí phân tích tài chính, đến tháng 1/1995 Bà giữ chức vụ Phó Phòng Kế toán Thống kê của Công ty sữa Việt Nam. Bà giữ chức vụ này đến tháng 12/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán Thống kê từ tháng 1 đến tháng 2/1998. Từ tháng 2/1998 đến tháng 3/2005, Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách phòng kế toán của Công ty sữa Việt Nam. Tháng 3/2005, Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của bà Trang được đổi thành Giám đốc Điều hành Tài chính.

Bà Trang tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán năm 1984, Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà cũng đã tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 1998.

» GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Bà Mai Kiều Liên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

(Xem phần “HĐQT” - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về Bà Mai Kiều Liên trang 56-57)

Trợ giúp cho Tổng Giám đốc là một Ban Điều hành gồm 08 thành viên phụ trách các lĩnh vực hoạt động khác nhau và 04 Giám đốc phòng chức năng báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc.

Trong năm, HĐQT đã chấp nhận đơn từ nhiệm của Ông Phạm Phú Tuấn, Quyền Giám đốc Điều hành Kinh doanh vì lý do cá nhân đi định cư ở nước ngoài và bổ nhiệm Ông Mai Hoài Anh vào chức vụ này từ tháng 05/2012.



Ông Mai Hoài Anh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH KINH DOANH

Ông Mai Hoài Anh được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Kinh doanh từ tháng 5/2012. Ông đã có thời gian công tác tại Vinamilk hơn 16 năm qua các vị trí công tác như sau:

- Từ tháng 02/1996 đến tháng 04/2001 : Nhân viên Xuất nhập khẩu – Phòng Xuất Nhập Khẩu
- Từ tháng 05/2001 đến tháng 12/2003 : Phó Phòng Xuất nhập khẩu
- Từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2004 : Trưởng Phòng Xuất nhập khẩu
- Từ tháng 01/2005 đến tháng 5/2012 : Giám đốc Xuất nhập khẩu
- Từ tháng 5/2012 đến nay: Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông Mai Hoài Anh tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh và là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 2011 của Đại học Bolton, Anh Quốc.



Bà Nguyễn Thị Như Hằng

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU

Bà Hằng gia nhập Công ty năm 1981 và giữ chức vụ Phó phòng Tiêu thụ cho đến năm 2001. Bà được đề bạt làm Giám đốc Xí nghiệp Kho vận từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2002. Bà Hằng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc vào tháng 1/2003, phụ trách phòng dự án. Từ tháng 7/2006, Bà Hằng phụ trách mảng dịch vụ khách hàng và sau đó là lĩnh vực phát triển trang trại bò sữa và phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi cho Công ty. Tháng 7/2007, Bà Hằng cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con là Công ty TNHH một thành viên bò sữa Việt Nam. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của Bà Hằng được đổi thành Giám đốc Điều hành phát triển vùng nguyên liệu.

Bà Hằng tốt nghiệp Cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.



Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CHUỖI CUNG ỨNG

Từ năm 1978 đến tháng 6/1983, Bà Hoà là giảng viên tại Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bà gia nhập Công ty năm 1983 với vị trí kỹ sư chế biến tại Nhà máy sữa Trường Thọ. Bà giữ chức Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Nhà máy sữa Trường Thọ từ tháng 7/1991 đến 1999. Tháng 12/1999, Bà Hoà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của Công ty. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của Bà Hoà được đổi thành Giám đốc điều hành Chuỗi cung ứng. Bà hiện đang phụ trách phòng kế hoạch, xuất nhập khẩu, dịch vụ khách hàng, cung ứng điều vận và các xí nghiệp kho vận của Công ty.

Bà Hoà tốt nghiệp Cử nhân Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa Maxxcova 1978 (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Maxxcova), chuyên ngành kỹ thuật chế biến sữa.

» GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Quốc Khánh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT
VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Giữ chức vụ Giám Đốc Điều Hành Sản Xuất và Phát Triển Sản Phẩm từ tháng 09/2009, hiện ông đang phụ trách các nhà máy và Trung tâm Nghiên cứu phát triển & An toàn thực phẩm của Công ty. Ông Khánh gia nhập công ty từ tháng 01 năm 1988 với vị trí KCS tại phòng Kiểm Nghiệm của Nhà máy sữa Thống Nhất. Đến 1996 Ông Khánh giữ chức vụ Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất, và là quản đốc phân xưởng Sản Xuất của nhà máy sữa Thống Nhất vào năm 1998. Năm 2003 Ông Khánh được điều động giữ chức vụ Quyền Giám đốc Nhà máy sữa Cần Thơ. Năm 2004 ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc nhà máy sữa Cần Thơ và giữ chức vụ này đến 09/2009.

Ông Khánh tốt nghiệp Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987 chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm. Ông cũng tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1997 chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2001 chuyên ngành Ngữ văn Anh.



Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân

QUYỀN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH MARKETING

Bà Trân gia nhập Công ty cổ phần sữa Việt Nam tháng 7 năm 2008 với vị trí Giám đốc Hoạch định Chiến lược Marketing. Tháng 8 năm 2009 bà được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám đốc điều hành Marketing, chịu trách nhiệm hoạch định chiến lược phát triển Marketing của các ngành hàng sữa và nước giải khát. Trước đó, bà Trân đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Marketing tại công ty Pepsi Việt Nam từ năm 2003 và năm 2005, bà được điều chuyển sang công ty Pepsi Malaysia trong vai trò Giám Đốc Marketing. Trước khi gia nhập Công ty cổ phần sữa Việt Nam, bà Trân cũng đã từng công tác tại tập đoàn Tân Hiệp Phát với vị trí Giám đốc Marketing.

Bà Trân tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh.



Bà Ngô Thị Thu Trang

THÀNH VIÊN HĐQT - GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TÀI CHÍNH

(Xem phần "HĐQT" - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về bà Ngô Thị Thu Trang trang 59)



Ông Trần Minh Văn

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

Từ năm 1990 đến tháng 7/1994, Ông Văn là Phó Giám đốc Nhà máy sữa Thống Nhất. Tháng 8/1994 đến tháng 6/2006, Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy sữa Thống Nhất. Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Dự án từ tháng 7/2006. Tháng 12/2006, Ông Văn cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con của Vinamilk là Công ty TNHH một thành viên đầu tư bất động sản Quốc tế. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của ông Văn được đổi thành Giám đốc Điều hành- phụ trách Khối Dự án.

Ông Văn tốt nghiệp Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1981. Ông cũng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, Cử nhân Luật- Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Luật Thương mại năm 2001 và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2004.

» GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Thứ tự từ trái sang phải

Ông Nguyễn Trung Kiên

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 3/2009, ông Kiên hiện là Giám đốc Công ty TNHH MDKT. Từ năm 2001, ông là chuyên viên phân tích về mua bán sáp nhập công ty và tài chính doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore. Sau đó, ông Kiên chuyển sang làm chuyên viên về cấu trúc tài chính tại chi nhánh Ngân hàng Commonwealth Bank của Úc ở New York, Mỹ. Từ năm 2004 đến 2005, ông là chuyên viên cao cấp trong bộ phận phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động mua bán sáp nhập của ngân hàng OCBC, Singapore. Sau đó, ông chuyển sang làm chuyên viên cao cấp về đầu tư cho tập đoàn Temasek Holdings, Singapore. Ông là sáng lập viên và là Giám đốc điều hành của TNK Capital tại Việt Nam từ đầu năm 2008 đến 2011.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ứng dụng, ĐH Macquarie, Úc và sau đó lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, ĐH Chicago, Mỹ.

Ông Nguyễn Anh Tuấn

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 3/2008. Ông Tuấn là sáng lập viên, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Trang thiết bị Y tế Cống Vàng từ năm 2004. Từ năm 1990 đến năm 1992, Ông là cán bộ phòng nghiên cứu tín dụng tiền tệ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Từ năm 1992 đến 1994, Ông là cán bộ kinh doanh Công ty Vàng bạc Đá quý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Năm 1994, Ông chuyển sang làm nhân viên kinh doanh tại văn phòng đại diện Taisei Corporation của Nhật và công tác tại đây đến năm 1997. Năm 1999, ông tham gia vào công ty Johnson & Johnson Medical, Mỹ ở cương vị Giám đốc Marketing khu vực ASEAN đến năm 2004.

Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học American, Washington D.C., Mỹ.

Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 4/2012. Từ năm 2006 đến 2009, Ông làm chuyên viên tín dụng cho Ngân hàng TMCP Á Châu và chuyên viên phân tích cho Công ty quản lý quỹ ACB. Trong thời gian này, Ông cũng tham gia nhóm dự án thành lập Công ty cho thuê tài chính ACB. Từ năm 2010 đến nay, Ông làm chuyên viên quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp thủy sản, bất động sản, mía đường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Sóc Trăng của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Ông Chương tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM. Ông Chương cũng đã đạt CFA cấp độ 2 của Hiệp hội CFA Hoa Kỳ. Ngoài ra, Ông cũng đã có các chứng chỉ chứng khoán về thị trường chứng khoán, Luật chứng khoán, Phân tích và Quản lý tài sản do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

PROFIT

Vinamilk đang tiến đến mô hình quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ quốc tế tốt nhất được áp dụng rộng rãi

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

» BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hai sự kiện sau đây đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp tại Vinamilk:

1

Tạp chí Corporate Governance Asia (Tạp chí Quản trị Doanh nghiệp châu Á) có trụ sở tại Hồng Kông vừa bình chọn bà Mai Kiều Liên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Vinamilk là “Lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc châu Á”.

Giải thưởng “Lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc châu Á” là giải thưởng danh giá được tạp chí này bình chọn hàng năm cho những nhà lãnh đạo tài ba. Trong số 51 lãnh đạo doanh nghiệp châu Á được bình chọn thì Việt Nam chỉ lọt vào duy nhất có một Tổng Giám đốc của Vinamilk.

2

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vừa chính thức gia nhập Hiệp hội Quản trị doanh nghiệp châu Á (ACGA), có trụ sở chính tại Hồng Kông.

ACGA hiện có 94 thành viên, trong đó có 56 thành viên ở châu Á - Thái Bình Dương và 38 thành viên ở châu Âu và Bắc Mỹ, gồm các tổ chức tài chính đầu tư toàn cầu, các công ty niêm yết hàng đầu châu Á, công ty luật và kế toán, các hiệp hội nghề và các trường đại học... Vinamilk là thành viên Việt Nam đầu tiên của tổ chức này. Thành viên của ACGA được tương tác và chia sẻ thông tin với các tổ chức kinh doanh và các cá nhân có liên quan đến quản trị doanh nghiệp châu Á, cũng như thường xuyên được cập nhật những bước phát triển mới trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

A. CÁC VẤN ĐỀ VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (“HĐQT”)



1. Trách nhiệm và nhiệm vụ của HĐQT

Trách nhiệm và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ và Quy chế quản trị công ty của Vinamilk. Theo đó, HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của Công ty, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Những nhiệm vụ chính của HĐQT được quy định bao gồm những nhóm sau:

- Giám sát chiến lược và kiểm soát hoạt động quản lý, tuyển chọn và giám sát TGD và Cán bộ quản lý cao cấp của Công ty.
- Đảm bảo các quyền lợi của cổ đông thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ, xây dựng chính sách cổ tức, giải quyết các xung đột giữa cổ đông và Công ty.
- Các nhiệm vụ liên quan đến vốn điều lệ và tài sản của Công ty
- Công bố thông tin và tính minh bạch của thông tin.

Trong năm 2012, HĐQT đã thực hiện các trách nhiệm và nhiệm vụ của mình theo quy định.

2. Thành phần và cơ cấu HĐQT

HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2016 có 05 thành viên, bao gồm các thành viên như sau:

- Bà Mai Kiều Liên : Chủ tịch HĐQT
- Ông Wang Eng Chin : Thành viên
- Ông Lê Song Lai : Thành viên
- Ông Lê Anh Minh : Thành viên
- Bà Ngô Thị Thu Trang : Thành viên

Trong năm, HĐQT đã chấp nhận đơn từ nhiệm tư cách thành viên HĐQT của Ông Wang Eng Chin. Ông Pascal De Petrini được bầu bổ sung vào HĐQT theo Nghị quyết số 20/NQ-CTS.HĐQT/2012 ngày 04/12/2012. Đại hội đồng cổ đông gần nhất (2013) sẽ xem xét và phê chuẩn sự thay đổi thành viên HĐQT này.

HĐQT có ba (03) thành viên không điều hành. Tiểu sử sơ lược của các thành viên HĐQT được nêu tại trang 56-59 của báo cáo thường niên này.

Vinamilk có cơ cấu thành viên HĐQT giàu năng lực và kinh nghiệm về lĩnh vực kinh doanh, tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp. Những người có sự đánh giá khách quan độc lập đối với công việc và sự đóng góp lớn lao cho Vinamilk.

3. Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. HĐQT cho nhiệm kỳ mới 2012-2016 đã được bầu lại tại ĐHĐCĐ tổ chức vào ngày 23 tháng 03 năm 2012.

Mặt khác, theo quy định tại Điều lệ của Công ty, khi bầu các thành viên HĐQT, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên phải được bầu hoặc bầu lại tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Các Tiểu ban thuộc HĐQT

Nhằm tạo điều kiện cho việc quản lý hiệu quả, HĐQT đã thành lập 04 tiểu ban của HĐQT với cơ cấu thành viên như sau:

| Stt | Tên tiểu ban | Trưởng tiểu ban | Thành viên |
|-----|-----------------------------------|-----------------------|--|
| 1 | Tiểu ban Chính sách và phát triển | Ông Lê Song Lai | Bà Mai Kiều Liên Bà Ngô Thị Thu Trang |
| 2 | Tiểu ban Kiểm toán | Ông Lê Anh Minh | Ông Wang Eng Chin (*) |
| 3 | Tiểu ban Nhân sự | Bà Mai Kiều Liên | Ông Lê Song Lai Ông Lê Anh Minh |
| 4 | Tiểu ban Lương thưởng | Ông Wang Eng Chin (*) | Bà Ngô Thị Thu Trang |

Ghi chú: (*) Ông Pascal De Petrini tạm thời phụ trách tư cách thành viên tại các tiểu ban thay cho Ông Wang Eng Chin từ tháng 12/2012.

Các Tiểu ban này hoạt động theo các nguyên tắc, thông lệ rõ ràng và cụ thể được quy định trong Quy chế quản trị Công ty.

5. Họp và tham dự các cuộc họp HĐQT

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm, các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Stt | Tên và tên | Số cuộc họp | Số lần tham dự |
|-----|--------------------------|-------------|----------------|
| • | Bà Mai Kiều Liên | 4 | 4 |
| • | Ông Lê Song Lai (*) | 3 | 3 |
| • | Ông Lê Anh Minh | 4 | 4 |
| • | Bà Ngô Thị Thu Trang | 4 | 4 |
| • | Ông Wang Eng Chin | 4 | 4 |
| • | Ông Hoàng Nguyên Học (*) | 1 | 1 |

(*): Ông Lê Song Lai được bầu vào thành viên HĐQT và Ông Hoàng Nguyên Học hết nhiệm kỳ HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 23/03/2012.

Nội dung chính của các cuộc họp HĐQT như sau:

| Phiên họp | Số thành viên tham dự | Nội dung chính |
|-----------------------|--------------------------------------|--|
| Phiên 1 31/1/2012 | 5/5 Quan sát viên: thành viên BKS | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả kinh doanh 2011 Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ 2012 Thông qua kế hoạch 2012 – 2016 trình ĐHĐCĐ Thù lao của HĐQT, BKS năm 2012 trình ĐHĐCĐ Thông qua cổ tức năm 2012 trình ĐHĐCĐ Điều chỉnh quy chế ESOP: giải tỏa cho nhân viên khi qua đời, và khi nhân viên bị thu hồi cổ phiếu (đã nhận thanh toán) nhưng chưa hoàn tất thủ tục thì các quyền lợi đi kèm cũng sẽ bị thu hồi Thông qua lịch làm việc của HĐQT năm 2012 |
| Phiên 2 27/4/2012 | 5/5 Quan sát viên: thành viên BKS | <ul style="list-style-type: none"> HĐQT nhiệm kỳ mới xem xét các vấn đề về quản trị doanh nghiệp như: những tồn tại của nhiệm kỳ trước, các nội dung HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc, các quy định cần được ban hành, thành lập các tiểu ban của HĐQT, bổ nhiệm thư ký công ty nhiệm kỳ mới, ... Xác định các ưu tiên của HĐQT trong năm 2012 và nhiệm kỳ 2012 – 2016: (i) về sản xuất kinh doanh: doanh thu tăng 20%/năm, lợi nhuận trước thuế tăng 13%/năm; (ii) xây dựng các quy trình hoạt động của Vinamilk để đạt đến các chuẩn mực của một công ty niêm yết trên thị trường quốc tế Thông qua tình hình SXKD Quý 1/2012 và kế hoạch SXKD quý 2/2012 Thống nhất thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV Sữa Dielac để chuyển thành chi nhánh của Vinamilk |
| Phiên 3 27/7/2012 | 5/5 Quan sát viên: thành viên BKS | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua tình hình SXKD Quý 2/2012 và kế hoạch SXKD quý 3/2012 Điều chỉnh kế hoạch đầu tư giai đoạn 2012-2016: điều chỉnh vốn đầu tư giữa các dự án và bổ sung một số hạng mục. Tổng vốn đầu tư không đổi theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ duyệt Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức đợt 1/2012 Thông qua quy chế quản trị công ty điều chỉnh, chính sách trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, quy chế công bố thông tin sửa đổi Điều chỉnh lương của Ban Điều hành và Kế toán trưởng Thảo luận về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2 : 1 để xin ý kiến ĐHĐCĐ |
| Phiên 4 30/11/2012 | 5/5 Quan sát viên: thành viên BKS | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua kế hoạch quý IV năm 2012 Cập nhật kế hoạch 2013 và chiến lược giai đoạn 2012 – 2016 Thông qua việc gom các đợt giải tỏa cổ phiếu nhân viên trong năm 2013 và 2014 lại thành 1 đợt / năm vào ngày 30/6 hàng năm Thông qua hệ số thưởng của Ban Điều hành và Kế toán trưởng dựa vào kết quả kinh doanh năm 2012 Điều chỉnh, thay đổi cơ cấu quản trị rủi ro của Công ty theo đề xuất của tư vấn KPMG |

- Thông qua các công việc về báo cáo “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” theo tiêu chuẩn GRI
- Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Campuchia
- Tăng vốn điều lệ của Công ty Bò Sữa Việt Nam thêm 710 tỷ đồng, từ 840 tỷ lên 1.550 tỷ đồng. Vốn góp của chủ sở hữu sẽ được giải ngân theo tiến độ thực hiện đầu tư

Qua các cuộc họp trên, HĐQT đã ra các nghị quyết trong năm như sau:

| STT | Số | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------|------------|---|
| 1 | 01/NQ-CTS.HĐQT/2012 | 31/1/2012 | Kết quả phiên họp định kỳ ngày 31/1/2012 |
| 2 | 02/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 31/1/2012 | Điều chỉnh quy chế ESOP |
| 3 | 03/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 14/3/2012 | KH đầu tư đến 2016 |
| 4 | 04/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 27/4/2012 | Giải thể Công ty TNHH MTV Dielac |
| 5 | 05/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 27/4/2012 | Kết quả phiên họp định kỳ ngày 27/4/2012 |
| 6 | 06/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 21/5/2012 | Chấp thuận đơn từ nhiệm của ông Phạm Phú Tuấn |
| 7 | 07/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 21/5/2012 | Bổ nhiệm ông Mai Hoài Anh làm quyền GĐĐH KD phụ trách nội địa và xuất khẩu |
| 8 | 08/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 27/6/2012 | Thù lao HĐQT, BKS 2012 |
| 9 | 09/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 27/7/2012 | Tạm ứng cổ tức đợt 1/2012 |
| 10 | 10/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 1/8/2012 | Xin ý kiến cổ đông về việc phát hành cổ phiếu thưởng |
| 11 | 11/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 15/8/2012 | Ban hành thang lương cho BĐH & Kế toán trưởng |
| 12 | 12/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 24/8/2012 | Điều chỉnh thù lao HĐQT, BKS |
| 13 | 13/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 29/8/2012 | Kết quả phiên họp định kỳ ngày 27/7/2012 |
| 14 | 14/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 29/8/2012 | Chuyển trang trại Thanh Hóa 2 sang Lamsonmilk |
| 15 | 15/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 29/8/2012 | Đầu tư phân xưởng 3 của Tiên Sơn |
| 16 | 16/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 14/9/2012 | Đầu tư trang trại bò sữa Tây Ninh |
| 17 | 17/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 15/10/2012 | Thành lập chi nhánh nhà máy sữa bột Việt Nam |
| 18 | 18/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 14/11/2012 | Quyết định ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 19 | 19/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 22/11/2012 | Thay thế NQ17 (đổi địa chỉ) |
| 20 | 20/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 4/12/2012 | Nghị quyết HĐQT về việc thành viên Wang Eng Chin từ nhiệm và bổ nhiệm thành viên mới |
| 21 | 21/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 5/12/2012 | Kết quả phiên họp định kỳ ngày 30/11/2012 |
| 22 | 22/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 26/12/2012 | Thông qua việc tăng vốn đầu tư vào Miraka cho dự án UHT |
| 23 | 23/ NQ-CTS.HĐQT/2012 | 26/12/2012 | Thông qua việc thành lập văn phòng đại diện tại Campuchia |

6. Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT đồng thời cũng là TGD của Công ty. Việc kiêm nhiệm TGD mang lại nhiều thuận tiện trong việc kết nối và truyền tải thông tin nội bộ. Việc kiêm nhiệm này phải được ĐHĐCĐ phê chuẩn từng năm.

7. Bổ nhiệm thành viên HĐQT

Công ty duy trì một quy trình chính thức và minh bạch cho việc chọn lọc và bổ nhiệm thành viên mới vào HĐQT. Bất kỳ sự bổ nhiệm thành viên mới nào cũng phải trải qua một quy trình bổ nhiệm chính thức. Theo quy chế quản trị công ty, khi ứng viên được đề cử vào HĐQT sẽ được Tiểu ban Nhân sự phụ trách xem xét và đánh giá.

Trong trường hợp có sự thay đổi thành viên HĐQT giữa nhiệm kỳ, HĐQT bổ nhiệm thành viên mới và sau đó sẽ đệ trình Đại Hội đồng cổ đông phê chuẩn chính thức sự bổ nhiệm này tại Đại Hội đồng cổ đông gần nhất.

8. Đánh giá năng lực của HĐQT

Công ty duy trì sự đánh giá chính thức về hiệu quả làm việc của HĐQT nói chung và sự đóng góp của từng thành viên HĐQT. Quy trình đánh giá được quy định tại Quy chế quản trị công ty.

9. Quyền truy cập thông tin

Các thành viên HĐQT được cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời và thường xuyên các thông tin liên quan đến Công ty để họ có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ban Điều hành cung cấp thông tin một cách đầy đủ và kịp thời, cũng như xem xét kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trước khi tổ chức cuộc họp HĐQT.

HĐQT có quyền độc lập truy cập thông tin của Vinamilk từ các thành viên Ban Điều hành cao cấp và Thư ký của Công ty khi họ cần hiểu rõ về bất kỳ vấn đề liên quan đến hoạt động của Vinamilk. Trước khi triệu tập họp HĐQT sẽ có thông báo kèm theo chương trình nghị sự đến HĐQT, Thư ký HĐQT sẽ tham gia tất cả các cuộc họp và đảm bảo rằng cuộc họp được tiến hành theo đúng thủ tục và qui định của pháp luật, Thư ký của Công ty bao gồm 03 thành viên:

» Ông Nguyễn Thanh Tú

» Bà Lê Quang Thanh Trúc

» Ông Nguyễn Trung

B. CÁC VẤN ĐỀ VỀ TIỀN THÙ LAO

1. Chính sách Thù lao

Tiểu ban Lương thưởng xem xét và đề xuất với HĐQT chính sách thù lao phù hợp và cạnh tranh. Việc quyết định thù lao cho từng thành viên HĐQT, và lương cho Bộ máy điều hành phải được phê chuẩn thông qua một quy trình chính thức và minh bạch.

Chính sách Thù lao khi được phê duyệt thì nội dung của kết cấu khoản thù lao của thành viên HĐQT sẽ bao gồm:

- Một khoản tiền thù lao cố định, một khoản tiền thù lao cho việc tham gia các cuộc họp của HĐQT
- Khoản tiền thù lao cho những công việc làm thêm trong Tiểu ban của HĐQT
- Các khoản thù lao cho những trách nhiệm bổ sung, chẳng hạn cho vai trò Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch một tiểu ban trực thuộc HĐQT.

2. Mức tiền lương và cơ cấu lương

Mức thù lao, tiền lương cần phù hợp để thu hút, giữ và khích lệ thành viên HĐQT, Bộ máy điều hành để điều hành Vinamilk thành công. Một phần của tiền lương sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động chung của Công ty và

của từng cá nhân.

Khi đề ra tiền lương, Tiểu ban Lương thưởng xem xét đến các yếu tố về tiền lương và việc làm trong cùng ngành, so sánh với các công ty tương đương, kết quả hoạt động của Vinamilk nói chung và cũng như từng cá nhân thành viên HĐQT và nhân viên chủ chốt. Chương trình xét thưởng hàng năm cũng được áp dụng cho toàn nhân viên trong Công ty.

3. Công bố thu nhập

Tiền thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn hàng năm. Thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty năm 2012 đã được ĐHĐCĐ duyệt là 5,2 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã chi trả đúng và đầy đủ số tiền này.

Thu nhập trước thuế của tất cả thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được công bố hàng năm. Nội dung công bố này giúp nhà đầu tư hiểu rõ mối liên hệ giữa tiền lương của Ban Điều hành, vị trí chủ chốt với thành tích của họ. Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh số 31 của Báo cáo tài chính hợp nhất, trang 140.

Chi tiết thù lao năm 2012 như sau:

| | | Đơn vị tính: Triệu đồng | | | | | | |
|--------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------|------------------|-------------------------|-------------|--------------|--------------|
| | | Thù lao tháng | Thù lao Chủ tịch, trưởng ban | Thù lao tiểu ban | Thù lao trưởng tiểu ban | Thù lao họp | Thưởng | Tổng cộng |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | | | | | | |
| Bà | Mai Kiều Liên | 120 | 102 | 120 | 33 | 60 | 342 | 777 |
| Ông | Wang Eng Chin | 300 | - | 120 | 18 | 60 | 285 | 783 |
| Ông | Hoàng Nguyên Học (*) | 120 | - | 30 | 15 | 15 | 71 | 251 |
| Ông | Lê Song Lai | 180 | - | 90 | 18 | 45 | 214 | 547 |
| Ông | Lê Anh Minh | 300 | - | 120 | 33 | 60 | 285 | 798 |
| Bà | Ngô Thị Thu Trang | 120 | - | 120 | - | 60 | 285 | 585 |
| BAN KIỂM SOÁT | | | | | | | | |
| Bà | Nguyễn Thị Tuyết Mai(*) | 60 | 15 | - | - | - | 50 | 125 |
| Ông | Nguyễn Anh Tuấn | 263 | - | - | - | 45 | 143 | 450 |
| Ông | Nguyễn Trung Kiên | 263 | 50 | - | - | 60 | 186 | 558 |
| Ông | Nguyễn Ngọc Vũ Chương | 203 | - | - | - | 45 | 107 | 355 |
| Tổng cộng | | 1.928 | 167 | 600 | 117 | 450 | 1.969 | 5.200 |

Ghi chú: (*) Nhiệm kỳ của 2 nhân sự này chấm dứt vào ĐHĐCĐ 2012

C. TRÁCH NHIỆM VÀ KIỂM TOÁN

1. Trách nhiệm

HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông của Công ty và Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT. HĐQT chịu trách nhiệm trình bày và công bố báo cáo tài chính và các thông tin khác để có thể hiểu về tình hình và triển vọng của Công ty trong báo cáo thường niên và các báo cáo thường kỳ khác.

HĐQT họp định kỳ hàng quý nhằm xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Vinamilk. Báo cáo tài chính đầy đủ và tóm tắt hàng quý được gửi cho Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”). Đại hội Đồng Cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm để cổ đông phê chuẩn các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế và thông lệ được quy định bằng văn bản với nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng. Ban Kiểm soát xem xét phạm vi công việc và kết quả của kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, hiệu quả chi phí, những vấn đề báo cáo tài chính trọng yếu và tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như tính hiệu lực của chức năng kiểm toán nội bộ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra có ba thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm kỳ hiện tại là từ năm 2012 đến 2016. Tất cả các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên của Vinamilk.

- Ông Nguyễn Trung Kiên : Trưởng ban
- Ông Nguyễn Anh Tuấn : Thành viên
- Ông Nguyễn Vũ Ngọc Chương : Thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát có đủ tư cách và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của dựa trên kinh nghiệm và trình

độ chuyên môn trong lĩnh vực liên quan về quản lý tài chính, kế toán. Ban Kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra bất kỳ vấn đề nào trong phạm vi trách nhiệm của họ, có đầy đủ quyền tiếp cận và làm việc với Ban Điều hành công ty, có quyền mời bất kỳ thành viên HĐQT, nhân sự quản lý tham dự cuộc họp với họ, Ban Kiểm soát có nguồn lực hợp lý để thực hiện chức năng của mình một cách hoàn chỉnh.

Hàng năm hoặc khi cần thiết, Ban Kiểm soát sẽ làm việc với Kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập mà không cần có sự tham gia của Ban Điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát xem xét sự phù hợp về tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập và đề xuất cho HĐQT và đề nghị bổ nhiệm lại kiểm toán độc lập. Ban Kiểm soát xem xét mức độ và tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với các dịch vụ phi kiểm toán do kiểm toán độc lập thực hiện để đảm bảo rằng tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với Công ty không bị ảnh hưởng.

3. Hệ thống Kiểm soát nội bộ

HĐQT đảm bảo rằng Ban Điều hành duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hoàn chỉnh nhằm bảo vệ tài sản của Vinamilk và vốn đầu tư của cổ đông.

Với sự trợ giúp của Kiểm toán Nội bộ, HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ xem xét tính hiệu quả của các công cụ kiểm soát nội bộ chính yếu nhằm đảm bảo các hành động khắc phục được thực hiện kịp thời. Thủ tục chính thức được áp dụng cho cả kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập trong việc lập báo cáo kết luận và đề xuất, kiến nghị cho Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

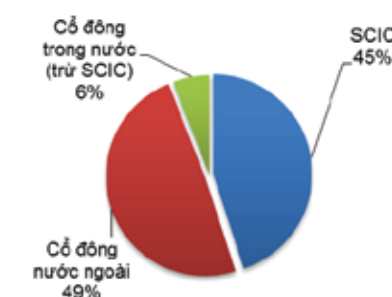
D. THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 31.12.2012, vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty : 8.339.557.960.000 đồng.
Trong đó, vốn điều lệ tăng trong năm do phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là 2.778.410.420.000 đồng.
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết : 833.955.796 cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 833.525.676 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 430.120 cổ phiếu
- Mệnh giá 1 cổ phiếu : 10.000 đồng
- Vốn hóa trên thị trường : 73.350 tỷ đồng, lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam

1. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty không thay đổi so với năm 2011: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) nắm giữ 45%, cổ đông nước ngoài nắm giữ 49% và cổ đông trong nước nắm giữ 6% vốn điều lệ của Công ty.



2. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm, Công ty có 10 đợt mua thu hồi cổ phiếu của nhân viên do họ nghỉ việc hoặc điều chuyển công tác theo quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên. Chi tiết các đợt mua thu hồi như sau:

| Stt | Công văn thông báo | Ngày gửi thông báo | Loại giao dịch | Ngày hoàn tất giao dịch | Ngày báo cáo kết quả giao dịch | Số lượng thu hồi | |
|-----|--------------------|--------------------|----------------|-------------------------|--------------------------------|--|----------------|
| 1 | 246/CV-CTS.ĐT/12 | 31/01/2012 | Mua | 21-Feb-12 | 22/02/2012 | 50.870 | |
| 2 | 664/CV-CTS.ĐT/12 | 14/03/2012 | Mua | 26-Apr-12 | 8-May-12 | 9.620 | |
| 3 | 702/CV-CTS.ĐT/12 | 17/03/2012 | Mua | 5-Apr-12 | 10-Apr-12 | 4.600 | |
| 4 | 796/CV-CTS.ĐT/12 | 29/03/2012 | Mua | 22-May-12 | 26-May-12 | 11.630 | |
| 5 | 1045/CV-CTS.ĐT/12 | 20/04/2012 | Mua | 12-Jun-12 | 13-May-12 | 6.210 | |
| 6 | 1401/CV-CTS.ĐT/12 | 26/05/2012 | Mua | 11-Jul-12 | 11-Jul-12 | 19.360 | |
| 7 | 1529/CV-CTS.ĐT/12 | 11/06/2012 | Mua | 4-Jul-12 | 4-Jul-12 | 54.360 | |
| 8 | 1666/CV-CTS.ĐT/12 | 28/06/2012 | Mua | 25-Jul-12 | 25-Jul-12 | 1.630 | |
| 9 | 2043/CV-CTS.ĐT/12 | 06/08/2012 | Mua | 21-Aug-12 | 23-Aug-12 | 5.300 | |
| 10 | 2402/CV-CTS.ĐT/12 | 10/09/2012 | Mua | 12-Oct-12 | 15-Oct-12 | 19.400 | |
| | | | | | | 182.980 | |
| | | | | | | Số cổ phiếu quỹ ngày 01.01.2012 | 247.140 |
| | | | | | | Số cổ phiếu quỹ ngày 31.12.2012 | 430.120 |

3. Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan

• Giao dịch cổ phiếu:

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| Tên cổ đông thực hiện giao dịch | Người có liên quan tại Công ty | Loại giao dịch | Số lượng cổ phiếu | Thời gian thực hiện giao dịch | Tỷ lệ nắm giữ sau giao dịch |
|----------------------------------|--|----------------|-------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Grinling International limited | Ông Lê Anh Minh, Thành viên HĐQT | Bán | 512.400 | 13/12 – 14/12 | 0,75% |
| Amersham Industries Limited | Ông Lê Anh Minh, Thành viên HĐQT | Bán | 2.000.000 | 15/11 – 16/11 | 1,99% |
| Bà Nguyễn Thị Như Hằng | Bà Nguyễn Thị Như Hằng, Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu | Bán | 60.000 | 17/4 – 26/4 | 0,04% |
| Deutsche Bank Aktiengesellschaft | Thuộc nhóm cổ đông lớn | Mua | 3.554.690 | 15/08/2012 | 4,73% |

- Giao dịch của người có liên quan với cổ đông nội bộ: không có

• Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):

Theo quy định tại Điều lệ của Vinamilk về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác được HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn theo đề nghị của Tổng Giám đốc, có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan.

Trong năm 2012, Công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào từ các thành viên này với Công ty.

Công ty cũng không cấp bất kỳ các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng nào cho các thành viên trên hay người có liên quan của họ.

Trong năm 2012, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cũng tiến hành kê khai người có liên quan định kỳ theo quy định nội bộ của Vinamilk.



4. Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

| | | 31/12/2011 | 31/12/2012 | Thay đổi |
|--------------------------|--|------------|------------|----------|
| Hội đồng Quản trị | | | | |
| 1 | Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC) (Đại diện bởi: Ông Lê Song Lai: 66,67%, Bà Mai Kiều Liên: 16,665% và Bà Ngô Thị Thu Trang: 16,665%) | 45,0425% | 45,0542% | 0,0117% |
| 2 | Mai Kiều Liên (cá nhân) | 0,2716% | 0,2717% | 0,0001% |
| 3 | Ngô Thị Thu Trang (cá nhân) | 0,0823% | 0,0823% | 0,0000% |
| 4 | Vietnam Enterprise Investments Limited (Đại diện bởi Ông Lê Anh Minh) | 2,3393% | 2,3399% | 0,0006% |
| 5 | Grinling International Limited (Đại diện bởi Ông Lê Anh Minh) | 0,8373% | 0,7454% | -0,0919% |
| 7 | Amersham Industries Limited (Đại diện bởi Ông Lê Anh Minh) | 2,3522% | 1,9931% | -0,3591% |
| 8 | F&N Dairy Investments Pte Ltd (Đại diện bởi Ông Pascal De Petrini) | 9,5313% | 9,5338% | 0,0025% |
| Ban Kiểm soát | | | | |
| 9 | Nguyễn Trung Kiên | 0,0027% | 0,0027% | 0,0000% |
| 10 | Nguyễn Anh Tuấn | 0,0000% | 0,0000% | 0,0000% |
| 11 | Nguyễn Vũ Ngọc Chương | 0,0000% | 0,0000% | 0,0000% |
| Ban Điều hành | | | | |
| 12 | Mai Kiều Liên (như trên) | | | |
| 13 | Ngô Thị Thu Trang (như trên) | | | |
| 14 | Mai Hoài Anh | 0,0183% | 0,0183% | 0,0000% |
| 15 | Nguyễn Thị Như Hằng | 0,0539% | 0,0431% | -0,0108% |
| 16 | Nguyễn Thị Thanh Hòa | 0,0638% | 0,0638% | 0,0000% |
| 17 | Nguyễn Quốc Khánh | 0,0285% | 0,0285% | 0,0000% |
| 18 | Nguyễn Hữu Ngọc Trân | 0,0253% | 0,0253% | 0,0000% |
| 19 | Trần Minh Văn | 0,0504% | 0,0504% | 0,0000% |
| Kế toán trưởng | | | | |
| 20 | Lê Thành Liêm | 0,0174% | 0,0174% | 0,0000% |

Ngoài các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như trình ở bài trang 76, sự thay đổi tỷ lệ sở hữu chủ yếu là do trong đợt phát hành thêm cổ phiếu năm 2012 theo tỷ lệ 2:1 thì không có phát hành thêm trên số lượng 430.120 là cổ phiếu quỹ của Công ty.

5. Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

| | Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn | 31/12/2011 | 31/12/2012 | Thay đổi |
|---|---|------------|------------|----------|
| 1 | Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC) | 45,0425% | 45,0542% | 0,0117% |
| 2 | F&N Dairy Investments Pte Ltd | 9,5313% | 9,5338% | 0,0025% |
| 3 | Nhóm cổ đông (*) | 4,7790% | 5,4976% | 0,7186% |
| | BEIRA LIMITED | 0,2411% | 0,2566% | 0,0155% |
| | Deutsche Bank AG London | 4,0896% | 4,7926% | 0,7030% |
| | EPSOM LIMITED | 0,3688% | 0,3689% | 0,0001% |
| | GREYSTANES LIMITED | 0,0796% | 0,0796% | 0,0000% |

Ghi chú (*): nhóm cổ đông này trở thành cổ đông lớn theo báo cáo kết quả giao dịch cổ đông lớn ngày 24/08/2012. Số liệu so sánh là ngay trước khi trở thành cổ đông lớn và theo danh sách chốt ngày 21/12/2012.

6. Thông tin khác về cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt gần nhất là ngày 21/12/2012:

| | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | % vốn điều lệ |
|-----------------------------|------------------|--------------------|----------------|
| - Tổng số cổ đông | 9.603 | 833.525.676 | 99,95% |
| - Cổ phiếu quỹ | 1 | 430.120 | 0,05% |
| | 9.604 | 833.955.796 | 100,00% |
| - Cổ đông trong nước | 8.503 | 425.219.745 | 50,99% |
| • Tổ chức | 62 | 382.926.376 | 45,92% |
| • Cá nhân | 8.441 | 42.293.369 | 5,07% |
| - Cổ đông nước ngoài | 1.101 | 408.736.051 | 49,01% |
| • Tổ chức | 153 | 405.268.257 | 48,60% |
| • Cá nhân | 948 | 3.467.794 | 0,42% |

E. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2012, Vinamilk đã sửa đổi và ban hành Quy chế quản trị Công ty để tiến đến mô hình quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ quốc tế tốt nhất được áp dụng rộng rãi. Một cách toàn diện, Vinamilk đã và đang nỗ lực thực hiện hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những điểm chưa thực hiện được.

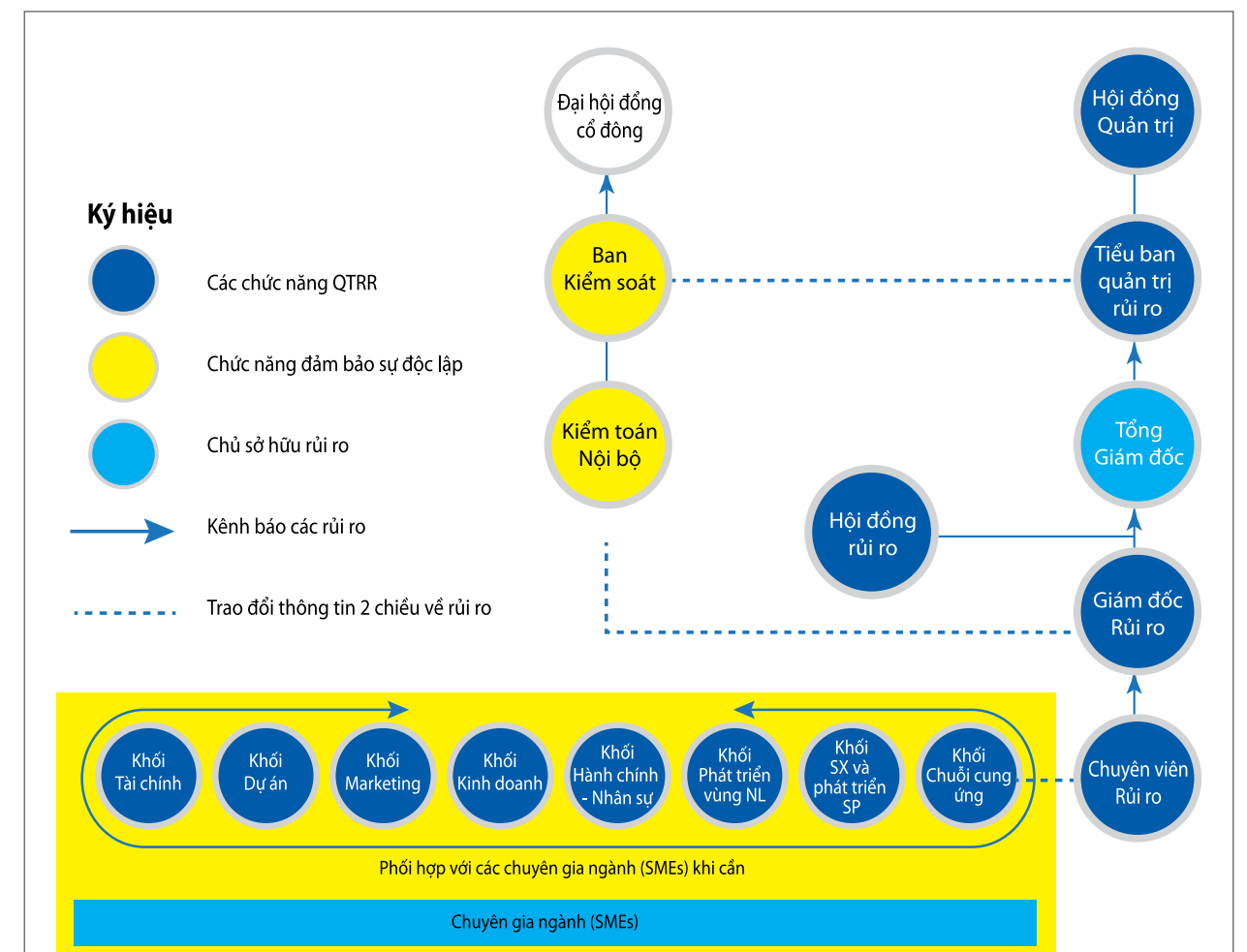
Hiện nay, Công ty chưa có thành viên HĐQT độc lập. Điều này xuất phát từ việc (i) các ứng viên HĐQT đều được Cổ đông lớn/Người có liên quan đề cử/ứng cử; (ii) số lượng 05 thành viên HĐQT là không khả thi để đảm bảo quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT.

Trong tương lai, khi quy mô số thành viên HĐQT được nâng lên phù hợp, Công ty sẽ tiến hành tuyển chọn các ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT độc lập để ĐHCĐ thông qua.

» BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2012 là năm thực hiện quá trình tích hợp và cải tiến hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Vinamilk. Một năm nhiều thử thách, đối mặt với nhiều biến động và cũng đứng trước những bước ngoặt thay đổi quan trọng. Trên cơ sở đó, một "vị trí tương lai" của quản trị rủi ro được mở ra cho những giai đoạn sắp tới.

Quản trị rủi ro ("QTRR") tại Vinamilk được tư vấn bởi KPMG Việt Nam có mô hình như sau:



Cơ cấu tổ chức QTRR cho Vinamilk có bốn tầng phòng vệ được thể hiện trong sơ đồ tổ chức dưới đây:

- Với cơ cấu này, phần lớn các rủi ro sẽ được quản lý thường xuyên bởi các đơn vị kinh doanh (tầng phòng vệ thứ 1)
- Các rủi ro cũng được quản lý thông qua phòng KSNB&QLRR, đây là Ban chuyên trách kiểm tra và phân tích các thông tin rủi ro từ nhiều nguồn khác nhau. GĐRR chịu trách nhiệm xây dựng và đảm bảo thực hiện khung QTRR trong Công ty. GĐRR cũng đóng vai trò tư vấn QTRR, hỗ trợ các Trưởng khối QTRR đồng thời báo cáo lên HĐQT và Ban Điều Hành về các nỗ lực QTRR, Thông tin về các tình huống rủi ro (tầng phòng vệ thứ 2)
- Trách nhiệm QTRR chính thức thuộc về TGD và Ban Điều Hành của Công ty.
- Kiểm toán nội bộ cung cấp sự đảm bảo độc lập để xác thực thông tin về rủi ro và hiệu quả các hoạt động kiểm soát (tầng phòng vệ thứ 3).
- Cuối cùng, HĐQT là bộ phận chịu trách nhiệm cuối cùng trước cổ đông, đảm bảo rằng rủi ro được quản lý một cách phù hợp (tầng phòng vệ thứ 4)



Một hệ thống quản trị rủi ro được tích hợp tại Vinamilk

Năm 2012, Vinamilk đã dẫn tích hợp quản trị rủi ro vào các hoạt động kinh doanh, thể hiện qua ba khía cạnh sau đây:

- Thứ nhất, quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quản trị công ty hàng đầu được Hội đồng quản trị đặc biệt chú trọng. Chính sách quản trị rủi ro là một trong những tài liệu hàng đầu được Hội đồng quản trị thông qua theo quy chế quản trị công ty. Quy chế này cũng khẳng định rằng quản trị rủi ro là một hệ thống xuyên suốt được Công ty xây dựng, phát triển nhằm nâng cao giá trị và chất lượng quản trị công ty.
- Thứ hai, quản trị rủi ro được áp dụng vào các hoạt động kinh doanh cụ thể. Quản trị rủi ro được Ban Điều hành quyết định tích hợp vào các quá trình quan trọng như quá trình tạo năng lực sản xuất, tạo sản phẩm, quá trình tung sản phẩm mới... Theo đó, trong năm 2012, quản trị rủi ro đã được tích hợp áp dụng vào lĩnh vực dự án, lĩnh vực marketing với rủi ro quản lý dự án, rủi ro tung sản phẩm mới.

- Thứ ba, quản trị rủi ro là cơ sở để kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc cung cấp các đánh giá về tính phù hợp, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Từ đó, hướng đến việc cung cấp cơ sở cho cấp quản lý đưa ra các quyết định kinh doanh trong sự cân nhắc tới tính hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và mục tiêu kiểm soát của Công ty.

Một hệ thống quản trị rủi ro bước vào giai đoạn cải tiến tại Vinamilk:

Nguyên tắc cải tiến liên tục là một trong những nguyên tắc quan trọng của bất kỳ một hệ thống nào, mà hệ thống quản trị rủi ro cũng không là ngoại lệ. Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện soát xét các hoạt động quản trị rủi ro được triển khai và ghi nhận toàn bộ kết quả của quá trình triển khai đó. Thông qua hoạt động soát xét này, Công ty đã mạnh dạn phát huy và kế thừa những điểm phù hợp và thế mạnh. Song song đó, những điểm chưa phù hợp với văn hóa, với phương hướng... được nhìn nhận và đưa ra các giải pháp khắc phục phù hợp.

Những công việc đã thực hiện năm 2012:

Năm 2012, quản trị rủi ro đã thực hiện các hoạt động chính như sau:

- Hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện hàng quý ở các cấp độ khác nhau (cấp độ công ty, khối, phòng ban chức năng) để nhận diện các rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động, phân tích, xếp hạng và ứng phó một cách phù hợp, kịp thời và thỏa đáng. Các báo cáo rủi ro được định kỳ báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, một danh mục các rủi ro quan trọng mà Công ty phải ưu tiên nguồn lực ứng phó cũng đã được xác định và thông qua.
- Ứng dụng các phương pháp – kỹ thuật trong đánh giá các rủi ro quan trọng, được điều phối bởi bộ phận chuyên trách về rủi ro để đảm bảo việc nhận diện và đánh giá rủi ro được toàn diện, điển hình



như kỹ thuật sử dụng bảng câu hỏi (check-list), kỹ thuật lấy ý kiến chuyên gia (delphi)...

- Thiết lập danh mục các kiểm soát hiện hữu, qua đó cung cấp cho cấp quản lý cơ sở đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của hệ thống kiểm soát để quản lý rủi ro một cách hiệu quả cũng như thiết lập các kế hoạch hành động liên quan tới việc hình thành các kiểm soát một cách hợp lý.

Bổ sung và cập nhật kiến thức về quản trị rủi ro cho các cấp quản lý cũng như nâng cao kỹ năng đánh giá rủi ro thông qua các buổi đánh giá rủi ro cụ thể, với sự tham gia của bộ phận chuyên trách quản lý rủi ro và các bên liên quan.

Danh mục rủi ro tại Vinamilk:

Trong năm 2012, Vinamilk đã xác định, phân loại danh mục rủi ro trọng yếu, đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể cho nhân sự quản lý cao cấp (chủ sở hữu rủi ro) trực tiếp chịu quản lý và kiểm soát rủi ro thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

Danh mục rủi ro được phân thành 04 nhóm: i) Rủi ro chiến lược, ii) Rủi ro hoạt động, iii) Rủi ro tài chính và iv) Rủi ro tuân thủ. Tóm tắt danh mục rủi ro như sau:

| STT | Rủi ro quan trọng | Chủ sở hữu rủi ro |
|--------------------------|--|--------------------------------------|
| Rủi ro chiến lược | | |
| 1 | Rủi ro Bị mất thị phần do sự cạnh tranh của đối thủ | GĐĐH Marketing |
| 2 | Rủi ro Không xử lý tốt khủng hoảng | GĐ Đối ngoại |
| Rủi ro hoạt động | | |
| 3 | Rủi ro Sản phẩm bị phá hoại | GĐĐH Sản xuất & Phát triển sản phẩm |
| 4 | Rủi ro Sản phẩm bị khiếm khuyết lọt ra ngoài khâu lưu thông | |
| 5 | Rủi ro Cháy nổ tại các đơn vị cơ sở sản xuất | |
| 6 | Rủi ro Hoạt động liên tục không được đảm bảo do hệ thống IT | GĐ IT |
| 7 | Rủi ro Nhân lực không đáp ứng yêu cầu | GĐ Nhân sự |
| 8 | Rủi ro Quản lý dự án không tốt | GĐĐH Dự án |
| Rủi ro tài chính | | |
| 9 | Rủi ro Thất thoát tiền | GĐĐH Tài chính |
| Rủi ro tuân thủ | | |
| 10 | Rủi ro Bị kiện tụng/tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ theo thỏa thuận/hợp đồng | GĐ Kiểm soát nội bộ & Quản lý rủi ro |
| 11 | Rủi ro Các thay đổi của pháp luật không được cập nhật kịp thời | |
| 12 | Rủi ro Thông tin mật bị thất thoát, rò rỉ | |

Để quản lý và kiểm soát một cách tốt nhất danh mục rủi ro trên và các rủi ro khác trong quá trình phát triển, Vinamilk đã và đang hoàn thiện và nâng cao hệ thống Quản trị rủi ro bao gồm các tài liệu về Quản trị rủi ro (chính sách, thủ tục, quy trình, hệ thống báo cáo) và hệ thống kiểm soát cho từng hoạt động cụ thể (như quy chế quản lý đầu tư, quy chế công bố thông tin, chính sách tiền, chính sách quản lý khủng hoảng...). Từ đó, Vinamilk phát triển các kế hoạch ứng phó nhằm ngăn ngừa, xử lý các rủi ro một cách phù hợp và hiệu quả.

Riêng đối với Rủi ro tài chính là một phần của báo cáo tài chính và được trình bày chi tiết trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Vui lòng xem trang 142 -149

Trong năm 2012, Công ty quản lý và kiểm soát tốt tất cả các loại rủi ro, không để xảy ra bất kỳ sự cố hay thất thoát tài sản nào của Công ty.



Quan điểm và phương hướng QTRR của Vinamilk trong giai đoạn sắp tới

Vinamilk luôn xác định quản trị rủi ro là một hoạt động hài hòa với những hoạt động kinh doanh của Công ty. Quản trị rủi ro luôn hướng tới sự phát triển và cải tiến liên tục để phù hợp với các tiêu chuẩn quản trị rủi ro tiên tiến trên thế giới.

Kế hoạch thực hiện trong năm 2013

Với quan điểm, phương hướng phát triển và cải tiến, năm 2013 sẽ là năm thực hiện những thay đổi và mang lại một diện mạo mới cho hệ thống quản trị rủi ro, cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện cơ cấu quản trị rủi ro với các chủ thể quản trị rủi ro được phân thành nhiều phân lớp. Cơ cấu hướng tới xác lập một Tiểu ban chuyên trách về quản lý rủi ro ở cấp Hội đồng quản trị, thành lập Hội đồng rủi ro với các thành viên được lựa chọn từ các lãnh đạo cao cấp và xác định các cấp quản lý phụ trách những rủi ro cụ thể, chịu trách nhiệm giải trình trong phạm vi lĩnh vực của mình.

2. Hoàn thiện và nâng cao cơ sở hạ tầng của hệ thống quản trị rủi ro hiện tại theo mô hình tiên tiến: từ Chính sách, Thủ tục và đặc biệt là tiến tới xây dựng Sổ tay Quản trị rủi ro – bao gồm các quy trình, hướng dẫn, phương pháp... - một công cụ toàn diện cho quản trị rủi ro của Vinamilk.

3. Xác định đội ngũ chuyên gia có kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực cụ thể, đóng vai trò cung cấp các yếu tố đầu vào cho đánh giá rủi ro, theo sát quá trình quản trị rủi ro của các rủi ro trong lĩnh vực chuyên sâu mà mình phụ trách.

4. Quản lý các rủi ro quan trọng được Hội đồng quản trị giao phó cho Công ty. Phát triển cơ chế tự đánh giá kiểm soát, để qua đó ngày càng nâng cao chất lượng và giá trị của hệ thống quản trị rủi ro.

Ngoài ra, trong năm 2013, Vinamilk sẽ vẫn tiếp tục thực hiện các công việc được chuyển tiếp từ kế hoạch của năm 2012 để đảm bảo quản lý được sự thay đổi một cách tốt nhất.



BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ

» BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ

Bộ Quy Tắc Ứng Xử của VINAMILK chính là cam kết về đề cao Chính Trực, thúc đẩy Tôn Trọng, đảm bảo Công Bằng, duy trì Tuân Thủ, và coi trọng Đạo Đức. Những giá trị cốt lõi và cam kết được đặt ra trong Bộ Quy Tắc Ứng Xử là sự kết tinh của tài năng và tính chuyên nghiệp, tạo nên sự khác biệt của VINAMILK trong nhận thức của người tiêu dùng, đối tác, cổ đông, nhân viên và cộng đồng.

Các cam kết cơ bản trong quy tắc ứng xử của Vinamilk như sau:

o Luật pháp:

Chúng ta luôn tuân thủ Luật pháp của Nhà nước và luật pháp của bất kỳ nơi nào mà chúng ta hoạt động.

o Khách hàng, Người tiêu dùng:

Chúng ta sẽ cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng đạt tiêu chuẩn cao nhất, giá cả cạnh tranh và trung thực trong mọi giao dịch.

o Cổ đông:

Chúng ta sẽ nỗ lực để mang lại lợi ích vượt trội cho các cổ đông trên cơ sở sử dụng hiệu quả và bảo vệ nguồn tài nguyên của VINAMILK trong sự tuân thủ tiêu chuẩn cao nhất về ứng xử đạo đức và pháp luật trong kinh doanh.

o Nhân viên:

Chúng ta sẽ đối xử tôn trọng và công bằng với mọi nhân viên. Chúng ta tạo dựng những cơ hội phát triển bình đẳng, xây dựng và duy trì môi trường làm việc an toàn, thân thiện và cởi mở.

o Nhà cung cấp, Đối tác:

Chúng ta sẽ tôn trọng và giao dịch bình đẳng với các nhà cung cấp và đối tác. Chúng ta luôn trân trọng mối quan hệ hợp tác lâu dài trên cơ sở trung thực, minh bạch và hài hòa lợi ích.

Quý vị có thể xem nội dung toàn tập của Bộ Quy Tắc Ứng Xử này tại trang website của Công ty:

<http://www.vinamilk.com.vn/?vnm=boquytac>



*Bảo vệ &
góp phần xây dựng
môi trường xanh*

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2012 là năm mà Vinamilk chú trọng và tuyên bố một cách chính thức định hướng phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội và tuyên bố các cam kết trách nhiệm của Vinamilk đối với các bên liên quan. Theo đó, Vinamilk đã ban hành Chính sách Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và niên độ tài chính năm 2012 sẽ là lần đầu tiên Vinamilk lập Báo cáo Phát triển bền vững. Báo cáo Phát triển bền vững, cùng với Báo cáo thường niên, sẽ tạo thành bức tranh tổng thể về các hoạt động của Vinamilk trong kỳ.

Báo cáo phát triển bền vững năm 2012 gồm 05 nội dung chính:

TRÁCH NHIỆM VỚI SẢN PHẨM

Là nhà sản xuất các sản phẩm liên quan trực tiếp đến dinh dưỡng và sức khỏe con người, tôn chỉ xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk là đặt yếu tố chất lượng lên hàng đầu.

- Chú trọng mục tiêu an toàn sản phẩm
- Công tác nghiên cứu & phát triển sản phẩm được quan tâm nhằm tạo ra những sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho thể trạng, trí tuệ con người
- Cung cấp trung thực, đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Vinamilk chú trọng vào các mục tiêu:

- Điều kiện làm việc an toàn và chăm sóc sức khỏe
- Phát triển một đội ngũ lao động đa dạng, tôn trọng sự khác biệt
- Quan hệ lao động được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ pháp luật
- Giá trị lao động của nhân viên được ghi nhận và bù đắp thỏa đáng
- Phát triển nhân viên
- Thúc đẩy một văn hóa làm việc hòa hợp

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Ý thức được sự tác động đến môi trường từ hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình. Từ lâu, Vinamilk đã luôn xem mục tiêu bảo vệ môi trường song hành cùng với những mục tiêu kinh doanh. Công ty xem việc quan

**N ă m
2012 là năm mà
Vinamilk chú trọng hơn
đến các hoạt động về phát
triển bền vững, trách nhiệm
xã hội một cách có hệ thống và
hướng đến việc công bố theo
các thông lệ, tiêu chuẩn
tốt trên thế giới.**

tâm đến môi trường chính là đóng góp vào sự phát triển bền vững của toàn xã hội và cũng là của chính Vinamilk. Chính vì thế, Vinamilk luôn nỗ lực tìm kiếm các giải pháp để phòng ngừa ô nhiễm, giảm lượng chất thải, tiết kiệm và tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên, nhiên liệu theo hướng thân thiện với môi trường.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Là một Công ty hoạt động trong nền kinh tế, Vinamilk luôn gắn kết hoạt động với việc phát triển kinh tế tại các địa phương, thúc đẩy sự phát triển, hợp tác cùng phát triển.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Cùng với việc góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc tạo ra những sản phẩm có giá trị. Trong những năm qua, Vinamilk luôn song hành cùng với cộng đồng trong việc thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện và phát triển con người mà đặc biệt là với trẻ em Việt Nam. Mục tiêu của hoạt động cộng đồng của Vinamilk nhằm:

- Phát triển về thể chất và trí tuệ cho trẻ em
- Hỗ trợ cho những người hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật, các trường hợp bị thiên tai...

Các nội dung cụ thể, vui lòng tham khảo Báo cáo phát triển bền vững của Vinamilk năm 2012.



Nhà máy sữa Trường Thọ nhận giải nhất Giải thưởng Doanh nghiệp xanh 2012



Cổng chào nghĩa trang Hàng Dương

VINAMILK – DOANH NGHIỆP XANH

Năm 2012 tiếp tục đánh dấu những thành công vượt bậc của Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Với phương châm hướng đến sự phát triển bền vững và lợi ích của cộng đồng, Vinamilk luôn nỗ lực tìm kiếm các giải pháp để phòng ngừa ô nhiễm, giảm lượng chất thải, tiết kiệm và tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên, nhiên liệu theo hướng thân thiện với môi trường.

Tiếp nối những kết quả tích cực trong việc tiết kiệm tài nguyên và năng lượng của năm 2011, số liệu thống kê toàn công ty cho thấy, lượng nước nguồn và năng lượng tiêu hao bình quân trên 1 tấn sản phẩm trong năm 2012 tiếp tục giảm đáng kể so với năm 2011, cụ thể: điện – giảm 4,13 %, dầu FO – giảm 11,46 %, nước nguồn – giảm 0,3 %. Các số liệu trên chứng tỏ chính sách quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường mà Vinamilk đang áp dụng tiếp tục phát huy hiệu quả mạnh mẽ và tích cực.

Trong năm 2012, cả 3 nhà máy nằm trên địa bàn Tp.HCM của Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam là Nhà máy Sữa Trường Thọ, Nhà máy Sữa Thống Nhất, Nhà máy Sữa Sài Gòn đều đoạt giải Doanh nghiệp xanh - một giải thưởng uy tín trong lĩnh vực môi trường do Báo Sài Gòn Giải Phóng phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường thực hiện dưới sự chủ trì của UBND TPHCM và Bộ Tài nguyên – Môi trường nhằm tôn vinh những doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM đã có nhiều hành động thiết thực trong công tác bảo vệ môi trường, đồng thời có những động thái tích cực hỗ trợ cộng đồng cùng nâng cao nhận thức, cải thiện chất lượng môi trường sống.

Đặc biệt hơn nữa, Nhà máy Sữa Trường Thọ đã vinh dự giành giải nhất giành cho Nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp quy mô lớn nhờ các thành tựu xuất sắc trong việc áp dụng nhiều giải pháp sản xuất có lợi cho môi trường như xây dựng quỹ

đầu tư cải thiện chất lượng môi trường sống, tận thu tái sử dụng chất thải phát sinh, sử dụng nguồn năng lượng thân thiện môi trường, ...

Việc cả 3 nhà máy đóng trên địa bàn TPHCM của Vinamilk đoạt giải thưởng Doanh nghiệp xanh cũng như toàn bộ các nhà máy của Vinamilk đều có Hệ thống quản lý môi trường được chứng nhận đạt chuẩn ISO 14001:2004 đã thể hiện rõ trách nhiệm của Vinamilk đối với cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường.

Hưởng ứng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và nhằm ứng dụng công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, trong năm 2012, Vinamilk đã tài trợ xây dựng hệ thống đèn LED chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời tại Nghĩa trang liệt sỹ Hàng Dương, Côn Đảo.

Đèn LED là người bạn đồng hành thân thiện với môi trường xanh bởi kích thước nhỏ, không cần điều kiện đặc biệt khi tái chế (do không chứa các chất độc hại như thủy ngân, chì, cadmium, ...), nhiệt năng sinh ra trong quá trình hoạt động không đáng kể, không thải khí CO2 gây hiệu ứng nhà kính, không phát ra các tia bức xạ có hại cho sức khỏe con người. Đèn được bố trí tại cổng chính,

tượng đài và dọc theo lối đi trong Nghĩa trang liệt sỹ. Đây là hệ thống đèn hiện đại, sử dụng hoàn toàn năng lượng mặt trời hấp thu được từ tấm pin thu năng lượng.

Đã từ lâu, năng lượng mặt trời được biết đến như là nguồn năng lượng sạch và vô tận. Các nghiên cứu thống kê cho thấy, năng lượng ánh sáng mặt trời chiếu tới trái đất trong một giờ nhiều hơn năng lượng cả thế giới sử dụng trong một năm. Bên cạnh nguồn cung cấp dồi dào, việc sử dụng năng lượng mặt trời thay thế cho các loại nhiên liệu khác sẽ giúp tránh nhiễm bẩn, nhiễm độc không khí hay biến đổi khí hậu trái đất. Vì vậy, ngoài ý nghĩa tri ân các anh hùng liệt sỹ đã hy sinh vì Tổ quốc, công trình do Vinamilk tài trợ còn mang ý nghĩa lớn và thiết thực, góp phần nhân rộng các mô hình tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

Để xứng đáng với niềm tin yêu của khách hàng, đối tác, cổ đông và cả cộng đồng; hướng đến lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai; Vinamilk cam kết luôn tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tiếp tục sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, không ngừng nghiên cứu nhằm đưa ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường.

VINAMILK TÀI TRỢ HỆ THỐNG ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI TẠI CÔN ĐẢO



Kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ Việt Nam 27/7, hưởng ứng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, nhằm ứng dụng công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, Vinamilk đã tài trợ xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời tại Nghĩa trang liệt sỹ Hàng Dương, Côn Đảo. Đèn được bố trí tại cổng chính, tượng đài và dọc theo lối đi. Trong đêm, hệ thống đèn tại nghĩa trang Hàng Dương rực sáng lung linh như được thấp hàng ngàn ngọn nến tri ân những anh hùng đã hy sinh vì Tổ quốc.

Đây là hệ thống đèn hiện đại sử dụng hoàn toàn năng lượng mặt trời. Công trình có tổng trị giá đầu tư hơn 600 triệu đồng, trong đó Vinamilk là nhà tài trợ chính.

Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch và vô tận. Cấu tạo pin năng lượng mặt trời, tế bào quang điện là một thiết bị nhỏ giúp sản xuất điện năng trực tiếp từ ánh sáng mặt trời. Tấm pin mặt trời (solar cells panel) hay còn gọi là pin quang điện là hệ thống các tấm vật liệu đặc biệt gồm những tế bào quang điện hoạt động đồng bộ với nhau, có khả năng chuyển đổi quang năng của ánh sáng mặt trời thành điện năng.

VINAMILK – THAM GIA NGÀY HỘI TÁI CHẾ



Vỏ hộp sữa đưa vào bồn xử lý

Ngày nay, hình ảnh những hộp sữa bằng giấy đã trở nên thân thuộc đối với hàng triệu người tiêu dùng Việt Nam. Nhờ thiết kế nhiều lớp đặc biệt giúp cản ánh sáng, tia cực tím, sự thấm của oxy và hơi nước trong không khí, cộng với công nghệ tiệt trùng UHT, các sản phẩm chứa trong bao bì UHT có thời hạn sử dụng khá dài. Không cần sử dụng đến chất bảo quản nhưng nó vẫn giữ nguyên các thành phần dinh dưỡng.

Bao bì giấy cũng là loại bao bì có thể dễ dàng thu hồi và tái chế. Trung bình phải cần khoảng 2,2 – 4,4 tấn gỗ mới sản xuất được mỗi tấn bột giấy. Nhưng chỉ cần 1,4 tấn giấy đã qua sử dụng là có thể tạo ra 1 tấn bột giấy tái chế. Như thế, giấy tái chế giúp tiết kiệm được:

- 24 cây rừng tự nhiên
- Lượng oxy cho 12 người trưởng thành trong 1 năm
- 39.084 lít nước (đủ cho 875 lần tắm, mỗi lần 5 phút; cho 3.000 lần dội toilet)
- Gần 4.000kWh điện (đủ dùng cho 1 nhà có 3 phòng ngủ trong 1 năm)
- 605 lít dầu thô
- Hạn chế một lượng khí CO2 tương đương với 1 lượng khí thải của 1 chiếc xe ô tô trong 6 tuần



Sản xuất tấm lợp từ nhôm và nhựa tách ra từ vỏ hộp sữa



Sản xuất giấy tái chế

(giảm 95% lượng khí thải ô nhiễm so với qui trình sản xuất 1 tấn giấy từ gỗ)

Hiện nay, sự phát triển của công nghệ tái chế giấy đã qua sử dụng đã cho phép tái chế bao bì thực phẩm – tức loại giấy gồm nhiều lớp thành phần và đã qua tiếp xúc với thực phẩm.

Vỏ hộp sữa Vinamilk sau khi thu gom sẽ được chuyển về nhà máy tái chế. Tại đây, vỏ hộp sẽ được ngâm, rửa sạch, nghiền, tách sợi giấy. Bột sợi giấy sẽ được xử lý đưa sang máy làm giấy để tạo ra các sản phẩm giấy tái chế. Các sản phẩm này khá phong phú, có thể ứng dụng được trong nhiều lĩnh vực đời sống như đồ dùng văn phòng, bìa carton, vật dụng trang trí, tấm lợp nhà,....

Vinamilk cũng đã tham gia “Ngày hội tái chế” do Quỹ tái chế chất thải thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM tổ chức tại Tp. HCM ngày 5/4/2012. Đây là hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người tiêu dùng, nâng cao tinh thần tiết kiệm đồng thời khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

VINAMILK – “QUỸ 1 TRIỆU CÂY XANH CHO VIỆT NAM”

Quỹ 1 Triệu Cây Xanh Cho Việt Nam được thành lập bởi nhân hàng Vfresh thuộc Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam Vinamilk và Trung tâm Đào Tạo và Truyền Thông Môi Trường thuộc Tổng Cục Môi trường nhằm mục đích trồng cây xanh tại các thành phố, cải thiện môi trường sống cho người dân Việt Nam.

Mục Tiêu Của Quỹ 1 Triệu Cây Xanh Cho Việt Nam:

- Cải thiện môi trường sống của các cư dân đô thị Việt Nam bằng việc trồng thêm nhiều cây xanh hơn nữa tại các khu vực này.
- Truyền thông kêu gọi toàn cộng đồng quan tâm trồng thêm nhiều cây xanh hơn nữa cho Việt Nam.

Website: www.trieucayxanh.com.vn

Tổng kết năm đầu tiên thực hiện, Vinamilk đã trồng được cây xanh tại 8 tỉnh, thành phố.



3500 cây liễu đã được Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam trồng dọc 12km đường ven hồ, dọc bờ kênh tại Hải Phòng



Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đến trồng cây tại TP.Hội An, Quảng Nam



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tham gia trồng cây gây rừng tại tỉnh Vĩnh Phúc

VINAMILK TIẾP TỤC ĐÀO TẠO CHO SINH VIÊN DU HỌC NGA



Chương trình đào tạo cho sinh viên du học tại Nga bắt đầu từ năm 1993. Hiện nay, còn 39 sinh viên đang du học tại Nga theo chương trình này và số lao động đang làm việc tại Công ty được đào tạo tại Nga là 30 người.

Năm học 2012, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam-Vinamilk tiếp tục tuyển chọn 15 học sinh để gửi đi đào tạo năm học 2012 tại Trường Đại học Tổng hợp sản xuất Thực phẩm Matxcova, thuộc Cộng hòa Liên Bang Nga. Ngành đào tạo: Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Tự động hoá dây chuyền công nghệ và sản xuất; Kiểm định Thú y - dịch tể. Toàn bộ chi phí cho khoá học 5 năm do công ty đài thọ. Đây là một trong những chính sách ưu đãi đặc biệt của Vinamilk nhằm thu hút và đào tạo nhân tài. Sinh viên đi học khi tốt nghiệp cam kết phục vụ lâu dài tại các đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Những sinh viên có quá trình học tập tốt và phấn đấu phát huy năng lực bản thân qua học bổng được nhận sẽ có cơ hội cống hiến cho sự phát triển của Vinamilk nói riêng, ngành sữa Việt Nam nói chung. Chương trình này đã được duy trì nhiều năm qua, hiện đã có hơn 60 sinh viên trên cả nước được Vinamilk hỗ trợ học bổng toàn phần du học tại Liên bang Nga. Trong số đó, nhiều người hiện đang đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng trong công ty Vinamilk.



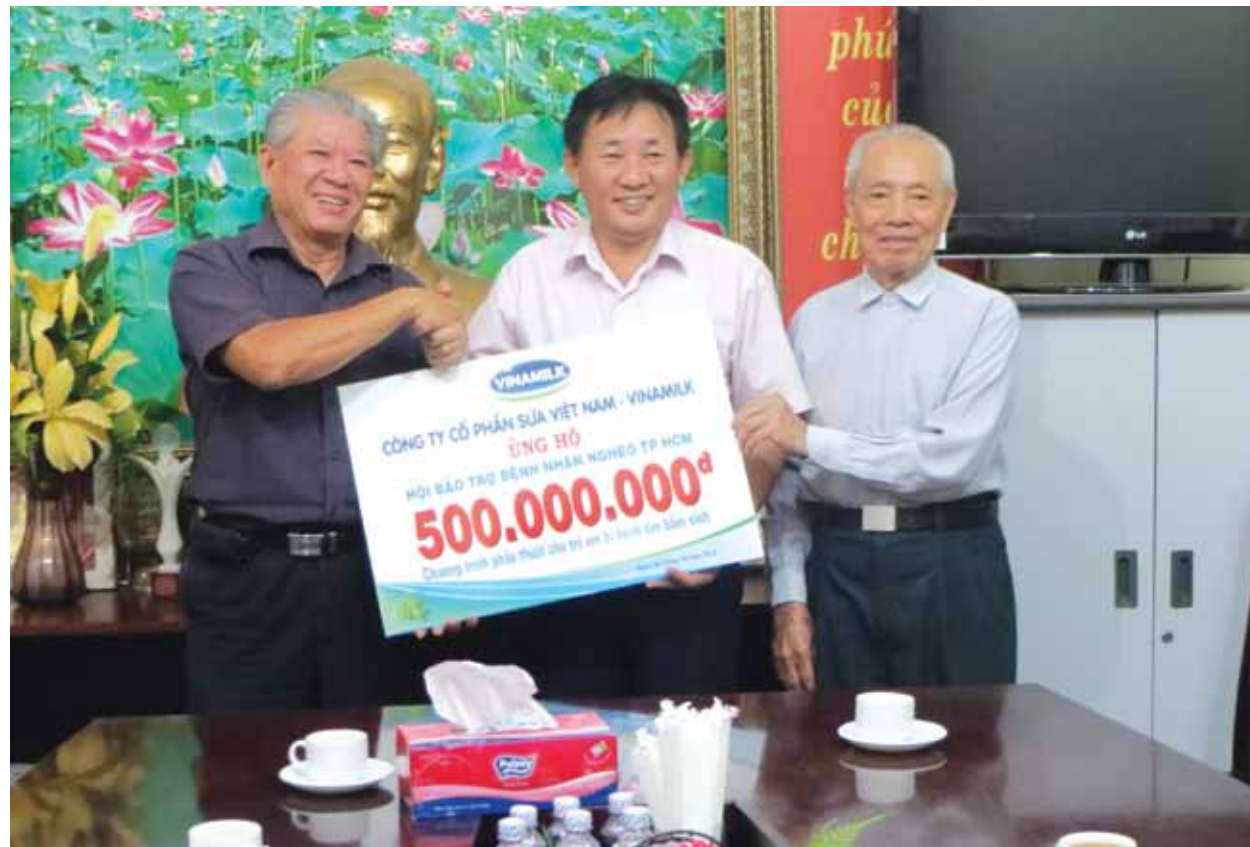
Các du học sinh được học bổng du học tại Liên bang Nga năm 2011 chụp ảnh lưu niệm cùng bạn bè ở Nga

VINAMILK ỦNG HỘ 500 TRIỆU ĐỒNG CHO BỆNH NHÂN MỔ TIM

Với tinh thần tương thân tương ái, và chia sẻ với những khó khăn với những bệnh nhân nghèo, đại diện công ty Vinamilk vừa trực tiếp đến Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM để ủng hộ cho Quỹ Bảo trợ bệnh nhân nghèo 500 triệu đồng thực hiện các ca mổ tim bẩm sinh cho trẻ em. Số tiền trên do cán bộ công nhân viên toàn công ty Vinamilk đóng góp cộng với một phần trích từ Quỹ Phúc lợi của công ty Vinamilk. Đây là hoạt động ý nghĩa đã được Vinamilk duy trì thực hiện hơn 10 năm nay, đến nay Vinamilk đã ủng hộ hơn 2,7 tỷ đồng để hỗ trợ cho các em bé mổ tim.

Ông Nguyễn Thanh Tú – Chủ tịch Công đoàn Vinamilk cho biết: “Việc hỗ trợ các bệnh nhi nghèo trong lúc khó khăn thể hiện trách nhiệm của Vinamilk đối với cộng đồng xã hội. Đây là nét đẹp truyền thống của người Việt Nam nói chung và văn hoá của Vinamilk nói riêng”.

Trong hơn 36 năm có mặt tại thị trường Việt Nam, không chỉ mang đến cho người tiêu dùng nhiều sản phẩm có lợi cho sức khỏe, Vinamilk còn luôn luôn quan tâm đến các hoạt động hướng về cộng đồng.



Ủng hộ Quỹ Bảo trợ bệnh nhân nghèo thực hiện các ca mổ tim bẩm sinh cho trẻ em

CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI - TỪ THIÊN KHÁC:



Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bà Nguyễn Thị Nghĩa và Bà Mai Kiều Liên-CT HĐQT kiêm TGD Vinamilk trao học bổng của Quỹ học bổng “Vinamilk Ươm mầm tài năng trẻ” cho các em học sinh tiểu học trong năm học 2011-2012

Từ năm 2008, dưới sự chủ trì của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam - Bộ LĐTBXH phối hợp với Vinamilk, “Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam” ra đời. Tính đến năm 2012, hơn 273 ngàn trẻ em trên khắp cả nước được thụ hưởng gần 19 triệu ly sữa bổ dưỡng từ chương trình với tổng trị giá khoảng 69 tỷ đồng do Vinamilk tài trợ.

“Quỹ học bổng Vinamilk Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam” qua 9 năm liên tiếp, đến năm 2012, đã trao 18 tỷ đồng học bổng cho hơn 33 ngàn em học sinh tiểu học tại 63 tỉnh thành.

Năm 2012, Vinamilk ủng hộ 500 triệu đồng cho chương trình “Vi học sinh Trường Sa thân yêu”; 1,4 tỷ đồng cho chương trình “Góp đá xây Trường Sa”; phối hợp với Quỹ Hỗ trợ phòng tránh thiên tai miền Trung trao tặng 70 thuyền cứu hộ, giá trị gần 600 triệu đồng cho đội xung kích tại các địa phương: Bình Định, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Thanh Hoá, Ninh Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên.

Trước đó, Đoàn công tác của Vinamilk phối hợp với Đoàn công tác của Bộ Y tế đến

thăm và tặng sữa cho người dân bị mắc “bệnh lạ” tại huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi với tổng chi phí gần 500 triệu đồng. Nhiều năm qua, trong các đợt lũ lụt tại miền Trung, Vinamilk đã tổ chức đoàn trực tiếp thăm hỏi, động viên và trao quà tận tay nhiều người dân các tỉnh miền Trung, mỗi năm hàng tỷ đồng. Vinamilk còn thành lập các trung tâm tư vấn dinh dưỡng sức khỏe trên cả nước, khám và cung cấp sữa miễn phí cho hàng ngàn lượt trẻ em, học sinh tiểu học và đối tượng suy dinh dưỡng.

Với đầy ắp những chương trình hoạt động thiết thực và ý nghĩa đó, Vinamilk thực sự là thương hiệu vì cộng đồng./.



Đảm bảo và duy trì cầu nối thông suốt giữa Công ty với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan hữu quan và các bên liên quan khác

CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Hai năm liền là doanh nghiệp dẫn đầu về công tác Quan hệ nhà đầu tư 2011 và 2012

Theo khảo sát của Vietstock, Vinamilk dẫn đầu doanh sách các doanh nghiệp có công tác quan hệ nhà đầu tư tốt nhất hai năm liền. Trong năm 2012, Vinamilk có mức bình chọn vượt trội là 81,91%, cao hơn 27,3% so với doanh nghiệp đứng thứ 2 và trong năm 2011 Vinamilk cũng đạt mức bình chọn vượt trội là 61,46%, cao hơn 32,68% so với doanh nghiệp đứng thứ 2.

Các hoạt động nổi bật của công tác quan hệ nhà đầu tư trong năm như sau:

- Ngày 16/11/2012: Tham gia Hội thảo đầu tư tại Hongkong, do Tập đoàn Daiwa Securities tổ chức. Đây là Hội thảo thường niên với quy mô lớn, uy tín và chuyên nghiệp cao ở khu vực.

Tại hội thảo này, Vinamilk cũng đã tiếp hơn 26 nhà đầu tư tổ chức như: Blackrock, Wellington Global Investment Management, SAC, Mirae Asset Management, Harvest Global Investors, ICBC Asia Investment Management,...

- Ngày 23/10/2012: Tham gia Hội thảo đầu tư tại Hồ Chí Minh, do Công ty Chứng khoán Bản Việt tổ chức. Tại đây, Vinamilk cũng gặp gỡ hơn 100 nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước.
- Ngày 23/05/2012: Tham gia Hội thảo đầu tư tại Bangkok, Thái Lan, do UBS tổ chức. Tại Hội thảo này, Vinamilk đã gặp gỡ và trao đổi với



25 nhà đầu tư tổ chức: Blue Pool, Lynas Capital, Indus Capital, Government Pension Fund, One Asset Management, BBL Asset Management, TAR, Morgan Stanley, Mount Kellett, Overlook, JP Morgan Asset Management, Prusik, Quest Capital, Ward Ferry, Lloyd George, Coupland Cardiff, BNP Paribas, Rohatyn, Charlemagne Capital, Proa Partners, Elliott, MFC Asset Management, Brooker Group, Genesis, UBS.

- Ngày 23/03/2012, Công ty tổ chức ngày Đại hội đồng cổ đông để thông qua các kết quả đạt được trong năm 2011, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2012 và thông qua các nội dung quan trọng khác của Công ty.

Ngoài ra, Vinamilk cũng đã tiếp hơn 100 lượt nhà đầu tư đến trụ sở Công ty. Trong đó, có các nhà đầu tư tổ chức lớn trên thế giới như Matthews, Route One, Fidelity, Citigroup, Arisaig, Dempsey Hill Capital, Deutsche Bank, Goldman Sachs, Nomura, KITMC, Bridger Capital,....

Các thông tin tài chính và phi tài chính được Công ty công bố đầy đủ và kịp thời trên trang web của Công ty tại địa chỉ <http://www.vinamilk.com.vn/?vnm=share>

Công tác quan hệ nhà đầu tư của Công ty được thực hiện một cách rất linh hoạt và tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư cập nhật thông tin của Công ty qua các hình thức:

- Tham dự ngày đại hội đồng cổ đông thường niên
- Nhà đầu tư đến tham quan trực tiếp trụ sở Công ty
- Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua mục "Hỏi - Đáp" trên trang web Công ty <http://www.vinamilk.com.vn/?vnm=FAQ>
- Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.

Với nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao tính minh bạch và cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ cho cổ đông và nhà đầu tư, Vinamilk đã làm nên một báo cáo thường niên ngày càng hoàn thiện hơn và được Ban tổ chức (Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Báo Đầu tư Chứng khoán) đánh giá là một trong các báo cáo thường niên tốt nhất trong 05 năm liên từ 2008 đến 2012.



Mục tiêu đạt
tổng doanh số
3 tỷ Đô la Mỹ và
đứng vào Top 50
công ty sản xuất sữa
lớn nhất thế giới
vào năm 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Thông tin về doanh nghiệp
- Báo cáo của Ban điều hành
 - Báo cáo kiểm toán
 - Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

| | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Giấy phép đăng ký kinh doanh | Số 4103001932 ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. | |
| | Giấy phép Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy phép Đăng ký Kinh Doanh gần nhất số 0300588569 ngày 6 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. | |
| Hội đồng Quản trị | Bà Mai Kiều Liên | Chủ tịch |
| | Ông Lê Song Lai | Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2012) |
| | Ông Hoàng Nguyên Học | Thành viên (từ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2012) |
| | Bà Ngô Thị Thu Trang | Thành viên |
| | Ông Pascal De Petrini | Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2012) |
| | Ông Wang Eng Chin | Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2012) |
| | Ông Lê Anh Minh | Thành viên |
| Ban Điều hành | Bà Mai Kiều Liên | Tổng Giám đốc |
| | Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa | Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng |
| | Bà Nguyễn Thị Như Hằng | Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu |
| | Bà Ngô Thị Thu Trang | Giám đốc Điều hành Tài chính |
| | Ông Trần Minh Văn | Giám đốc Điều hành Dự án |
| | Ông Nguyễn Quốc Khánh | Quyền Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm |
| | Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân | Quyền Giám đốc Điều hành Tiếp thị |
| | Ông Phạm Phú Tuấn | Quyền Giám đốc Điều hành Kinh doanh (từ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2012) |
| | Ông Mai Hoài Anh | Quyền Giám đốc Điều hành Kinh doanh (bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2012) |
| Người đại diện theo pháp luật | Bà Mai Kiều Liên | Tổng Giám đốc |
| Trụ sở chính | 10, Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | |
| Kiểm toán viên | Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam) | |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 106 đến trang 149. Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành



Mai Kiều Liên
TỔNG GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được Ban Điều hành của Công ty phê duyệt vào ngày 28 tháng 2 năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 106 đến trang 149.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận và sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Điều hành đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: +84 (8)38230796, Fax: +84 (8) 38251947, www.pwc.com/vn



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall

Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV

Chủ tịch

Quách Thành Châu

Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số HCM3352

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 | |
|------------|--|-------------|---------------------------|--------------------------|
| | | | 2012 | 2011 |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 11.110.610.188.964 | 9.467.682.996.094 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 1.252.120.160.804 | 3.156.515.396.990 |
| 111 | Tiền | | 852.120.160.804 | 790.515.396.990 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 400.000.000.000 | 2.366.000.000.000 |
| 120 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 4(a) | 3.909.275.954.492 | 736.033.188.192 |
| 121 | Đầu tư ngắn hạn | | 4.039.304.630.112 | 815.277.431.792 |
| 129 | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (130.028.675.620) | (79.244.243.600) |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 2.246.362.984.001 | 2.169.205.076.812 |
| 131 | Phải thu khách hàng | 5 | 1.269.841.759.012 | 1.143.168.467.855 |
| 132 | Trả trước cho người bán | | 576.619.318.260 | 795.149.182.591 |
| 135 | Các khoản phải thu khác | 6 | 403.754.490.615 | 232.805.433.796 |
| 139 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (3.852.583.886) | (1.918.007.430) |
| 140 | Hàng tồn kho | 7 | 3.472.845.352.518 | 3.272.495.674.110 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 3.476.300.517.903 | 3.277.429.580.780 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (3.455.165.385) | (4.933.906.670) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 230.005.737.149 | 133.433.659.990 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 8(a) | 72.343.567.655 | 56.909.099.519 |
| 152 | Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ | | 154.118.437.302 | 74.772.661.634 |
| 158 | Tài sản ngắn hạn khác | | 3.543.732.192 | 1.751.898.837 |

Các thuyết minh từ trang 113 đến trang 149 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 | |
|------------|---|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 2012 | 2011 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 8.587.258.231.415 | 6.114.988.554.657 |
| 220 | Tài sản cố định | | 8.042.300.548.493 | 5.044.762.028.869 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 9(a) | 4.223.443.459.603 | 3.493.628.542.454 |
| 222 | Nguyên giá | | 6.512.875.316.427 | 5.301.826.836.260 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.289.431.856.824) | (1.808.198.293.806) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 9(b) | 253.615.655.556 | 256.046.089.531 |
| 228 | Nguyên giá | | 387.180.023.184 | 383.409.370.867 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (133.564.367.628) | (127.363.281.336) |
| 230 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 9(c) | 3.565.241.433.334 | 1.295.087.396.884 |
| 240 | Bất động sản đầu tư | 10 | 96.714.389.090 | 100.671.287.539 |
| 241 | Nguyên giá | | 117.666.487.460 | 117.666.487.460 |
| 242 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (20.952.098.370) | (16.995.199.921) |
| 250 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 4(b) | 284.428.762.040 | 846.713.756.424 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | 217.944.646.507 | 205.418.475.253 |
| 258 | Đầu tư dài hạn khác | | 80.840.000.000 | 783.646.073.800 |
| 259 | Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | | (14.355.884.467) | (142.350.792.629) |
| 260 | Lợi thế thương mại | 11 | 13.662.186.598 | 15.503.335.522 |
| 270 | Tài sản dài hạn khác | | 150.152.345.194 | 107.338.146.303 |
| 271 | Chi phí trả trước dài hạn | 8(b) | 41.073.978.122 | 25.598.314.795 |
| 272 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 12 | 108.001.947.072 | 80.643.411.508 |
| 278 | Tài sản dài hạn khác | | 1.076.420.000 | 1.096.420.000 |
| 280 | TỔNG TÀI SẢN | | 19.697.868.420.379 | 15.582.671.550.751 |

Các thuyết minh từ trang 113 đến trang 149 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 | |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 2012 | 2011 |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 4.204.771.824.521 | 3.105.466.354.267 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 4.144.990.303.291 | 2.946.537.015.499 |
| 312 | Phải trả người bán | 13 | 2.247.659.149.802 | 1.830.959.100.474 |
| 313 | Người mua trả tiền trước | | 21.589.364.414 | 116.844.952.210 |
| 314 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 333.952.869.847 | 287.462.890.828 |
| 315 | Phải trả người lao động | | 106.150.509.860 | 44.740.312.110 |
| 316 | Chi phí phải trả | 15 | 365.103.636.850 | 260.678.009.293 |
| 319 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 16 | 664.137.048.409 | 59.478.925.315 |
| 320 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 406.397.724.109 | 346.372.825.269 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 59.781.521.230 | 158.929.338.768 |
| 333 | Phải trả dài hạn khác | 17 | - | 92.000.000.000 |
| 336 | Dự phòng trợ cấp thôi việc | 18 | 59.635.777.000 | 66.923.897.268 |
| 338 | Doanh thu chưa thực hiện | | 145.744.230 | 5.441.500 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 15.493.096.595.858 | 12.477.205.196.484 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 15.493.096.595.858 | 12.477.205.196.484 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 19, 20 | 8.339.557.960.000 | 5.561.147.540.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 20 | 1.276.994.100.000 | 1.276.994.100.000 |
| 414 | Cổ phiếu quỹ | 20 | (4.504.115.000) | (2.521.794.000) |
| 417 | Quỹ đầu tư phát triển | 20 | 93.889.017.729 | 908.024.236.384 |
| 418 | Quỹ dự phòng tài chính | 20 | 588.402.022.008 | 556.114.754.000 |
| 420 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 20 | 5.198.757.611.121 | 4.177.446.360.100 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 19.697.868.420.379 | 15.582.671.550.751 |

Các thuyết minh từ trang 113 đến trang 149 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

Tại ngày 31 tháng 12

Đơn vị tính: VNĐ

| | Tại ngày 31 tháng 12 | |
|-----------|----------------------|---------------|
| | 2012 | 2011 |
| Đô la Mỹ | 11.737.838,41 | 27.989.325,30 |
| Đồng Euro | 49.847,54 | 1.482.877,52 |



Lê Thành Liêm
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Thu Trang
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TÀI CHÍNH



Mai Kiều Liên
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 113 đến trang 149 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày | |
|-----------|--|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | | | 31.12.2012 | 31.12.2011 |
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 27.101.683.739.278 | 22.070.557.490.766 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | (540.109.559.314) | (443.128.597.657) |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22(a) | 26.561.574.179.964 | 21.627.428.893.109 |
| 11 | Giá vốn hàng bán | 23 | (17.484.830.247.188) | (15.039.305.378.364) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 9.076.743.932.776 | 6.588.123.514.745 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 22(b) | 475.238.586.049 | 680.232.453.133 |
| 22 | Chi phí tài chính | 24 | (51.171.129.415) | (246.429.909.362) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | (3.114.837.973) | (13.933.130.085) |
| 24 | Chi phí bán hàng | 25 | (2.345.789.341.875) | (1.811.914.247.629) |
| 25 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | (525.197.269.346) | (459.431.997.199) |
| 30 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | 6.629.824.778.189 | 4.750.579.813.688 |
| 31 | Thu nhập khác | | 350.323.343.748 | 323.106.037.829 |
| 32 | Chi phí khác | | (63.006.276.113) | (85.880.005.676) |
| 40 | Thu nhập khác – số thuần | 27 | 287.317.067.635 | 237.226.032.153 |
| 41 | Phần lãi/(lỗ) trong liên doanh, liên kết | | 12.526.171.255 | (8.813.950.770) |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 6.929.668.017.079 | 4.978.991.895.071 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành | 28 | (1.137.571.835.560) | (778.588.561.106) |
| 52 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại | 28, 12 | 27.358.535.564 | 17.778.374.972 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 5.819.454.717.083 | 4.218.181.708.937 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) | 29 | 6.981 | 5.145 |



Lê Thành Liêm
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Thu Trang
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TÀI CHÍNH



Mai Kiều Liên
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 113 đến trang 149 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày | |
|--|--|-------------|-----------------------------|--------------------------|
| | | | 31.12.2012 | 31.12.2011 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 6.929.668.017.079 | 4.978.991.895.071 |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | 9,10 | 535.451.905.298 | 414.590.126.008 |
| 03 | (Hoàn nhập các khoản dự phòng) /lập dự phòng | | (75.028.609.419) | 46.246.669.182 |
| 04 | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 22, 24 | 23.750.178.315 | 7.605.774.684 |
| 05 | Lỗi từ thanh lý tài sản cố định | 27 | 20.674.462.045 | 22.448.930.471 |
| 05 | Thu nhập tiền lãi và cổ tức | 22(b) | (362.908.428.453) | (492.526.979.114) |
| 05 | Lỗi từ hoạt động đầu tư khác | | 12.177.054.066 | 9.240.144.764 |
| 06 | Chi phí lãi vay | 24 | 3.114.837.973 | 13.933.130.085 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | | 7.086.899.416.904 | 5.000.529.691.151 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (177.763.748.924) | (1.105.678.269.247) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (273.491.911.774) | (1.021.809.144.291) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 268.727.745.184 | 703.897.108.817 |
| 12 | Tăng các chi phí trả trước | | (18.320.018.252) | (28.541.385.553) |
| 13 | Tiền lãi vay đã trả | | (3.114.837.973) | (14.785.659.974) |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (1.073.341.754.164) | (793.480.641.563) |
| 15 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 3.704.175.480 | 1.255.501.334 |
| 16 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (518.731.228.162) | (330.218.588.434) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 5.294.567.838.319 | 2.411.168.612.240 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản | | (3.133.999.297.771) | (1.767.206.055.153) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 16.830.384.644 | 47.134.169.534 |
| 23 | Tiền chi cho công ty liên kết vay | | - | (18.000.000.000) |
| 23 | Tiền chi cho bên thứ ba vay | | (30.000.000.000) | - |
| 24 | (Tăng)/giảm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | | (2.536.900.000.000) | 1.170.408.000.000 |
| 24 | Thu hồi cho vay từ công ty liên kết | | 18.000.000.000 | - |
| 24 | Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn | | 70.114.387.315 | 1.161.512.182 |
| 24 | Tiền thu từ trái phiếu đến hạn | | 250.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 372.293.347.387 | 472.509.194.809 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (4.973.661.178.425) | 6.006.821.372 |

Các thuyết minh từ trang 113 đến trang 149 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày | |
|---|---|-------------|-----------------------------|--------------------------|
| | | | 31.12.2012 | 31.12.2011 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | - | 1.454.528.400.000 |
| 32 | Tiền chi trả mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành | 19, 20 | (1.982.321.000) | (1.852.743.000) |
| 33 | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | - | 624.835.000.000 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | - | (1.209.835.000.000) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 20, 21 | (2.222.994.056.000) | (741.428.260.000) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | | (2.224.976.377.000) | 126.247.397.000 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (1.904.069.717.106) | 2.543.422.830.612 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 3 | 3.156.515.396.990 | 613.472.368.080 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (325.519.080) | (379.801.702) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 1.252.120.160.804 | 3.156.515.396.990 |



Lê Thành Liêm
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Thu Trang
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TÀI CHÍNH



Mai Kiều Liên
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 28 tháng 2 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 113 đến trang 149 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hoặc “Vinamilk”) được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (“Việt Nam” hay “Nhà nước”) ban đầu theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước dưới sự kiểm soát của Bộ Công nghiệp Việt Nam. Ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp cấp. Ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Giấy phép đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300588569 phê duyệt việc chuyển trụ sở chính và gia tăng vốn cổ phần lên 3.565.706.400 ngàn đồng Việt Nam.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Giấy phép đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300588569 phê duyệt gia tăng vốn cổ phần lên 3.708.255.500 ngàn đồng Việt Nam.

Trong tháng 12 năm 2011, Công ty tăng vốn cổ phần lên 5.561.147.540 ngàn đồng Việt Nam bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền liên quan. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy phép Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0300588569 cho việc gia tăng vốn cổ phần này vào ngày 7 tháng 3 năm 2012.

Trong tháng 12 năm 2012, Công ty tăng vốn cổ phần lên 8.339.557.960 ngàn đồng Việt Nam bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền liên quan. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình điều chỉnh Giấy phép đăng ký kinh doanh cho việc gia tăng vốn này.

Hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Chế biến, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất, nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Phòng khám đa khoa;
- Chăn nuôi và trồng trọt;
- Các hoạt động hỗ trợ trồng trọt như: cung cấp cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch cây trồng, làm đất, tưới tiêu;
- Chăn nuôi: cung cấp giống vật nuôi, kỹ thuật nuôi;
- Dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống; và
- Sản xuất bánh từ các loại bột.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") và quyền lợi của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh được liệt kê dưới đây:

| Tên | Địa chỉ | 31.12.2012 | | 31.12.2011 | |
|---|---|------------------|----------------------|------------------|----------------------|
| | | Quyền sở hữu (%) | Quyền biểu quyết (%) | Quyền sở hữu (%) | Quyền biểu quyết (%) |
| Công ty con: | | | | | |
| Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam | 10, Tân Trào, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn | Khu Công Nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế | 10, Tân Trào, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac (*) | 9, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Liên doanh: | | | | | |
| Dự án phát triển nguồn Nguyên liệu sữa tại Việt Nam | Xã Tu Tra, Huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | 25% | 25% | 25% | 25% |
| Dự án Căn Hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh | 214, Trần Quang Khải, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 24,5% | 24,5% | 24,5% | 24,5% |
| Công ty liên kết: | | | | | |
| Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn | Lô C, 9E Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 15% | 15% | 15,79% | 15,79% |
| Công ty TNHH Miraka | Tòa nhà c/-Beker 109 Tuwharetoa St, PO Box 1091, Taupo, New Zealand | 19,3% | 19,3% | 19,3% | 19,3% |

(*) Ngày 18 tháng 9 năm 2012, Ban Điều hành của Công ty đã ra quyết định giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac ("Dielac") để chuyển công ty con này thành một chi nhánh của Công ty. Việc giải thể Dielac đã được Ban Quản lý KCN Việt Nam – Singapore chấp thuận ngày 25 tháng 9 năm 2012. Ngày 29 tháng 11 năm 2012, Cục thuế tỉnh Bình Dương đã đóng mã số thuế của Dielac. Ngày 4 tháng 12 năm 2012, Giấy phép Đăng ký Hoạt động của chi nhánh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương ban hành, sửa đổi tên Dielac thành Nhà máy Sữa Bột Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số thủ tục giải thể Dielac vẫn đang được tiến hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 5.000 nhân viên (2011: 4.638 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Hợp nhất báo cáo

Năm 2012, Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu

Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.3 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.4 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Điều hành phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.10 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các chứng khoán cao hơn giá trị hợp lý.

(b) Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

(i) Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.

(ii) Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Thời gian khấu hao của các loại tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định (tiếp theo)

| Năm | |
|--------------------------|---------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 - 50 |
| Máy móc, thiết bị | 8 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 10 |
| Thiết bị quản lý | 3 - 8 |
| Phần mềm | 6 |
| Gia súc | 6 |

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn và chi phí đó được xác định một cách đáng tin cậy. Tất cả các chi phí sửa chữa và bảo trì khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.12 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới

hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại bất động sản đầu tư như sau:

| Năm | |
|---------------|---------|
| Nhà cửa | 10 - 50 |
| Cơ sở hạ tầng | 10 |

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.14 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Tập đoàn đã phát hành và được Tập đoàn mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.15 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.16 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận khi được hưởng trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

(d) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên được đầu tư công bố chia cổ tức.

2.17 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.17 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.18 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

2.19 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

| | |
|---------------------------|------------------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 10% lợi nhuận sau thuế |
| Quỹ phúc lợi, khen thưởng | 10% lợi nhuận sau thuế |
| Quỹ dự phòng tài chính | tối đa 5% lợi nhuận sau thuế |

Công ty ngưng trích lập quỹ dự phòng tài chính khi số tiền trong quỹ đạt 10% trên vốn điều lệ. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất và qui mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

2.20 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.21 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.22 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Tập đoàn. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 1.007.244.458 | 748.676.117 |
| Tiền gửi ngân hàng | 850.362.916.346 | 789.766.720.873 |
| Tiền đang chuyển | 750.000.000 | - |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 400.000.000.000 | 2.366.000.000.000 |
| | 1.252.120.160.804 | 3.156.515.396.990 |

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|--|-------------------------------------|
| Đầu tư vào chứng khoán vốn chưa niêm yết | 82.283.660.000 | 82.283.660.000 |
| Đầu tư vào chứng khoán vốn đã niêm yết | 211.020.970.112 | 24.993.771.792 |
| Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng | 2.974.000.000.000 | 440.000.000.000 |
| Trái phiếu doanh nghiệp | - | 50.000.000.000 |
| Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành | 300.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 472.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 4.039.304.630.112 (130.028.675.620) | 815.277.431.792 (79.244.243.600) |
| | 3.909.275.954.492 | 736.033.188.192 |

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập nhằm phản ánh sự suy giảm giá thị trường của các cổ phiếu có liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|-----------------|----------------|
| Số dư đầu năm | 79.244.243.600 | 70.657.669.500 |
| Trích lập dự phòng | - | 8.586.574.100 |
| Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 4(b)) | 54.008.653.800 | - |
| Hoàn nhập | (3.224.221.780) | - |
| Số dư cuối năm | 130.028.675.620 | 79.244.243.600 |

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết số dư đầu tư tài chính dài hạn cuối năm của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------|-------------------|
| <i>Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên kết và liên doanh:</i> | | |
| Công ty TNHH Miraka | 178.904.317.366 | 173.228.494.143 |
| Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn | 21.888.373.590 | 15.038.025.559 |
| Dự án Căn Hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh | 9.942.684.826 | 9.942.684.826 |
| Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam | 7.209.270.725 | 7.209.270.725 |
| | 217.944.646.507 | 205.418.475.253 |
| <i>Các khoản đầu tư khác:</i> | | |
| Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Trái phiếu dài hạn do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành | - | 300.000.000.000 |
| <i>Các khoản đầu tư dài hạn khác:</i> | | |
| Chứng khoán vốn đã niêm yết | - | 206.996.073.800 |
| Các quỹ đầu tư | 30.540.000.000 | 106.350.000.000 |
| Khác | 300.000.000 | 120.300.000.000 |
| | 80.840.000.000 | 783.646.073.800 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | (14.355.884.467) | (142.350.792.629) |
| | 284.428.762.040 | 846.713.756.424 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

| | 2012 | 2011 |
|--|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 142.350.792.629 | 108.580.084.548 |
| Trích lập dự phòng | 763.261.300 | 34.898.977.981 |
| Hoàn nhập | (74.749.515.662) | (1.128.269.900) |
| Phân loại lại sang dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 4(a)) (*) | (54.008.653.800) | - |
| Số dư cuối năm | 14.355.884.467 | 142.350.792.629 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số danh mục đầu tư dài hạn vào chứng khoán vốn đã niêm yết có giá trị 189.402.373.800 đồng Việt Nam và dự phòng giảm giá đầu tư tương ứng là 54.008.653.800 đồng Việt Nam đã được phân loại lại sang đầu tư ngắn hạn do Ban Điều hành Công ty có ý định bán các khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

| | 2012 | 2011 |
|----------------|-------------------|-------------------|
| Các bên thứ ba | 1.269.841.759.012 | 1.143.168.467.855 |

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | 2012 | 2011 |
|--|-----------------|-----------------|
| Cổ tức phải thu | - | 6.144.600 |
| Lãi tiền gửi phải thu | 55.733.508.797 | 39.118.333.339 |
| Lãi trái phiếu và lãi cho vay phải thu | 27.586.763.700 | 53.480.095.630 |
| Thuế nhập khẩu được hoàn lại hoặc khấu trừ | 235.708.097.835 | 128.535.499.715 |
| Phải thu khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp | 76.841.890.627 | - |
| Phải thu khác | 7.884.229.656 | 11.665.360.512 |
| | 403.754.490.615 | 232.805.433.796 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

| | 2012 | 2011 |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 702.869.203.610 | 972.360.197.401 |
| Nguyên vật liệu | 2.041.420.485.347 | 1.590.350.151.377 |
| Công cụ, dụng cụ | 8.332.323.313 | 1.833.344.075 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 89.198.796.393 | 61.562.596.516 |
| Thành phẩm | 591.779.813.093 | 579.265.915.242 |
| Hàng hóa | 20.857.268.341 | 23.686.995.937 |
| Hàng gửi đi bán | 21.842.627.806 | 48.370.380.232 |
| | 3.476.300.517.903 | 3.277.429.580.780 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (3.455.165.385) | (4.933.906.670) |
| | 3.472.845.352.518 | 3.272.495.674.110 |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

| | 2012 | 2011 |
|------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 4.933.906.670 | 4.133.214.915 |
| Tăng dự phòng | 8.686.194.492 | 10.074.642.239 |
| Hoàn nhập | (8.476.656.163) | (8.018.602.015) |
| Sử dụng dự phòng | (1.688.279.614) | (1.255.348.469) |
| Số dư cuối năm | 3.455.165.385 | 4.933.906.670 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|----------------|----------------|
| Chi phí quảng cáo | 2.542.287.500 | 8.320.100.182 |
| Chi phí thuê đất, nhà xưởng và thuê khác | 1.587.393.638 | 2.414.274.654 |
| Chi phí triển khai phần mềm và bảo trì mạng | 2.499.507.569 | 3.862.183.375 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ bán hàng | 46.373.495.946 | 34.676.924.998 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ khác | 10.519.642.156 | 4.255.096.359 |
| Chi phí sửa chữa và bảo trì | 7.133.316.219 | 1.381.630.958 |
| Chi phí khác | 1.687.924.627 | 1.998.888.993 |
| | 72.343.567.655 | 56.909.099.519 |

(b) Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|
| Tiền thuê đất | 2.159.885.571 | 2.434.012.586 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ bán hàng | 15.699.234.727 | 11.241.646.159 |
| Chi phí trả trước khác | 23.214.857.824 | 11.922.656.050 |
| | 41.073.978.122 | 25.598.314.795 |

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 25.598.314.795 | 97.740.813.322 |
| Tăng trong năm | 98.456.539.909 | 75.772.676.087 |
| Ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | (8.365.677.045) | (3.668.511.654) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | (82.680.130.919) |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*) | (74.615.199.537) | (61.566.532.041) |
| Số dư cuối năm | 41.073.978.122 | 25.598.314.795 |

(*) Thể hiện khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong vòng 1 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

| Tài sản cố định hữu hình | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận chuyển | Thiết bị văn phòng | Gia súc | Tổng cộng |
|--|--------------------------|---------------------|------------------------|--------------------|------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 910.815.133.889 | 3.595.320.134.802 | 342.750.559.768 | 257.437.883.086 | 195.503.124.715 | 5.301.826.836.260 |
| Mua trong năm | 26.327.202.110 | 136.900.621.045 | 58.794.694.591 | 56.748.352.395 | - | 278.770.870.141 |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành (Thuyết minh số 9(c)) | 257.951.636.615 | 681.819.789.341 | 14.868.734.720 | 6.522.338.934 | - | 961.162.499.610 |
| Gia súc chuyển đàn | - | - | - | - | 72.831.881.331 | 72.831.881.331 |
| Phân loại lại | 2.201.083.457 | (2.382.953.980) | 251.261.432 | (69.390.909) | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | (9.982.438.826) | (7.508.693.865) | (54.545.807.852) | (4.619.456.413) | (25.056.789.279) | (101.713.186.235) |
| Giảm khác | - | (3.584.680) | - | - | - | (3.584.680) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 1.187.312.617.245 | 4.404.145.312.663 | 362.119.442.659 | 316.019.727.093 | 243.278.216.767 | 6.512.875.316.427 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 217.612.580.950 | 1.285.791.657.838 | 143.083.992.356 | 120.979.925.716 | 40.730.136.946 | 1.808.198.293.806 |
| Khấu hao trong năm | 48.704.874.132 | 362.635.368.504 | 30.188.603.674 | 46.006.042.200 | 36.488.175.567 | 524.023.064.077 |
| Phân loại lại | 67.482.521 | (126.500.985) | 67.003.048 | (7.984.584) | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.152.794.721) | (6.873.800.632) | (21.809.552.972) | (4.574.502.487) | (7.378.850.247) | (42.789.501.059) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 264.232.142.882 | 1.641.426.724.725 | 151.530.046.106 | 162.403.480.845 | 69.839.462.266 | 2.289.431.856.824 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 693.202.552.939 | 2.309.528.476.964 | 199.666.567.412 | 136.457.957.370 | 154.772.987.769 | 3.493.628.542.454 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 923.080.474.363 | 2.762.718.587.938 | 210.589.396.553 | 153.616.246.248 | 173.438.754.501 | 4.223.443.459.603 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 671.586.199.605 đồng Việt Nam (2011: 628.995.160.327 đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm vi tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 324.478.280.840 | 58.931.090.027 | 383.409.370.867 |
| Mua trong năm | - | 5.041.508.797 | 5.041.508.797 |
| Thanh lý | - | (1.270.856.480) | (1.270.856.480) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 324.478.280.840 | 62.701.742.344 | 387.180.023.184 |
| Khấu hao lũy kế | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 78.679.820.739 | 48.683.460.597 | 127.363.281.336 |
| Khấu hao trong năm | 4.076.328.249 | 3.395.614.523 | 7.471.942.772 |
| Thanh lý | - | (1.270.856.480) | (1.270.856.480) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 82.756.148.988 | 50.808.218.640 | 133.564.367.628 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 245.798.460.101 | 10.247.629.430 | 256.046.089.531 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 241.722.131.852 | 11.893.523.704 | 253.615.655.556 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 45.221.516.597 đồng Việt Nam (2011: 43.568.790.597 đồng Việt Nam).

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

| | 2012 | 2011 |
|--|-------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 1.295.087.396.884 | 665.282.453.729 |
| Tăng trong năm | 3.244.215.655.105 | 1.765.978.487.062 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 9(a)) | (961.162.499.610) | (1.130.614.746.336) |
| Chuyển sang hàng tồn kho | - | (4.529.164.165) |
| Giảm khác | (12.899.119.045) | (1.029.633.406) |
| Số dư cuối năm | 3.565.241.433.334 | 1.295.087.396.884 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Trong đó, có giá trị các công trình lớn đang thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng như sau:

Đơn vị tính: VND

| | 2012 | 2011 |
|--------------------------|-------------------|-----------------|
| Nhà máy sữa Việt Nam | 1.819.204.239.183 | 252.972.591.210 |
| Nhà máy sữa bột Dielac 2 | 1.509.809.070.248 | 383.594.721.240 |
| Chi nhánh Cần Thơ | 45.086.527.051 | 44.989.951.351 |
| Trang trại bò sữa | 35.366.294.536 | 15.893.206.674 |
| Nhà máy sữa Đà Nẵng | 21.448.226.014 | 237.931.390.899 |
| Nhà máy sữa Sài Gòn | 591.352.078 | 80.403.563.112 |
| Nhà máy sữa Tiên Sơn | - | 81.555.694.010 |
| Nhà máy sữa Nghệ An | - | 35.495.060.435 |
| Nhà máy sữa Dielac | - | 33.679.200.351 |

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

| | Quyền sử dụng đất | Cơ sở hạ tầng | Nhà cửa | Tổng cộng |
|---|-------------------|---------------|----------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012 | 27.489.150.000 | 5.994.290.197 | 84.183.047.263 | 117.666.487.460 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | - | 1.144.301.491 | 15.850.898.430 | 16.995.199.921 |
| Khấu hao trong năm | - | 599.429.017 | 3.357.469.432 | 3.956.898.449 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | - | 1.743.730.508 | 19.208.367.862 | 20.952.098.370 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 27.489.150.000 | 4.849.988.706 | 68.332.148.833 | 100.671.287.539 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 27.489.150.000 | 4.250.559.689 | 64.974.679.401 | 96.714.389.090 |

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn thể hiện quyền sử dụng đất vô thời hạn ở quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng và được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Nguyên giá bất động sản đầu tư của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6.976.800.000 đồng Việt Nam (2011: 6.976.800.000 đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Biến động của lợi thế thương mại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 15.503.335.522 | 19.556.808.664 |
| Giảm trong năm | - | (2.269.050.480) |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | (1.841.148.924) | (1.784.422.662) |
| Số dư cuối năm | 13.662.186.598 | 15.503.335.522 |

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|-----------------|----------------|
| Số dư đầu năm | 80.643.411.508 | 62.865.036.536 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 27.358.535.564 | 17.778.374.972 |
| Số dư cuối năm | 108.001.947.072 | 80.643.411.508 |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch do đánh giá tỷ giá, các khoản dự phòng và các khoản chi phí trích trước.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|-------------------|-------------------|
| Các bên thứ ba | 2.242.761.181.733 | 1.722.763.113.643 |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 31(b)) | 4.897.968.069 | 108.195.986.831 |
| | 2.247.659.149.802 | 1.830.959.100.474 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|----------------------------|-----------------|-----------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 59.106.005.706 | 78.912.830.769 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 3.932.727.653 | 5.819.918.779 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 252.860.913.932 | 188.626.252.026 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 18.020.617.756 | 13.715.531.182 |
| Thuế khác | 32.604.800 | 388.358.072 |
| | 333.952.869.847 | 287.462.890.828 |

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Hỗ trợ bán hàng cho nhà phân phối | 172.183.794.781 | 166.981.423.467 |
| Chi phí trưng bày sản phẩm | - | 138.181.804 |
| Chi phí quảng cáo | 116.910.036.213 | 29.428.701.502 |
| Chi phí vận chuyển | 23.976.054.607 | 25.359.546.962 |
| Chi phí nhiên liệu | 7.115.522.438 | 5.795.564.015 |
| Chi phí bảo trì và sửa chữa | 5.797.227.711 | 6.357.023.147 |
| Chi phí nguồn nhân lực thuê ngoài | 11.164.299.513 | 7.252.173.600 |
| Chi phí phải trả khác | 27.956.701.587 | 19.365.394.796 |
| | 365.103.636.850 | 260.678.009.293 |

Chi phí phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chủ yếu thể hiện chi phí thuê đất và chi phí hoạt động chung khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|-----------------|----------------|
| Tiền ký quỹ nhận được từ khách hàng | 18.642.185.025 | 13.510.621.271 |
| Thuế nhập khẩu phải nộp chưa đến hạn nộp | 176.541.502.888 | 31.891.388.948 |
| Phải trả cho các cổ đông thiểu số liên quan đến việc góp vốn mua cổ phần đầu tư | - | 34.800.000 |
| Phải trả khác về đầu tư tài chính (*) | 448.007.419.155 | 184.859.155 |
| Bảo hiểm nhân viên và kinh phí công đoàn | 582.711.892 | 615.429.742 |
| Phải trả khác | 20.363.229.449 | 13.241.826.199 |
| | 664.137.048.409 | 59.478.925.315 |

(*) Phải trả khác về đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trả trước 447,822,000,000 đồng Việt Nam từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty vào một ngân hàng trong tương lai. Việc chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau 5 năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước. Khoản trả trước bao gồm 92.000.000.000 đồng Việt Nam nhận trong các năm trước và 355.822.000.000 đồng Việt Nam nhận trong năm 2012.

17. NỢ PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Nợ phải trả dài hạn khác đã được phân loại lại thành khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác trong năm 2012 do khoản nợ phải trả này sẽ được tất toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán (Thuyết minh số 16).

18. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 66.923.897.268 | 51.373.933.083 |
| Trích lập dự phòng | 1.687.443.587 | 16.618.656.982 |
| Sử dụng dự phòng | (680.685.501) | (1.068.692.797) |
| Hoàn nhập dự phòng | (8.294.878.354) | - |
| Số dư cuối năm | 59.635.777.000 | 66.923.897.268 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

19. VỐN CỔ PHẦN

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo số 926/2012/TB-SGDHCM phê chuẩn việc đăng ký 277.841.042 cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 2:1. Cổ phiếu thưởng được phát hành từ Quỹ Đầu tư và Phát triển và lợi nhuận chưa phân phối nhằm tăng vốn lên 8.339.557.960.000 đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đang trong quá trình điều chỉnh Giấy phép đăng ký kinh doanh cho việc tăng vốn này.

Vốn cổ phần của Công ty được duyệt và đã phát hành như sau:

| | 31.12.2012 | | 31.12.2011 | |
|------------------------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VNĐ | Số cổ phiếu | VNĐ |
| Vốn cổ phần được duyệt | 833.955.796 | 8.339.557.960.000 | 556.114.754 | 5.561.147.540.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 833.955.796 | 8.339.557.960.000 | 556.114.754 | 5.561.147.540.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (430.120) | (4.504.115.000) | (247.140) | (2.521.794.000) |
| Cổ phiếu hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 833.525.676 | 8.335.053.845.000 | 555.867.614 | 5.558.625.746.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các cổ đông được hưởng lãi cổ phiếu theo thông báo của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VNĐ

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư và phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 | 3.530.721.200.000 | - | (669.051.000) | 2.172.290.789.865 | 353.072.120.000 | 1.909.021.531.417 | 7.964.436.590.282 |
| Vốn góp tăng trong năm | 2.030.426.340.000 | 1.276.994.100.000 | - | (1.852.892.040.000) | - | - | 1.454.528.400.000 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (1.852.743.000) | - | - | - | (1.852.743.000) |
| Lợi nhuận sau thuế | - | - | - | - | - | 4.218.181.708.937 | 4.218.181.708.937 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 588.625.486.519 | 203.042.634.000 | (1.208.328.620.254) | (416.660.499.735) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | (741.428.260.000) | (741.428.260.000) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 5.561.147.540.000 | 1.276.994.100.000 | (2.521.794.000) | 908.024.236.384 | 556.114.754.000 | 4.177.446.360.100 | 12.477.205.196.484 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

20. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư và phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 | 5.561.147.540.000 | 1.276.994.100.000 | (2.521.794.000) | 908.024.236.384 | 556.114.754.000 | 4.177.446.360.100 | 12.477.205.196.484 |
| Vốn góp tăng trong năm | 2.778.410.420.000 | - | - | (1.628.883.194.992) | - | (1.149.527.225.008) | - |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (1.982.321.000) | - | - | - | (1.982.321.000) |
| Lợi nhuận sau thuế | - | - | - | - | - | 5.819.454.717.083 | 5.819.454.717.083 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 814.747.976.337 | 32.287.268.008 | (1.425.622.185.054) | (578.586.940.709) |
| Chia cổ tức (Thuyết minh số 21) | - | - | - | - | - | (2.222.994.056.000) | (2.222.994.056.000) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 8.339.557.960.000 | 1.276.994.100.000 | (4.504.115.000) | 93.889.017.729 | 588.402.022.008 | 5.198.757.611.121 | 15.493.096.595.858 |

21. CỔ TỨC

Trong năm 2012, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức bằng tiền đợt cuối của năm 2011 ở mức 20% và cổ tức bằng tiền đợt 1 của năm 2012 ở mức 20%.

Cổ tức bằng tiền đợt cuối của năm 2012 sẽ được đề xuất trong Đại hội đồng Cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2013.

22. DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu | | |
| Bán hàng hóa | 378.856.511.250 | 302.234.100.241 |
| Bán thành phẩm | 26.687.053.494.046 | 21.737.996.256.230 |
| Cung cấp dịch vụ bất động sản | 11.694.544.989 | 9.636.945.888 |
| Cung cấp các dịch vụ khác | 24.079.188.993 | 20.690.188.407 |
| | 27.101.683.739.278 | 22.070.557.490.766 |
| Các khoản giảm trừ | | |
| Chiết khấu thương mại | (529.926.422.029) | (441.891.678.905) |
| Hàng bán bị trả lại | (10.183.137.285) | (1.236.918.752) |
| | (540.109.559.314) | (443.128.597.657) |
| Doanh thu thuần | 26.561.574.179.964 | 21.627.428.893.109 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

22. DOANH THU (tiếp theo)

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|-----------------|-----------------|
| Lãi cho vay | 468.750.000 | 2.445.000.000 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 249.762.897.095 | 366.516.423.111 |
| Lãi đầu tư trái phiếu | 77.056.806.958 | 97.988.961.693 |
| Cổ tức nhận được | 35.619.974.400 | 25.576.594.310 |
| Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 103.438.947.734 | 133.011.736.352 |
| Lãi do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | - | 53.335.201.499 |
| Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 8.790.592.000 | - |
| Các thu nhập tài chính khác | 100.617.862 | 1.358.536.168 |
| | 475.238.586.049 | 680.232.453.133 |

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|--------------------|--------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 313.985.989.376 | 286.607.568.444 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 17.110.723.660.326 | 14.684.630.075.415 |
| Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản | 5.511.306.230 | 5.461.852.413 |
| Giá vốn của các dịch vụ khác đã cung cấp | 1.021.956.715 | 1.314.885.592 |
| Hao hụt, mất mát hàng tồn kho | 6.163.282.024 | 2.017.880.798 |
| Các khoản chi phí vượt mức bình thường do hoạt động dưới công suất | 47.214.514.188 | 57.217.075.478 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 209.538.329 | 2.056.040.224 |
| | 17.484.830.247.188 | 15.039.305.378.364 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------|-----------------|
| Hỗ trợ thanh toán nhà phân phối | 31.602.235.707 | 22.667.657.049 |
| Chi phí lãi vay | 3.114.837.973 | 13.933.130.085 |
| Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được | 1.016.360.739 | 1.173.590.655 |
| Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 37.855.110.550 | 105.298.278.209 |
| Lỗ do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 23.750.178.315 | 60.940.976.183 |
| (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (77.210.476.142) | 42.357.282.181 |
| Chi phí tài chính khác | 31.042.882.273 | 58.995.000 |
| | 51.171.129.415 | 246.429.909.362 |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|-------------------|-------------------|
| Chi phí quảng cáo | 586.620.623.362 | 400.203.453.923 |
| Chi phí khuyến mãi | 635.694.113.386 | 501.645.805.671 |
| Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối | 405.354.439.716 | 330.271.502.489 |
| Chi phí nhân viên | 154.142.240.782 | 126.040.690.295 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 56.236.043.231 | 46.661.138.368 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 61.297.993.881 | 36.459.224.005 |
| Chi phí khấu hao | 25.653.373.488 | 25.827.515.080 |
| Chi phí hàng hỏng | 13.803.784.829 | 10.079.299.960 |
| Chi phí vận chuyển hàng bán | 307.016.838.337 | 254.224.204.720 |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 99.969.890.863 | 80.501.413.118 |
| | 2.345.789.341.875 | 1.811.914.247.629 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|-----------------|-----------------|
| Chi phí nhân viên | 165.496.215.666 | 139.108.109.646 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 13.566.054.345 | 10.884.949.950 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 4.275.239.859 | 5.130.371.249 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 60.091.120.002 | 50.962.059.856 |
| Thuế, phí và lệ phí | 15.421.910.323 | 5.136.600.449 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc | 1.344.579.930 | 18.452.003.759 |
| Chi phí vận chuyển hàng nội bộ | 50.852.128.502 | 47.134.745.105 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 123.243.688.760 | 96.091.668.645 |
| Chi phí nhập hàng | 24.670.644.465 | 32.483.865.536 |
| Công tác phí | 18.037.151.325 | 14.907.572.769 |
| Chi phí dịch vụ ngân hàng | 5.975.197.656 | 6.926.788.557 |
| Chi phí khác | 42.223.338.513 | 32.213.261.678 |
| | 525.197.269.346 | 459.431.997.199 |

27. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|------------------|------------------|
| Thu nhập khác | | |
| Tiền bồi thường nhận được từ các bên thứ ba | 789.778.800 | 3.140.520.594 |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 38.249.877.676 | 58.616.361.045 |
| Tiền thu từ thanh lý công cụ dụng cụ, vật tư kỹ thuật và phế liệu | 94.593.140.503 | 81.356.185.908 |
| Hỗ trợ từ nhà cung cấp | 196.470.446.738 | 166.810.521.148 |
| Thu nhập khác | 20.220.100.031 | 13.182.449.134 |
| | 350.323.343.748 | 323.106.037.829 |
| Chi phí khác | | |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý | (58.923.685.176) | (81.065.291.516) |
| Giá trị công cụ dụng cụ, vật tư kỹ thuật và phế liệu thanh lý | (81.732.178) | (1.395.686.642) |
| Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng | - | (722.472.308) |
| Chi phí khác | (4.000.858.759) | (2.696.555.210) |
| | (63.006.276.113) | (85.880.005.676) |
| Thu nhập khác – số thuần | 287.317.067.635 | 237.226.032.153 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

28. THUẾ

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) theo các mức thuế suất khác nhau từ 15% đến 25% tùy thuộc vào địa điểm kinh doanh tính trên thu nhập tính thuế. Trong Tập đoàn, chỉ có Công ty và Công ty TNHH Một Thành viên sữa Lam Sơn có phát sinh chi phí thuế TNDN. Các công ty con còn lại trong Tập đoàn chưa có thu nhập chịu thuế.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất thông thường 25% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.929.668.017.079 | 4.978.991.895.071 |
| Thuế tính ở thuế suất 25% | 1.732.417.004.270 | 1.244.747.973.768 |
| Điều chỉnh: | | |
| Chênh lệch thuế suất giữa các chi nhánh và các công ty con | (313.944.391.849) | (226.947.759.566) |
| Thu nhập không chịu thuế | (21.681.732.054) | (24.161.191.796) |
| Chi phí không được khấu trừ | 6.147.267.330 | 5.821.560.435 |
| Ưu đãi thuế | (316.897.335.259) | (251.427.181.503) |
| Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trước đây chưa ghi nhận | (7.099.509.506) | - |
| Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận trước đây | 5.315.132.448 | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận trên các khoản lỗ tính thuế trong năm hiện hành của các công ty con | 7.720.353.075 | 7.362.992.662 |
| Dự phòng thiếu của năm trước | 18.236.511.541 | 5.413.792.134 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.110.213.299.996 | 760.810.186.134 |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được tính dựa trên trên thu nhập chịu thuế ước tính trong năm và tùy thuộc vào việc kiểm tra và có thể có sự thay đổi của cơ quan thuế địa phương.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (đồng) | 5.819.454.717.083 | 4.218.181.708.937 |
| Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 833.639.586 | 546.582.775 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu tính trên bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (đồng) | 6.981 | 7.717 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành với giả định số cổ phiếu thưởng phát hành trong tháng 12 năm 2012 đã được phát hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 | 833.639.586 | 819.874.163 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được điều chỉnh với giả định số cổ phiếu thưởng phát hành trong tháng 12 năm 2012 đã được phát hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 (đồng) | 6.981 | 5.145 |

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 16.367.691.633.669 | 14.287.698.212.202 |
| Chi phí nhân công | 736.961.575.667 | 601.635.087.269 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 534.303.105.072 | 414.590.126.002 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 922.116.282.884 | 747.394.008.140 |
| Các chi phí khác | 1.842.875.132.323 | 1.418.792.597.684 |
| | 20.403.947.729.615 | 17.470.110.031.297 |

31. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 45,05% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|------|-------------|
| Công ty liên kết: | | |
| Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn | - | 112.180.852 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

31. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|-----------------|-----------------|
| Liên doanh: | | |
| Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam | 3.761.820.098 | 3.483.876.513 |
| Công ty liên kết: | | |
| Công ty TNHH Miraka | 376.348.603.444 | 208.625.385.663 |
| Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn | 37.676.635.000 | 8.283.190.000 |
| | 417.787.058.542 | 220.392.452.176 |

iii) Thu hồi khoản vay từ công ty liên kết

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn đã tắt toán khoản vay 18 tỷ đồng Việt Nam đã vay từ Công ty trong năm 2011.

iv) Chi trả cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|-------------------|-----------------|
| Cổ đông lớn: | | |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC") | 1.001.952.000.000 | 333.984.000.000 |

v) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|----------------|----------------|
| Tiền lương và thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành | 56.403.673.599 | 46.643.535.904 |

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|--|---------------|-----------------|
| Các khoản phải trả (Thuyết minh số 13) | | |
| Liên doanh: | | |
| Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam | 1.693.428.819 | 145.509.003 |
| Công ty liên kết: | | |
| Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn | 3.204.539.250 | - |
| Công ty TNHH Miraka | - | 108.050.477.828 |
| | 4.897.968.069 | 108.195.986.831 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

Đơn vị tính: VNĐ

| | Trong nước | | Xuất khẩu | | Tổng cộng | |
|--------------------|----------------------|----------------------|---------------------|---------------------|----------------------|----------------------|
| | 2012 | 2011 | 2012 | 2011 | 2012 | 2011 |
| Doanh thu bán hàng | 22.849.151.383.120 | 18.854.564.315.218 | 3.712.422.796.844 | 2.772.864.577.891 | 26.561.574.179.964 | 21.627.428.893.109 |
| Giá vốn hàng bán | (14.546.267.732.706) | (12.815.260.529.233) | (2.938.562.514.482) | (2.224.044.849.131) | (17.484.830.247.188) | (15.039.305.378.364) |
| Lợi nhuận gộp | 8.302.883.650.414 | 6.039.303.785.985 | 773.860.282.362 | 548.819.728.760 | 9.076.743.932.776 | 6.588.123.514.745 |

33. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | 2012 | 2011 |
|---|-----------------|-------------------|
| Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị | 453.394.023.691 | 2.142.064.573.853 |

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | Thuê đất và thuê kho | |
|--|----------------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VNĐ |
| Dưới 1 năm | 9.046.521.632 | 5.281.677.565 |
| Từ 1 đến 5 năm | 36.186.086.528 | 21.133.710.260 |
| Trên 5 năm | 256.388.911.967 | 175.917.048.989 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 301.621.520.127 | 202.332.436.814 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Tổng quan

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(i) Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR là như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | | | |
|---|-------------------------------|--------------|-------------------|-------------------|
| | Tiền gốc ngoại tệ | | VNĐ tương đương | |
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng | 11.737.838 | 49.848 | 244.147.038.928 | 1.360.887.689 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 26.862.852 | 9.151 | 558.747.318.929 | 249.831.451 |
| | 38.600.690 | 58.999 | 802.894.357.857 | 1.610.719.140 |
| Nợ tài chính | | | | |
| Phải trả người bán và các khoản nợ khác | (35.559.707) | (12.185.695) | (739.641.898.740) | (332.681.669.023) |
| Mức độ rủi ro tiền tệ | 3.040.983 | (12.126.696) | 63.252.459.117 | (331.070.949.883) |

| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | | | |
|---|-------------------------------|--------------|-------------------|-------------------|
| | Tiền gốc ngoại tệ | | VNĐ tương đương | |
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng | 27.989.325 | 1.482.878 | 582.961.667.350 | 40.976.354.510 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 25.905.903 | - | 539.568.149.410 | - |
| | 53.895.228 | 1.482.878 | 1.122.529.816.760 | 40.976.354.510 |
| Nợ tài chính | | | | |
| Phải trả người bán và các khoản nợ khác | (38.849.352) | (12.606.518) | (809.154.305.747) | (348.355.921.842) |
| Mức độ rủi ro tiền tệ | 15.045.876 | (11.123.640) | 313.375.511.013 | (307.379.567.332) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/yếu đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ cao/thấp hơn một khoản là 4.743.934.434 đồng Việt Nam do lãi/lỗ chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Euro mạnh/yếu đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ thấp/cao hơn một khoản là 24.830.321.241 đồng Việt Nam do lãi/lỗ chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

(ii) Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ cao/thấp hơn 10.425.695.430 đồng Việt Nam tương ứng với xu hướng thay đổi của giá.

(iii) Rủi ro lãi suất

Tập đoàn không chịu rủi ro lãi suất lớn do Tập đoàn có chính sách duy trì lãi suất cố định cho tất cả các khoản vay. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã tất toán tất cả các khoản vay.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Các khoản đầu tư

Tập đoàn giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Số dư với ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các ngân hàng được Ban Điều hành đánh giá có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Tập đoàn không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 1.651.987.314.538 đồng Việt Nam (2011: 1.353.317.082.254 đồng Việt Nam).

(ii) Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu và phải thu khác.

Các khoản phải thu và phải thu khác quá hạn nhưng không suy giảm giá trị bao gồm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(ii) Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| | Tại ngày 31 tháng 12 | |
|------------------------|----------------------|----------------|
| | 2012 | 2011 |
| Quá hạn 1 đến 30 ngày | 13.392.747.256 | 15.058.558.138 |
| Quá hạn 31 đến 60 ngày | 214.534.274 | 287.717.434 |
| Quá hạn 61 đến 90 ngày | 574.491.413 | 630.000 |
| Quá hạn hơn 90 ngày | - | 3.727.445.863 |
| | 14.181.772.943 | 19.074.351.435 |

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Tại ngày 31 tháng 12 | |
|------------------------------|----------------------|-----------------|
| | 2012 | 2011 |
| Giá trị ghi sổ | | |
| Tổng gộp | 7.427.162.147 | 3.582.467.962 |
| Trừ: Dự phòng giảm giá trị | (3.852.583.886) | (1.918.007.430) |
| | 3.574.578.261 | 1.664.460.532 |
| Dự phòng giảm giá trị | | |
| Số dư đầu năm | 1.918.007.430 | 596.556.111 |
| Dự phòng tăng | 1.972.328.394 | 1.833.346.777 |
| Xóa sổ | (37.751.938) | (511.895.458) |
| Số dư cuối năm | 3.852.583.886 | 1.918.007.430 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và luồng lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Đơn vị tính: VND

| | Dưới 1 năm | Từ 1 đến 2 năm |
|---|-------------------|----------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | | |
| Phải trả người bán và các khoản nợ khác | 3.383.050.344.921 | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | | |
| Phải trả người bán và các khoản nợ khác | 2.195.856.347.192 | 92.000.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Đơn vị tính: VND

| | Giá trị sổ sách | So sánh với giá thị trường | | Giá trị thị trường | Dự phòng |
|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| | | Tăng | Giảm | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | | | | | |
| Chứng khoán vốn niêm yết | 211.020.970.112 | 14.318.490.708 | (61.470.408.420) | 163.869.052.400 | (61.470.408.420) |
| Chứng khoán vốn chưa niêm yết | 82.283.660.000 | - | (68.558.267.200) | 13.725.392.800 | (68.558.267.200) |
| Các đầu tư dài hạn khác | | | | | |
| Chứng chỉ quỹ | 30.540.000.000 | - | (14.355.884.467) | 16.184.115.533 | (14.355.884.467) |
| | 323.844.630.112 | 14.318.490.708 | (144.384.560.087) | 193.778.560.733 | (144.384.560.087) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | | | | | |
| Chứng khoán vốn niêm yết | 24.993.771.792 | 11.762.802.708 | (10.685.976.400) | 26.070.598.100 | (10.685.976.400) |
| Chứng khoán vốn chưa niêm yết | 82.283.660.000 | - | (68.558.267.200) | 13.725.392.800 | (68.558.267.200) |
| Các đầu tư dài hạn khác | | | | | |
| Chứng khoán vốn niêm yết | 206.996.073.800 | 5.973.328.500 | (96.442.805.500) | 116.526.596.800 | (96.442.805.500) |
| Chứng chỉ quỹ | 106.350.000.000 | - | (45.907.987.129) | 60.442.012.871 | (45.907.987.129) |
| | 420.623.505.592 | 17.736.131.208 | (221.595.036.229) | 216.764.600.571 | (221.595.036.229) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 (tiếp theo)

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đo lường theo giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được ước tính dựa trên giá giao dịch bình quân của 3 công ty chứng khoán.

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được tính dựa vào giá trị thị trường của danh mục đầu tư của quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

36. CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Điều hành duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2013.



Lê Thành Liêm
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Thu Trang
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TÀI CHÍNH



Mai Kiều Liên
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 28 tháng 2 năm 2013



VƯỜN CAO VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Trụ sở: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84. 8) 54 155 555
Fax: (84. 8) 54 161 226
Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
Website: www.vinamilk.com.vn

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

Chi nhánh tại Hà Nội

Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. HN
ĐT: (84 4) 37 246 019
Fax: (84 4) 37 246 005.

Chi nhánh tại Đà Nẵng

12 Chi Lăng, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (84 511) 3 584 848
Fax: (84 511) 3 897 223

Chi nhánh tại Cần Thơ

86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84 710) 6 256 555
Fax: (84 710) 3 827 334

CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

Công ty TNHH một thành viên bò sữa Việt Nam

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
ĐT: (84 8) 54 155 555
Fax: (84 8) 54 161 226

Công ty TNHH một thành viên đầu tư bất động sản quốc tế

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
ĐT: (84 8) 54 155 555
Fax: (84 8) 54 161 226

Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn

Khu Công Nghiệp Lê Môn, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (84 37) 3 912 540
Fax: (84 37) 3 912 541

Công ty cổ phần nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn

Lô C- 9E - CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84 650) 3 510 175
Fax: (84 650) 3 510 176
Website: www.afi.vn

Công ty TNHH Miraka

108 Tuwharetoa St, Taupo, New Zealand, PO Box 740, Taupo, 3351, New Zealand
ĐT: +64 7 376 0075
Fax: +64 7 377 0694

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Nhà máy sữa Trường Thọ

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 62 527 555
Fax: (84 8) 38 966 884

Nhà máy sữa Thống Nhất

12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 625 29 555
Fax: (84 8) 62 88 57 27

Nhà máy sữa Dielac

Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường Bình An, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (84 61) 6 256 555
Fax: (84 61) 3 836 015

Nhà máy sữa Bình Định

87 Hoàng Văn Thụ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: (84 56) 6 253 555
Fax: (84 56) 3 746 065

Nhà máy sữa Nghệ An

Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An
ĐT: (84 38) 6 259 555
Fax: (84 38) 3 824 717

Nhà máy sữa Sài Gòn

Lô 1-18 Khu G1- KCN Tân Thới Hiệp, Hương Lộ 80, Phường Hiệp Thành, Q.12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 62528 555
Fax: (84 8) 37 176 353

Nhà máy sữa Cần Thơ

Lô 46, Khu Công Nghiệp Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84 710) 6 258 555
Fax: (84 710) 6 255 998

Nhà máy sữa Tiên Sơn

Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
ĐT: (84 241) 3 739 568
Fax: (84 241) 31 714 814

Nhà máy nước giải khát Việt Nam

Lô A-2-CN, A-9-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84 650) 3 556 839
Fax: (84 650) 3 556 890

Nhà máy sữa Đà Nẵng

Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
Điện thoại: (0511) 6259 777
Fax: (0511) 6259 555

Nhà máy sữa Việt Nam

Lô A-4-CN, A-5-CN, A-6-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. (Dự án đang xây dựng)

Nhà máy sữa bột Việt Nam

Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore 1, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương (Dự án đang xây dựng)

Xí nghiệp kho vận HCM

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 62 526 555
Fax: (84 8) 38 960 804

Xí nghiệp kho vận Hà Nội

Km 10/Quốc lộ 5, X. Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội
ĐT: (84 4) 38 276 418
Fax: (84 4) 38 276 966

Phòng khám An Khang

87A Cách Mạng Tháng 8, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 62 911 722
Fax: (84 8) 39 253 727

TRỤ SỞ CHÍNH

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 54 155 555

Fax: (84.8) 54 161 226

Email: vinamilk@vinamilk.com.vn

Web: www.vinamilk.com.vn

